NGUYỄN QUANG HÒA

80 Xuân DẶM DÀI SỰ NGHIỆP

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

NGUYỄN QUANG HÒA

80 Xuân DẶM DÀI SỰ NGHIỆP

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

Ông NGUYỄN QUANG HÒA

Sinh ngày: 25/5/1945

Quê quán: Xuân Hồng (nay là Phú Lập), Thanh Xuân, Thanh Chương, Nghệ An

Nguyên: Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An

Nay: - Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An (nhiệm kỳ 2014 - 2029)

- Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Nghệ An

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội Thủy lợi tỉnh Nghệ An

- Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng KHKT và CN Thủy lợi

* Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Ba cùng nhiều Bằng khen của Trung ương, tỉnh và các ban, ngành trao tặng.

ĐÔI LỜI TỰ BẠCH

Xuân Giáp Thìn 2024, tôi tròn 80 tuổi. Đây là dấu mốc quan trọng trong cuộc đời một con người nói chung và bản thân tôi nói riêng. Tôi tự nhận mình là người may mắn và có "Phúc".

Hằng ngày, công này việc nọ, tôi vẫn băng băng xe máy trên đường, mặc dù trí nhớ có phần hạn chế, dẫn đến đôi khi phải loay hoay tìm mãi chùm chìa khóa...

Quê tôi ở xóm An Sơn (nay là Xuân Hồng), xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương. Hiện nay, gia đình tôi cư trú tại khối 16, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh.

Mẹ tôi kể, khi sinh tôi ở nhà thương trên Rộ (Võ Liệt), khi vào còn treo lá cờ Pháp, khi ra đã thấy lá cờ Nhật (Nhật đảo chính Pháp), vậy là tháng 3/1945.

Tuổi ấu thơ sướng, vui, tủi nhục đã từng kinh qua. Năm 11 tuổi (1956), tai họa ập đến gia đình tôi, đến khi được minh oan trả lại thành phần, trả lại Đảng tịch thì bố tôi còn đâu nữa! Của cải đền bù thì như trĩnh nước đổ ra rồi vét lại.

Con tôi còn nhỏ dại nên tôi đã đào sâu chôn chặt ký ức này. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Nghệ An đã lau nước mắt làm vơi đi nỗi đau buồn, gia đình tôi trước sau đi theo con đường của Đảng.

Thuở nhỏ, tôi ham đọc sách, không nhớ sách nào, nhưng tôi vẫn nhớ như in có đoạn đại ý là: "Hãy đứng trong hoàn cảnh của tôi thì anh sẽ hiểu tôi". Câu văn ấy theo tôi trong suốt quá trình và trở thành phương châm xử thế, nhất là khi giải quyết công việc thường ngày với người dân cũng như ứng xử với đồng chí, đồng nghiệp.

Tháng 2/2005, khi còn 3 tháng nữa là nghỉ hưu theo chế độ, với chức danh Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An, tôi trực tiếp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thế Trung, là từ ngày 25/5/2005, tôi xin gác bút không ký nữa và giới thiệu với ông người kế nhiệm, được ông đồng tình. Về hưu, gác bút, không trách cứ ai, không giận chi ai, và chắc rằng cũng không ai trách giận chi mình.

Về nơi cư trú, nộp giấy sinh hoạt Đảng, tham gia vài cuộc họp chi bộ thì được giao làm Cấp ủy, Trưởng Ban Công tác Mặt trận, đến hết nhiệm kỳ thì xin nghỉ vì lý do được giao nhiều chức danh quá. Sau này, còn đảm nhiệm thêm một số chức nữa, như: Trưởng Ban Liên lạc Hội đồng hương xã Thanh Xuân ở thành phố Vinh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Thủy lợi, Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi,

Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Nghệ An, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An, nhiệm kỳ (2014 - 2019), ((2019 - 2024).. Công này, việc nọ nhưng quyết định thì không có điều 3 hoặc có thì được ghi rõ kinh phí hoạt động tự trang trải. Làm chỗ nọ bỏ chỗ kia để trang trải tiền xăng xe và đôi ly bia rượu. Cái được lớn nhất là giao lưu, hội ngộ vui vẻ.

Tuổi 80, tôi vẫn thường ghi sổ sách để nhớ. Song có điều từ trước tới nay tuy không ghi nhưng tôi chẳng bao giờ quên, đó là sự giúp đỡ, tin tưởng của lãnh đạo các cấp, các ngành, sự cộng tác của anh em đồng nghiệp trong quá trình công tác cũng như hiện nay để cố gắng xứng đáng với niềm tin của mọi người.

Nhớ lại thời kỳ làm công tác quản lý, tôi thường nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Đảng và Nhà nước có liên quan để tham mưu tổ chức thực hiện. Qua đó, nhận thấy những vấn đề chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất và đời sống của nhân dân, đã viết thư phản ánh lên lãnh đạo Trung ương và địa phương. Tôi cũng dành thời gian viết bài đăng trên các báo, nhằm cổ vũ phong trào nhân dân làm thủy lợi theo nghị quyết của Tỉnh ủy và định hướng nhiệm vụ thủy lợi, đề nghị xem xét việc xây dựng, vận hành nhà máy thủy điện trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Nhằm lưu lại làm kỷ niệm, tôi chọn một số bài còn có tính thời sự và một số bài phóng viên các báo viết về một

trong số các công trình nghiên cứu khoa học thành công của tôi và các cộng sự.

Năm nay - 2024, tôi quyết định xuất bản cuốn sách này: ***80 xuân - Dặm dài sự nghiệp*** trên cơ sở tái bản phần đa nội dung từ cuốn *70 xuân - Dặm dài sự nghiệp* đã xuất bản năm 2015, đồng thời bổ sung thêm một số bài viết trong thời gian gần đây, để làm kỷ niệm nhân dịp tròn 80 tuổi.

Bản thân tự thấy mình năng lực có hạn, ngôn từ, câu cú chưa chuẩn, song tất cả là tấm lòng chân thật. Thông qua cuốn sách ***80 xuân - Dặm dài sự nghiệp,*** để bày tỏ lòng thành biết ơn mãi mãi các đồng chí lãnh đạo đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho tôi.

Chân thành cảm ơn sự cộng tác, chia ngọt sẻ bùi của anh em, đồng nghiệp, bạn bè gần xa trên mọi chặng đường công tác cũng như khi về với đời thường.

Xin cảm ơn tất cả và chân tình đón nhận những điều còn khiếm khuyết!

Thành Vinh, mùa xuân năm 2024

NGUYỄN QUANG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN
HẠNG Ba

Ông Nguyễn Quang Hòa
Xã Thanh Tuấn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ Tĩnh
Đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Hà nội ngày 5 tháng 5 năm 1984
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

Tố Hữu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Ba

Ông NGUYỄN QUANG HOÀ

Chi cục trưởng Chi cục Quản lý nước và Công trình Thuỷ lợi,
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An
Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 đến năm 2003,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

Quyết định số: 734 QĐ/CTN ngày 25 tháng 10 năm 2004
Vào sổ Lưu số: 4

Hà Nội ngày 27 tháng 10 năm 2004
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đức Lương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

TẶNG

BẰNG KHEN

Ông **Nguyễn Quang Hoà và các cộng sự**

Hội Thuỷ Lợi tỉnh Nghệ An

Đạt Giải Đặc biệt

Giải thưởng các công trình sáng tạo khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An - năm 2011

Với công trình " Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình " .

Vinh, ngày 26 tháng 12 năm 2011

CHỦ TỊCH

Quyết định số: 5636 -QĐ-UBND-TD

Hồ Đức Phớc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

Tặng

BẰNG KHEN

Ông **Nguyễn Quang Hòa**

PHÓ CHỦ TỊCH KIÊM TỔNG THƯ KÝ HỘI THỦY LỢI NGHỆ AN

Đã có thành tích đóng góp xuất sắc trong xây dựng và phát triển
Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2014

T/M CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG

PGS. TS. **Hồ Uy Liêm**

Quyết định số: 54/QĐ-LHHKT
Ngày 26 tháng 3 năm 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Tặng
Ông Nguyễn Quang Hòa
Giám đốc, Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật & Công nghệ Thủy Lợi tỉnh Nghệ An
KỶ NIỆM CHƯƠNG
VÌ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2014
BỘ TRƯỞNG
Nguyễn Quân

Quyết định số 384 /QĐ-BKHCN
Ngày 09 tháng 5 năm 2014

Lễ trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba
cho ông Nguyễn Quang Hòa, ngày 8/1/2015

Ông Nguyễn Quang Hòa đọc diễn văn khai mạc tại Lễ kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống ngành Thủy lợi, ngày 27/8/2010

Đồng chí Trần Văn Hằng - Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An chụp ảnh lưu niệm với ông Nguyễn Quang Hòa nhân kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống ngành Thủy lợi, ngày 27/8/2010

Đồng chí Hồ Đức Phớc - Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An trao Bức trướng của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ Việt Nam cho lãnh đạo Sở NN&PTNT, Hội Thủy lợi tỉnh Nghệ An tại Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Thủy lợi, ngày 22/8/2015

Đồng chí Đinh Viết Hồng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh trao Bằng khen của UBND tỉnh cho tập thể và cá nhân tại Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Thủy lợi, ngày 22/8/2015

Ông Nguyễn Quang Hòa
tại Lễ tổng kết và trao giải "Hội thi
Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc
lần thứ 11 (2010 - 2011)"

Ông Nguyễn Quang Hòa và các cộng sự đón nhận giải Ba
tại Lễ Tổng kết và trao giải "Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc
lần thứ 11 (2010 - 2011)"

Ông Nguyễn Quang Hòa trả lời phỏng vấn của phóng viên Đài PT & TH Nghệ An tại Lễ trao giải thưởng "Hội thi Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Nghệ An lần thứ 11"

Đồng chí Phan Đình Trạc - Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An trao giải Đặc biệt cho ông Nguyễn Quang Hòa và các cộng sự tại Lễ trao giải thưởng "Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Nghệ An lần thứ 11"

Ông Nguyễn Quang Hòa dự Lễ khởi công Dự án đầu tư hợp phần đập phụ, kênh thông hồ và kênh tiêu Châu Bình do Tổng Công ty 36, Bộ Quốc phòng thi công (Đây là giải pháp khoa học của ông Nguyễn Quang Hòa và cộng sự, đoạt giải Ba Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc, giải Đặc biệt Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Nghệ An)

Đồng chí Trần Đức Lượng - Phó Tổng Thanh tra Chính phủ chụp ảnh lưu niệm với ông Nguyễn Quang Hòa - Chủ nhiệm Đề án "Xây dựng cơ chế, chính sách đưa chủ trương phản biện vào cuộc sống ở Nghệ An"

Ban Giám khảo cuộc thi "Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam 2013 (VACI-2013)" lắng nghe ông Nguyễn Quang Hòa trình bày dự án

Ông Nguyễn Quang Hòa nhận giải thưởng tại
"Chương trình Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam VACI - 2013"

Đồng chí Huỳnh Phong Tranh - Tổng Thanh tra Chính phủ chụp ảnh lưu niệm với đại diện các tập thể đoạt giải tại "Chương trình Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam VACI - 2013"

MỘT CON NGƯỜI ĐẦY TÂM HUYẾT[1]

Kỹ sư Nguyễn Quang Hòa sinh ra và lớn lên trên quê nghèo Thanh Chương, một vùng quê rất cách mạng. Ông nội có nghề thầy thuốc nổi tiếng trong vùng, được tiếp nhận làm tộc trưởng họ Nguyễn Trung tôn và số ruộng đất họ do người anh ruột không có con trai mất đi để lại cho ông. Gia đình ông từng bảo vệ, nuôi dưỡng các đồng chí cốt cán của cách mạng, là địa điểm hội nghị bí mật của tổ chức cơ sở đảng mà bố mẹ ông đều là đảng viên.

Vợ chồng hai người em của bố ông cũng là đảng viên, sớm rời quê đi hoạt động miền xa. Với số ruộng đất có lúc bấy giờ, đội cải cách ruộng đất đã quy cho gia đình ông là thành phần địa chủ, bố ông bị xử bắn, mẹ ông bị khai trừ Đảng. Sau sửa sai, gia đình ông được trả lại thành phần trung nông và bố mẹ ông được khôi phục Đảng tịch. Đau đớn một thời ập đến gia đình, nhưng với truyền thống cách mạng tiếp nối trong dòng máu của người bố, ông lấy lại bình tĩnh và thông cảm cho sai lầm của Đảng qua lời xin lỗi,

1. Bài giới thiệu của ông Nguyễn Hữu Bản đã đăng trong cuốn sách *70 xuân - Dặm dài sự nghiệp,* xuất bản năm 2015.

gạt nước mắt của Bác Hồ. Từng bước nguôi dần và vươn lên để lấy tấm bằng đại học, trở về quê công tác.

Ngày đó, tôi đang là Bí thư Đoàn ngành Thủy lợi Nghệ An, tiếp xúc với kỹ sư Nguyễn Quang Hòa, đã thấy ở ông một con người nhiệt huyết. Sau đó, ông hoạt động trong lĩnh vực quản lý thủy nông mà tôi là Phó Giám đốc Sở trực tiếp chỉ đạo. Anh em hiểu nhau và tạo điều kiện cho nhau trong công tác.

Cho đến khi về hưu, tôi đã cùng với một số đồng chí sáng lập viên đề xuất thành lập Hội Thủy lợi Nghệ An, được Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận. Ngay từ đầu, tôi đã nghĩ đến ông Hòa và giới thiệu để Đại hội bầu ông vào Ban Chấp hành đảm nhiệm chức Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký và Giám đốc Trung tâm Khoa học - Công nghệ của Hội. Đúng là không nhầm, qua hai nhiệm kỳ hoạt động (2006 - 2015), Hội Thủy lợi lập được nhiều thành tích xuất sắc, được UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, trong đó vai trò nổi bật của ông Nguyễn Quang Hòa. Ông là một con người thẳng thắn, bộc trực, làm việc không biết mệt mỏi, không tính toán thiệt hơn, luôn tìm tòi học hỏi, ham phát biểu trên các diễn đàn, ham viết báo. Gần đây, ông đưa đến cho tôi đọc bản thảo *70 xuân - Dặm dài sự nghiệp* gồm 20 bài báo ông đã gửi đăng ở các báo Trung ương và địa phương cùng một số bài phóng viên các

báo viết về ông, với mong muốn giữ lại một phần kỷ niệm những năm tháng "hưu mà không nghỉ".

Ở tuổi 70, "sự hồi xuân" về năng lực, trí lực, tâm huyết của ông thật đáng trân trọng. Nhiều công việc đang theo bám ông: Ở Mặt trận tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội Thủy lợi, Trung tâm Tư vấn, Hội đồng hương xã,... thật là bận bịu.

Chúc ông mạnh khỏe, tiếp tục hoạt động, xứng đáng với rường cột của Hội Thủy lợi và các tổ chức mà ông đang tham gia. Tôi rất hoan nghênh và đề nghị Nhà xuất bản Nghệ An giúp đỡ để tác phẩm sớm đến được với bạn đọc.

Ngày 01/12/2015

NGUYỄN HỮU BẢN

Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
Nguyên Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Nghệ An

Phần I

MỘT SỐ BÀI CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN QUANG HÒA ĐĂNG TRÊN CÁC BÁO TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG VÀ THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CÒN CÓ TÍNH THỜI SỰ

CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CỐ KÊNH MƯƠNG Ở NGHỆ AN

(Báo Nhân Dân số 16878, ngày 2/10/2001)

Sau nhiều năm xây dựng, đến nay, tỉnh Nghệ An có hai hệ thống thủy nông lớn là Bắc và Nam, 624 hồ chứa, 500 trạm bơm điện, hơn 5.000km kênh các loại, có nhiệm vụ thiết kế tưới 123.000ha đất nông nghiệp. Nhưng do nhiều năm khai thác, các công trình không được đầu tư sửa chữa đúng mức, cho nên việc cung cấp nước tưới bình quân chỉ đạt 40 - 60% mức thiết kế, chủ yếu do kênh mương bằng đất, bị hư hỏng, xuống cấp.

Để nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, việc kiên cố hóa kênh mương được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo là một trong những chương trình trọng điểm.

Ngày 5/5/1997, UBND tỉnh đã ban hành quyết định về chính sách huy động vốn và cơ chế thực hiện kiên cố hóa kênh mương. Quy định cụ thể mức và hình thức đóng góp theo điều kiện từng vùng: Đồng bằng 4 - 6kg/sào/vụ,

miền núi 2 - 4kg/sào/vụ. Hình thức đóng góp đa đạng, có thể ngày công, vật liệu,... Mức hỗ trợ của tỉnh đối với kênh hợp tác xã quản lý ở vùng đồng bằng, vùng bơm điện 20%, hồ chứa 10%; kênh do doanh nghiệp thủy nông quản lý vùng miền núi với kênh liên xã 60%, kênh gọn một xã 40%; vùng đồng bằng kênh liên xã 40%, gọn một xã 20%. Tỉnh hỗ trợ chủ yếu bằng xi măng địa phương, sắt, thép. Triệt để tiết kiệm trong xây dựng để giảm nhẹ mức đóng góp của nhân dân, chế độ dự toán quy định cho kiên cố kênh là: Giá vật liệu tại chỗ sử dụng xi măng địa phương, nhân dân tự tổ chức lực lượng xây dựng, không tính lãi định mức, thiết kế áp dụng định hình, chi phí khảo sát và chi phí chung chỉ tính bằng 50% mức quy định xây dựng cơ bản. Tính ra, giá thành xây dựng kênh mương hạ được 25 - 35% so với giá xây dựng cơ bản. Từ việc áp dụng cơ chế hỗ trợ và các biện pháp hợp lý, phong trào kiên cố kênh mương của Nghệ An phát triển mạnh trong mấy năm gần đây. Trước năm 1997, toàn tỉnh chỉ có 36km được kiên cố, đến ngày 30/6/2000, đã kiên cố được 1.830km kênh các loại, với tổng kinh phí 332 tỷ 740 triệu đồng: trong đó, nhân dân đóng góp bằng nhiều hình thức, quy ra giá trị là 236 tỷ 570 triệu đồng (chiếm 77,2% giá trị công trình).

Kiên cố hóa kênh đem lại hiệu quả nhanh chóng và thiết thực, góp phần quan trọng bảo đảm diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng. Hệ số sử dụng kênh nâng từ 0,5 - 0,6 lên 0,85 - 0,9; giảm được 20 - 30% tiền điện bơm

tưới và sửa chữa thường xuyên, giảm chi phí quản lý và ngày công điều tiết nước trên kênh cho hộ dùng nước trong các vụ sản xuất; giảm 40 - 60% thời gian đưa nước từ đầu mối tới mặt ruộng, rất có ý nghĩa đối với vụ sản xuất hè thu ở Nghệ An. Mở rộng diện tích được tưới ổn định 15 - 20%, tạo tiền đề và điều kiện chuyển dịch cơ cầu cây trồng, mở rộng đường giao thông, sạch - đẹp cảnh quan, môi trường và bộ mặt nông thôn. Tuy vậy, hiệu quả còn hạn chế do chưa kiên cố được đồng bộ các loại kênh.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XV đề ra: "Hoàn thành cơ bản kiên cố hóa kênh mương trên vùng chuyên canh sản xuất lương thực ở các huyện Đô Lương, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc và một số vùng sản xuất lúa nước ở miền núi". Chủ trương của tỉnh là, ngoài kiên cố hóa kênh mương còn mở rộng ra vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mục tiêu bảo đảm đến năm 2005, phải tưới ổn định cho 14.000ha lúa để đạt 90 vạn tấn lương thực có hạt; phục vụ tưới 5.000ha cà phê chè ở Nghĩa Đàn, 3.000ha lạc ở Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc để cùng các biện pháp thâm canh khác tăng năng suất cây trồng, phát huy cao nhất năng lực tưới tiêu cho nông nghiệp, phục vụ nuôi tôm, cá ở ruộng lúa và nuôi tôm công nghiệp.

Từ năm 2001 đến năm 2003, phải tập trung kiên cố 2.173km kênh các loại. Đây là một chương trình lớn có ý nghĩa thiết thực trên các mặt chính trị - xã hội, góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Nghệ An.

CẦN CÓ QUY ĐỊNH ĐIỀU HÀNH CHUNG CHO CÁC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TRÊN SÔNG LAM

(Báo Nghệ An, ngày 1/6/2010)

Sông Lam bắt nguồn từ Bắc Lào, chảy vào Nghệ An từ xã Keng Đu (Kỳ Sơn) về đến Cửa Hội, đổ ra biển, với chiều dài 361km.

Vào mùa cạn, từ tháng 12 đến tháng 5 (năm sau), mức kiệt bình quân tháng trên dòng chính ở thượng lưu cống Nam Đàn, là nơi duy nhất cấp nước cho vùng Nam - Hưng - Nghi và thành phố Vinh những năm trước là 1,12m, nước kiệt tuyệt đối xảy ra tháng 5/1958 cũng chỉ ở mức 0,67m. Song vào những ngày đầu tháng 3 năm nay, mức nước thượng lưu cống Nam Đàn giật xuống còn 0,18m, kéo theo lưu lượng lấy vào hệ thống chỉ đạt 40% thiết kế. Ngoài nguyên nhân do lượng mưa năm 2009 giảm 156mm so với bình quân hằng năm, thì chủ yếu do hồ thủy điện tích nước.

Trong sản xuất lương thực ở Nghệ An, thời kỳ thiếu nước gay gắt và thời vụ nghiêm ngặt là lúa trổ vụ đông xuân

và gieo cấy vụ hè thu đều rơi vào chu kỳ sông Lam mùa cạn nước. Nay dòng nước mùa cạn lại bị cắt khúc để tích nước cho các nhà máy thủy điện ở thượng lưu đang là một vấn đề đặt ra rất nghiêm túc đối với sản xuất và đời sống.

Hiện nay, ngoài các nhà máy thủy điện đã và đang xây dựng, hiện có đơn vị đang lập dự án đầu tư và thiết kế xây dựng Nhà máy thủy điện Chi Khê trên địa bàn huyện Con Cuông, cách Nhà máy thủy điện Khe Bố 18km về phía hạ lưu và UBND huyện 9km về phía thượng lưu.

Lưu lượng và đầu nước nhà máy thủy điện này được tạo bởi đập bê tông trọng lực chặn dòng sông Cả. Từ đây, dòng chảy sẽ diễn ra: Về mùa cạn do tích nước phục vụ điều tiết ngày cho nhà máy, làm giảm lưu lượng về hạ lưu, kéo theo mực nước tại các cửa lấy nước vào các hệ thống thủy lợi và bể hút hệ thống trạm bơm ven sông, trực tiếp là các trạm bơm ở địa bàn huyện Anh Sơn sẽ giảm, vòi bơm bị hẫng, thậm chí có thời điểm phải ngừng hoạt động, về mùa lũ, diễn biến ngập mái bờ và đất canh tác phía thượng nguồn sẽ tăng lên ở mức độ phụ thuộc theo năng lực xả các cửa van. Mặt khác, thế năng được đập tạo ra cùng với sự mất cân bằng hàm lượng phù sa trong dòng chảy do bị tích tụ ở các nhà máy thủy điện tạo nên nguy cơ xói lở phía hạ lưu, nhất là các vùng bãi màu mỡ ven sông.

Khai thác tiềm năng dòng chảy làm thủy điện là một chủ trương lớn, đương nhiên phải chấp nhận thiệt hại ở mức cho phép. Song lợi, hại cần được đánh giá toàn diện

trong chiến lược phát triển bền vững, hài hòa lợi ích, trong đó đặc biệt là an ninh lương thực quốc gia và môi trường sinh thái trên lưu vực. Trước tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu và khu vực kéo theo thời tiết diễn biến phức tạp khó lường, nên chăng hãy tạm ngừng xây dựng mới cho các nhà máy thủy điện đã và đang xây dựng đi và hoạt động để có thêm cơ sở xem xét đánh giá. Bài học nhãn tiền về thủy điện xảy ra ở các nước cũng như các tỉnh trong cả nước vẫn còn nóng hổi. Cần có quy định điều hành chung các nhà máy thủy điện trên sông Lam và sự cố một trạm nào đó trên thượng nguồn kéo theo hậu quả dây chuyền cho phía hạ lưu là vấn đề cần được đề cập, xem xét.

CHÍNH SÁCH TỈNH NẰM "NGĂN KÉO" HUYỆN!

(Báo Nghệ An, ngày 22/5/2006)

Qua nhiều thập kỷ, được sự giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã tập trung cao độ cho đầu tư phát triển thủy lợi. Đến nay, đã xây dựng được mạng lưới công trình trải khắp 19 huyện, thành phố, thị xã. Trong mạng lưới thủy lợi đó, số lượng công trình hiện do xã, hợp tác xã quản lý chiếm tỷ trọng lớn, riêng hồ chứa nước là 576 hồ trên tổng số 630 hồ toàn tỉnh. Diện tích tưới do công trình xã, hợp tác xã quản lý đảm bảo 45% diện tích được tưới toàn tỉnh.

Các hồ chứa đem lại hiệu quả kinh tế cao, song tác hại khi xảy ra hư hỏng, sự cố trong bão lụt là không lường trước được. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân, riêng khâu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên để ngăn chặn "cái sảy nảy cái ung" lại thường thiếu kinh phí, trong khi đó, thủy lợi phí có địa phương nhập ngân sách xã,

có địa phương để vào tài khoản hợp tác xã, hư hỏng công trình thì kêu tỉnh. Để khắc phục tình hình này, ngày 18/11/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 123/2004/QĐ-UB về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp thủy lợi phí và tiền sử dụng nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ngày 18/01/2006, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 07/2006/QĐ-UBND về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và thủy sản. Cả hai quyết định nêu trên và hướng dẫn liên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính đều quy định: "Thủy lợi phí của các công trình do xã, hợp tác xã quản lý phải được hạch toán riêng, UBND huyện phê duyệt, quản lý kế hoạch thu chi về thủy lợi phí, về sử dụng thủy lợi phí phải dùng 20% cho chi phí quản lý, còn 80% để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình và trả tiền điện bơm nước". Hai năm qua, từ khi UBND tỉnh ban hành quyết định (đã qua hai kỳ kế hoạch), song hầu hết các huyện không triển khai việc phê duyệt, quản lý kế hoạch tài chính các công trình do xã, hợp tác xã quản lý. Có thể có nhiều nguyên nhân, như còn nặng bao cấp, khi địa phương trình xin kinh phí sửa chữa công trình tỉnh cũng chưa hỏi thủy lợi phí thu để đâu? UBND huyện có duyệt kế hoạch tài chính cho công trình theo quy định của tỉnh không? Nhiều huyện đồng tình quy định của tỉnh nhưng cán bộ thủy lợi của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có hoặc không đủ

năng lực phối hợp với các phòng, ban khác để tham mưu giúp lãnh đạo huyện triển khai...

Cơ sở hạ tầng thủy lợi do xã, hợp tác xã đang quản lý vô cùng to lớn. Để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và từng bước ngăn chặn hư hỏng, xuống cấp thì các cơ chế, chính sách như trên của tỉnh cần được triển khai thực hiện nghiêm túc và muốn vậy thì điều kiện cần và đủ là đội ngũ cán bộ kỹ thuật thủy lợi đủ mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ.

TỪ SỰ CỐ NẬM GIẢI - SUY NGẪM VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LỤT BÃO

(Báo Nghệ An số 7580, ngày 11/10/2007)

Hệ thống lại diễn biến cơn bão, chúng ta thấy, chiều tối ngày 30/9/2007, áp thấp nhiệt đới mạnh lên thành bão số 5 trên Biển Đông, di chuyển theo hướng Tây, sau đó Tây Bắc.

Đến 16 giờ ngày 03/10, vị trí tâm bão chỉ cách bờ biển Nghệ An - Hà Tĩnh khoảng 200km về phía Đông Đông Nam, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc. Nghệ An luôn nhận được thông tin nằm giữa các tỉnh tâm bão sẽ đi qua.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh tập trung cao, chỉ đạo quyết liệt nhằm đối phó với bão, nhất là cho các địa phương vùng ven biển từ Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc đến Cửa Lò. Vùng này vừa chịu ảnh hưởng trực tiếp bão mạnh, vừa có khả năng nước biển dâng cao từ 3 đến 5m, lại vào thời khắc đêm tối.

Tuy vậy, khoảng 10 giờ ngày 4 tháng 10, bão đổi hướng di chuyển từ Tây Tây Bắc sang hướng Tây. Tâm bão không

đi vào Nghệ An, song mưa lũ sau bão số 5 đã tàn phá nặng nề, gây thiệt hại to lớn về người và tài sản cho nhân dân, nhất là các huyện miền núi tỉnh ta. Vì sao vậy? Bão hình thành đi vào Biển Đông, di chuyển theo hướng từ ngoài vào bờ biển nước ta và từ Nam ra Bắc, vòng xoáy bão ngược chiều kim đồng hồ, Nghệ An trong vùng ảnh hưởng và nằm phía Bắc cơn bão nên không thể tránh được mưa to đến rất to. Có thể coi, đây là hiện tượng tự nhiên có tính quy luật.

Bão di chuyển nhanh, đi sâu vào đất liền, giảm cấp thành vùng áp thấp trên diện rộng của lưu vực sông Cả, trong đó 9.400km^2 trên lãnh thổ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, chiếm 1/3 diện tích lưu vực sông Cả, lại ở phía thượng nguồn núi cao, suối sâu và độ dốc lớn, tốc độ truyền lũ nhanh vào sông, suối trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh ta. Cộng hưởng với mưa to trên địa bàn và sự suy giảm rừng, thảm thực vật, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thiếu tính toán đến tác động môi trường là những yếu tố gây nên trận lũ quét dữ dội hậu cơn bão số 5 trên địa bàn miền núi tỉnh ta, trong đó có Nậm Giải.

Được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, sự đồng cảm, chia sẻ của đồng bào cả nước và trong tỉnh, nỗi đau mất mát dần vơi đi, song bài học Nậm Giải trên nhiều khía cạnh cần được đánh giá nghiêm túc và cần rút ra bài học kinh nghiệm. Trong các khía cạnh đó, phải chăng từ việc phân cấp cấp huyện về công tác thủy lợi, nhất là

phòng, chống bão lụt ngày càng nặng nề, thì việc bố trí cán bộ chuyên môn phải được quan tâm, nhằm tăng cường năng lực tham mưu, chỉ đạo đối phó trong mọi tình huống bão lụt; đồng thời, có như vậy thì việc chỉ đạo các xã và tham mưu giúp UBND huyện phê duyệt và chỉ đạo thực hiện phương án phòng, chống bão lụt cho các địa phương trong huyện mới có chất lượng và tính khả thi. Đây là mấu chốt đảm bảo thực hiện phương châm "4 tại chỗ". Bên cạnh đó, cần được phổ cập rộng rãi trong nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa kiến thức về lũ ống, lũ quét và giải pháp phòng tránh để không bất ngờ khi xảy ra trong điều kiện mọi tuyến giao thông liên lạc bị chia cắt.

Do biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ra có tính cực đoan, xu thế hạn hán, bão lụt ngày càng gia tăng. Nghệ An lại là một tỉnh Bắc miền Trung thường xuyên phải chịu ảnh hưởng của thiên tai khắc nghiệt. Vì vậy, trên phạm vi toàn tỉnh cũng như các vùng, miền cần được đánh giá đầy đủ thực trạng và đề ra giải pháp chiến lược phòng, chống lụt bão để không lặp lại sự cố Nậm Giải.

PHẢN BIỆN - MỘT GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CÓ HIỆU QUẢ

(Báo Lao động Nghệ An, ngày 17/10/2007)

Tham nhũng, lãng phí trở thành quốc nạn, nó như giặc nội xâm, là nguy cơ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, làm xói mòn lòng tin của dân với Đảng và Nhà nước.

Những vụ việc đã được phanh phui từ trong tỉnh đến các địa phương trong cả nước cho thấy tham nhũng, lãng phí diễn ra ở lĩnh vực quy hoạch, đề án, dự án, cơ chế, chính sách chiếm tỷ trọng khá lớn. Ở lĩnh vực này, tham nhũng, lãng phí được bày binh bố trận tinh vi nên khó phát hiện hoặc khi bị phát hiện và bị xử lý, thu hồi thì hậu quả của nó cũng không thể khắc phục một sớm, một chiều.

Có nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến thực trạng tham nhũng hiện nay, trong đó rõ ràng là công tác phản biện chưa làm đúng thực chất, còn chiếu lệ, thậm chí tìm cách che đậy hành vi tham nhũng, lãng phí. Các cơ quan có trách nhiệm chưa quan tâm đúng mức công tác

phản biện, chưa có cơ chế tuyển chọn cá nhân, tập thể có năng lực, có bản lĩnh làm nhiệm vụ phản biện và coi đó là một công đoạn thuộc quy trình trong công tác xây dựng cơ bản cũng như ban hành cơ chế, chính sách. Các chủ đầu tư, các nhà đầu tư đều không muốn có sự phản biện. Thậm chí, một số cơ quan quản lý nhà nước còn sợ phản biện, bởi lẽ phản biện tốt sẽ lòi ra những vấn đề tồn tại do năng lực, trình độ của tư vấn hoặc cố ý che đậy để lợi dụng; hoặc một dự án, một đề án mà cơ quan tư vấn làm trên cơ sở ý của lãnh đạo, thiếu căn cứ khoa học. Xin nêu một nhận định của Tiến sĩ Nguyễn Quang A (Báo Tiền phong Chủ nhật, ngày 23/9/2007) là Đề án 112 sai ngay từ "đề tài", và ông nhấn mạnh "cũng có thể họ biết nhưng làm theo hay học nghiêm túc kinh nghiệm đó thì họ còn gì mà ăn". Cũng như ở thành phố Vinh, một thành phố đang phấn đấu trở thành thành phố loại I, lẽ ra phía Tây thành phố phải là vùng sinh thái, cây xanh, mặt nước, nhưng lại đưa Bệnh viện Thái An vào đây nằm ngay trên đường rẽ lên quê Bác. Nhiều dự án đắp chiếu hàng thập kỷ hoặc triển khai ì ạch vì chậm giải phóng mặt bằng do ngay từ đầu không làm tốt khâu phản biện.

Để góp phần đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đã đến lúc cần phải đánh giá thực trạng công tác phản biện hiện nay, coi đó là một khâu bắt buộc thuộc quy trình của công tác xây dựng cơ bản và ban hành chính sách. Tùy thuộc mức độ và tính chất dự án, đề án, quy hoạch, chính sách mà cơ quan có thẩm quyền cần công khai, công bố danh mục và chọn thầu phản biện. Không ít quy hoạch,

dự án nhờ bản lĩnh và năng lực của tập thể, cá nhân phản biện mà bị phá sản đã tránh thiệt hại cho Nhà nước hàng tỷ đồng. Vì vậy, cần có cơ chế tuyển chọn tập thể, cá nhân có năng lực thực hiện và nếu được cơ quan có thẩm quyền lắng nghe, xem xét một cách nghiêm túc thì chắc chắn phản biện sẽ đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội không nhỏ, góp phần tích cực trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay.

CHÍNH SÁCH THỦY LỢI PHÍ MỚI Ở NGHỆ AN KẺ CƯỜI, NGƯỜI KHÓC

(Báo Lao động Trung ương)

Bốn năm sau, kể từ khi Nghị định số 143 ra đời, ngày 15/10/2007, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 154/2007/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 154) "sửa đổi, bổ sung một số điểm của Nghị định 143", có hiệu lực từ ngày 01/01/2008. Việc triển khai thực hiện chính sách thủy lợi phí mới này ở Nghệ An đang dẫn đến tình trạng "kẻ cười, người khóc".

Chưa quy định rõ thủy lợi dân doanh

Nước là yếu tố đảm bảo sự sống, quyết định sự được - mất đối với sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, với nguồn ngân sách còn hạn hẹp, việc tu bổ, tôn tạo, nâng cấp, làm mới nhiều công trình thủy lợi thuộc các cấp Nhà nước quản lý tuy có làm nhưng mới đảm trách 45% diện tích trồng lúa của cả nước (với Nghệ An là 50%). Trong khi đó, khá nhiều công trình thủy lợi quy mô nhỏ cũng được làm bằng nguồn vốn đóng góp của dân lại đang phát huy hiệu quả tốt.

Hiện trong số 635 hồ chứa nước thủy lợi rải khắp 19 huyện, thị của Nghệ An, có 54 hồ lớn đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước và do doanh nghiệp nhà nước quản lý, còn lại 581 hồ nhỏ đầu tư bằng nguồn vốn của dân đóng góp do xã và hợp tác xã quản lý. Vì chưa rạch ròi về mặt tổ chức trong quản lý, khai thác, bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi thôn, xã, nên việc cụ thể hóa pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại hai nghị định trên của Chính phủ xem ra cũng chưa rõ ràng đối với hệ thống công trình thủy lợi của dân doanh.

Kẻ cười, người khóc

Điều khiến cho kẻ cười người khóc trong việc triển khai chính sách thủy lợi phí mới là: Theo Nghị định số 143/2003, đối với công trình tự chảy thì nông dân nộp mức thủy lợi phí 480 ngàn đồng/ha/vụ (24 ngàn đồng/sào/vụ), bơm điện 30 ngàn đồng/sào/vụ và nộp cho tổ chức thủy nông cơ sở 10 ngàn đồng/sào/vụ. Như vậy, khoản thủy lợi phí nông dân chỉ cho 1 sào/vụ lúa thấp nhiều so với 1 công lao động phổ thông. Trong khi, phần lớn diện tích trồng lúa chưa được Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đầu mối lại thuộc địa hình phức tạp, miền núi, vùng sâu, vùng xa, thì nhu cầu nước cho sản xuất và đời sống không ngừng dừng lại. Hơn một triệu nông dân Nghệ An ở các vùng này đã gồng mình bằng các khoản vay, mượn vốn, đóng góp vật liệu, ngày công xây dựng hồ đập, trạm bơm, tham gia quản lý hệ thống thủy lợi nhỏ, lại chịu khoản thủy

lợi phí và các chi phí kèm theo cao hơn so với đồng nghiệp được thụ hưởng công trình thủy lợi do Nhà nước đầu tư quản lý ở vùng xuôi. Vấn đề cốt lõi mà hàng triệu nông dân vùng đặc biệt khó khăn và khó khăn thuộc nhiều xã miền núi của các huyện đồng bằng của 6 huyện vùng núi, vùng cao Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp - những người từng tự bỏ vốn xây dựng, tu sửa, chi trả các khoản vay và các chi phí quản lý công trình thủy lợi nhỏ là mong Nhà nước miễn hoàn toàn thủy lợi phí cho họ. Nhưng tại Nghị định số 154/2007 mới chỉ miễn thủy lợi phí cho nông dân trồng lúa thuộc vùng có hệ thống thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý và cũng chỉ được giảm một phần thủy lợi phí nộp cho công ty khai thác công trình thủy lợi mà thôi. Do đó, cũng là nông dân trong một tỉnh, ai may mắn ở vùng lúa có hệ thống thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý thì được cười, còn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thì vẫn phải khóc.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - NƯỚC BIỂN DÂNG, TRỜI XẢ MƯA - THỦY ĐIỆN XẢ LŨ...

(Báo Nghệ An, ngày 11/12/2009)

Biến đổi khí hậu, nước biển dâng, được xem là vấn đề nóng bỏng, thách thức đối với sự phát triển bền vững trên toàn thế giới.

Từ vị trí địa lý, Việt Nam và Bangladesh ở tốp đầu trong 5 nước ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương chịu tác động tiêu cực mạnh của biến đổi khí hậu.

Nghệ An là tỉnh rộng lớn ở Bắc miền Trung, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có dải bờ biển dài 82km, là tỉnh thường xuyên phải đối mặt với các loại hình thiên tai khắc nghiệt. Các lĩnh vực chịu tác động bất lợi nhiều nhất do biến đổi khí hậu - nước biển dâng là nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản và đối tượng chịu tổn thương lớn nhất là nông dân. Về nông nghiệp, sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, rét đậm, rét hại, hạn hán kéo dài và dịch hại bùng phát gây thiệt hại cho trồng trọt và chăn nuôi. Bệnh lở mồm long móng, dịch lùn xoắn lá vừa qua tỉnh ta là điểm xuất phát. Tiếp diễn của biến đổi khí hậu có thể là

thay đổi cấu trúc mùa vụ, suy thoái tài nguyên đất kéo theo giảm năng suất và sản lượng, v.v.. Về lâm nghiệp, do nhiệt độ, lượng nước bốc hơi cao và hạn hán kéo dài làm tăng nguy cơ cháy rừng, sâu bệnh phát triển, hệ sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái rừng bị suy thoái, giảm năng lực dịch vụ của rừng với môi trường sinh thái. Về thủy sản, nơi cư trú và môi trường sống của thủy sản nước ngọt bị giảm, v.v.. Về thủy lợi và cấp thoát nước, an toàn công trình nhất là tỉnh ta có số lượng hồ chứa nước lớn nhất cả nước (trên 650 hồ) bị đe dọa do có sự phân bổ lại lượng mưa theo không gian và thời gian so với thiết kế ban đầu, đó là xuất hiện vùng mưa rất lớn, tập trung, có vùng lại mưa nất ít. Mực nước biển dâng, đỉnh triều tăng cao làm cho hệ thống đê biển hiện tại có nguy cơ tràn, vỡ kể cả khi không có bão lớn. Mặt khác, nước biển dâng, mặn xâm nhập sâu vào nội địa, hệ thống ngăn mặn giữ ngọt từ cống Diễn Thành, Diễn Thủy (hệ thống Bắc) đến cống Nghi Quang, Bến Thủy (hệ thống Nam) hạn chế khả năng giữ ngọt và tiêu thoát, kéo theo mực nước sông dâng cao, đỉnh lũ tăng thêm uy hiếp các tuyến đê, nhất là đê Tả Lam, Cẩm Thái,...

Cùng với sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu thì nay xuất hiện thêm một tổ hợp bất lợi không thể xem thường. Đó là, trong khi dòng chảy lũ tăng đột biến ở vùng hạ du, trời xả mưa cùng thủy điện xả lũ bởi các hồ thủy điện vừa và nhỏ ở tỉnh ta không có tác dụng cắt lũ.

Theo địa hình và đặc thù thời tiết khí hậu có thể nhận ra một số vùng nhạy cảm: Dải ven biển chịu tác động của

nước biển dâng là ngư dân nghề cá và diêm dân nghề muối do bị thu hẹp địa bàn sản xuất, vùng Nam - Hưng - Nghi - Vinh địa bàn thứ hai sản xuất lương thực trọng điểm của tỉnh với thành phố Vinh đẩy nhanh quá trình độ thị hóa đặt ra nhu cầu cấp, thoát nước tăng cao về số lượng và chất lượng. Thách thức gay gắt về cấp nước mùa kiệt cho vùng này không loại trừ khả năng mặn lên cống Nam Đàn, cửa khẩu duy nhất cấp nước toàn hệ thống. Về tiêu thoát tự chảy mùa lũ qua hệ thống công trình bị hạn chế do nước biển dâng làm khả năng gia tăng mức độ ngập lụt trong vùng và thành phố Vinh là rất lớn. Vùng đồng bằng ven biển Diễn Châu, Quỳnh Lưu diện tích ngập và bán ngập mở rộng ở các cửa sông ra biển. Vùng miền núi lũ ống, lũ quét và sạt lở đất diễn biến phức tạp.

Để giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm thiểu mức độ thiệt hại, đảm bảo phát triển bền vững với thành quả sản lượng lương thực vượt một triệu tấn hiện nay, cần xác lập một chương trình, kế hoạch hành động có tính khả thi cao, trong đó việc cần làm ngay là rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp, thủy lợi, nhất là đối với vùng nhạy cảm, đảm bảo công trình thủy lợi cùng với bộ giống lúa chịu hạn, mặn, úng ngập thích ứng với điều kiện mới. Xem xét, đánh giá việc phát triển thủy điện vừa và nhỏ ở các huyện miền núi Tây Bắc tỉnh ta do các hồ thủy điện này không có tác dụng cắt lũ. Xem xét quy trình vận hành thủy điện và điều tiết hồ chứa nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế - xã hội, môi trường trước mắt và tầm nhìn xa hơn.

MÙA BÃO LỤT VÀ CÂU CHUYỆN "BÁO CÁO ANH, TÔI ĐÃ GIAO RỒI"!!!

(Báo Nghệ An số 7430, ngày 14/8/2007)

Vào thời khắc trận lũ lịch sử năm 1978 vượt báo động 3, có khả năng tràn qua cống Mụ Bà đổ xuống các huyện Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Trưởng Ty Thủy lợi kiêm Phó Trưởng Ban chỉ huy phòng, chống bão lụt tỉnh N.H.T điện trực tiếp lệnh cho Chủ nhiệm Công ty Thủy lợi Bắc phải đắp con chạch bằng bao tải đất trên cống để ngăn lũ và tăng cường tải trọng chống lật cho cống, yêu cầu hoàn thành trong vòng 12 tiếng đồng hồ. 6 tiếng đồng hồ đã đi qua, điện kiểm tra thì được Chủ nhiệm H.H.Q cho hay: "Báo cáo anh, tôi đã giao cho anh Q. Phó Chủ nhiệm". Tức tốc điện gặp anh Q. thì đầu dây bên kia dõng dạc: "Báo cáo anh, tôi đã giao cho anh B. Trưởng Phòng Kỹ thuật". Sau này, được anh H. kỹ sư Phòng Kỹ thuật công ty cho hay nhiệm vụ này được anh B. giao lại cho anh. Nhìn chung, mọi người đều hoàn thành nhiệm vụ, song con chạch trên cống Mụ Bà sau 12 tiếng thì... chẳng thấy đâu!

Hiện nay, nhiệm vụ thủy lợi nhất là phòng, chống lụt bão phân cấp cấp huyện ngày càng nặng. Trước thực trạng

không có cán bộ chuyên môn thủy lợi ở huyện, được biết cách đây 1 năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã có ý kiến giao xử lý, song đến nay, 7 huyện trong tỉnh vẫn không có cán bộ thủy lợi nào trong Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bước vào mùa lụt bão năm nay, các công trình thủy lợi tu sửa, nâng cấp nguồn vốn Trung ương hàng trăm tỷ đồng đang thi công dở dang. Đáng lưu ý là hạng mục cống lấy nước dưới đập nếu không kịp hoàn thành, không những ảnh hưởng đến an toàn công trình mà không kịp tích nước phục vụ sản xuất năm sau thì hậu quả cũng không nhỏ. Còn 35 hạng mục tu sửa ách yếu trước mùa lụt bão với tổng kinh phí 3.203 triệu đồng thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh phần lớn đang thi công dở dang, 8 hạng mục đang phê duyệt, thậm chí 2 hạng mục chưa có hồ sơ thiết kế. Lĩnh vực xây dựng cơ bản được ưu tiên vốn trái phiếu Chính phủ cho hồ Sông Sào, năm 2006, phải trả lại cho Bộ 41 tỷ do chưa giải phóng mặt bằng. Khả năng năm nay, cũng trả vốn vì chỉ còn vài nhà trên tuyến kênh chưa di dời. Và được biết vấn đề này tỉnh đã giao cho huyện, không rõ huyện giao cho ai mà vẫn chưa triển khai thi công được?

Ngẫm lại câu chuyện "Báo cáo anh, tôi đã giao rồi" đã đi qua 30 năm, song nhiều lĩnh vực công việc trong đó công tác phòng, chống lụt bão vẫn như còn tươi mới.

THỦY LỢI PHÍ THỐNG NHẤT, CÔNG BẰNG GIỮA CÁC ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI

(Báo Nghệ An số 7511, ngày 23/7/2007)

Bao đời nay, hạt thóc đã được khẳng định là sản phẩm tổng hợp của "nước, phân, cần, giống". Trong đó, nước từ các công trình thủy lợi là hàng hóa đo các tổ chức quản lý công trình cung ứng cho nông dân thông qua hợp đồng kinh tế từ đầu vụ sản xuất. Mức thu giá nước (thủy lợi phí) theo nghị định của Chính phủ tùy thuộc mùa vụ sản xuất và loại công trình tưới tự chảy, hoặc bơm điện. Vì vậy, thủy lợi phí bản chất là chi phí sản xuất. Không hiểu sao có người nhầm lẫn hoặc cố ý đưa thủy lợi phí vào nhóm cùng với các khoản thu do cơ sở đặt ra hoặc vận động nhân dân đóng góp. Và nếu vậy thì tiền điện bơm nước, phân bón, bảo vệ thực vật sao không tính? Quả là không công bằng trong việc đối xử giữa các khâu dịch vụ cho nông dân.

Tuy vậy, do lực lượng nông dân nước ta chiếm trên 70% dân số, kinh tế chậm phát triển, đời sống khó khăn, nhằm khoan dân nên xuyên suốt trong các nghị định

Chính phủ về thủy lợi phí vẫn là bao cấp, coi đó là khoản hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, cụ thể là thủy lợi phí không thu khấu hao cơ bản và sửa chữa lớn công trình bằng đất, công trình xây đúc và trạm bơm điện lớn có công suất từ 8.000m^3/h trở lên. Năng suất lúa và giá thóc là các yếu tố để quy định mức thu thủy lợi phí thì hiện nay đã tăng 30 - 40% so với thời điểm tính toán trước đây, trong khi nhóm giá cả đầu vào như tiền điện bơm nước, nguyên nhiên liệu tăng cao nhưng mức thu thủy lợi phí vẫn không thay đổi, vì thế đã giảm giá trị thủy lợi phí xuống 30 - 40% so với trước. Điều đó được nông dân đồng tình nhưng áp lực về chi phí sản xuất lại do các tổ chức quản lý thủy nông gánh chịu.

Vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay là chưa công bằng trong đầu tư xây dựng cơ bản thủy lợi giữa các vùng, miền, trong đó miền núi, vùng sâu, vùng xa đầu tư còn thấp, thậm chí có vùng đi dân công làm thủy lợi cho địa phương khác, nay ở địa phương mình, cây trồng và con người còn khát nước; thứ hai là những vùng được Nhà nước đầu tư từ công trình đầu mối đến kênh mương, công trình do các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích quản lý. Như ở Nghệ An thực hiện Nghị định số 143 của Chính phủ, thu thủy lợi phí vụ đông xuân đối với tưới tự chảy 480 ngàn đồng/ha (24 ngàn đồng/sào), và tưới bằng bơm điện 600 ngàn đồng/ha (30 ngàn đồng/sào), được đảm bảo khâu nước suốt vụ sản xuất cho một sào chưa bằng một công lao động phổ thông

là nhờ Nhà nước cấp bù chi phí tối thiểu hợp lý cho doanh nghiệp thủy nông.

Trong khi đó, nhiều vùng khó khăn do địa hình phức tạp hoặc miền núi, vùng sâu, vùng xa thì phần lớn công trình vừa và nhỏ do nhân dân phải vay vốn, hoặc Nhà nước hỗ trợ một phần xây dựng thì việc quản lý công trình hiện do xã, hợp tác xã gọi chung là tổ chức thủy nông cơ sở quản lý. Mảng công trình loại này đảm nhiệm 50% diện tích tưới cả nước, riêng ở Nghệ An là 40 - 45%, song số lượng công trình loại này nhiều hơn công trình do các doanh nghiệp nhà nước quản lý. Ở Nghệ An, 635 hồ chứa nước thì số hồ do các doanh nghiệp nhà nước quản lý chỉ có 54 hồ. Toàn bộ chi phí quản lý công trình thuộc mảng tổ chức thủy nông cơ sở quản lý như tiền lương, tiền điện, duy tu, sửa chữa đều do nông dân đóng góp mà chưa được Nhà nước hỗ trợ, kể cả khi mất mùa, thiên tai, sâu bệnh. Vì vậy, các trạm bơm cột nước cao, mức thu thủy lợi phí do tổ chức cơ sở quản lý thu cao hơn với doanh nghiệp nhà nước quản lý (do doanh nghiệp được cấp bù).

Từ tình hình trên, để góp phần thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", khi đủ điều kiện Nhà nước miễn thu thủy lợi phí nông dân cả nước, cấp đủ chi phí cho các doanh nghiệp nhà nước cũng như tổ chức quản lý thủy nông cơ sở hoạt động phục vụ sản xuất. Nhu cầu vốn cấp bù cần tổng hợp đầy đủ, chính xác, chỉ riêng tỉnh Nghệ An khoản này là 70 tỷ đồng

mỗi năm, ước cả nước tối thiểu là 3.700 tỷ đồng. Trong điều kiện chưa cho phép, nếu giảm thủy lợi phí mà cấp bù không bảo đảm công bằng hoặc cấp không kịp thời, đầy đủ thì hệ quả là các tổ chức bộ máy quản lý thủy nông cho đến nông dân đều khó khăn, hiệu quả phục vụ tưới tiêu giảm, công trình xuống cấp. Vì vậy, tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các vụ chiếm dụng thủy lợi phí, sử dụng sai mục đích nhất là vùng do doanh nghiệp nhà nước phục vụ, đồng thời có chính sách hỗ trợ chi phí sản xuất như tiền điện bơm nước, chống hạn, mất mùa để giảm bớt phần thu của nông dân vùng thuộc những công trình do tổ chức thủy nông cơ sở quản lý. Thực hiện mức thu thủy lợi phí thống nhất công bằng giữa các đối tượng hưởng lợi từ công trình do doanh nghiệp nhà nước cũng như công trình do các tổ chức thủy nông cơ sở quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chức quản lý này đủ mạnh phục vụ tốt sản xuất.

NHÌN LẠI CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG BÃO LỤT Ở THÀNH PHỐ VINH VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN

(Báo Nghệ An, ngày 6/5/2011)

Chuẩn bị phòng, chống bão lụt năm 2011, nhìn lại diễn biến thời tiết bão lụt năm 2010 rất phức tạp, ở vùng hạ lưu sông Cả, nhất là ở thành phố Vinh và các vùng phụ cận, đó là 6 tháng đầu năm nắng nóng lịch sử, 6 tháng cuối năm xảy ra 3 đợt mưa lũ gây thiệt hại nặng về người và tài sản của nhân dân. Đợt mưa lũ thứ nhất do bão số 3 gây ra kéo dài từ ngày 21 đến ngày 29/8, đợt mưa lũ thứ hai từ ngày 1 đến ngày 5/10 và tiếp đó đợt mưa lũ thứ 3 từ 7 giờ ngày 14 đến 7 giờ ngày 19/10 với lượng mưa vượt lịch sử. Vùng hạ lưu sông Cả, lượng mưa đo được ở Nam Đàn 805mm, Vinh 1.062mm, Cửa Hội 1.199mm. Ở 4 vùng thượng lưu sông Cả, lượng mưa thấp thua lịch sử năm 1978 nên lũ ở Nam Đàn dưới mức báo động số 3 là 0,46m. Vùng Vinh và phụ cận có lượng mưa tuần (10 ngày) cao hơn số liệu lịch sử khoảng 48mm. Song, làm phép tính nội suy thì lẽ ra mức độ ngập lụt lâu và

sâu cũng không đến mức như đã diễn ra trên vùng này giá như không có sự tiếp tay của con người. Điều này được chứng minh tại các công trình tiêu thoát trên các đường giao thông làm mới cũng như nâng cấp có khâu diện không hợp lý tạo thành các hồ chứa nước cục bộ. Cùng với đó, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng khiến các trục tiêu bị hủy diệt, điển hình như Kênh tiêu Bắc Vinh, rác thải và lán trại làm đường Phùng Chí Kiên có nơi lấp mất 1/3 tiết diện thoát lũ. Thượng lưu cống Bến Thủy, cống 3a, 3b bị san lấp và bèo, rác từ thượng lưu dồn về án ngự. Anh chị em công nhân quản lý ra sức kéo, vớt bèo nhưng lực bất tòng tâm. Đặc biệt, là trên trục tiêu thoát lũ trọng yếu cho vùng này ở thượng lưu cầu Cấm ngay ven quốc lộ 1, các ki ốt, nhà hàng vi phạm nghiêm trọng pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi. Sau 3 ngày ngừng mưa nhưng vùng thượng lưu cầu Cấm từ Hưng Nguyên đến Nghi Lộc nhiều làng, xã vẫn ngập trong biển nước mênh mông. Thời điểm này chỉ khoảng 200m trên trục tiêu ở đoạn thượng lưu cầu Cấm (điểm đen) chênh lệch cột nước ước đạt 0,4m chính là nguyên nhân chủ yếu tạo nên lũ nhân tạo làm cho thiên tai trên vùng này càng ác liệt hơn.

Nhìn lại diễn biến bão, lụt, ngập lâu, ngập sâu và thiệt hại năm 2010 để suy ngẫm, mô phỏng một kịch bản cho năm 2011 và những năm tiếp theo trong tình hình biến đổi khí hậu hiện nay, không thể loại trừ tổ hợp mưa ở thượng nguồn và cả ở hạ lưu sông Cả cùng ở mức lịch sử như năm 1978 thì thành phố Vinh và vùng phụ cận sẽ như thế nào?

CHI CỤC QUẢN LÝ NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LO NƯỚC CHO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

(Báo Nghệ An Xuân Ất Dậu, ngày 8/2/2005)

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nghệ An chỉ có vài ba công trình thủy lợi xây dựng không đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp, sản xuất nông nghiệp lệ thuộc vào thời tiết khí hậu.

Hòa bình lập lại, được sự giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã tập trung cao độ cho đầu tư phát triển thủy lợi. Đến nay, đã có mạng lưới công trình gồm nhiều chủng loại trên khắp 19 huyện, thành, thị. Đó là 2 hệ thống thủy lợi lớn (Bắc và Nam), 624 hồ chứa nước, 500 trạm bơm điện, giải quyết tiêu cho 52.000ha, cấp nước cho công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nước sinh hoạt cho nhân dân và bảo vệ môi trường sinh thái.

Nhìn chung, việc khai thác các công trình thủy lợi còn đạt hiệu quả thấp, mức đảm bảo an toàn chống lũ không cao, tiềm ẩn nguy cơ sự cố còn lớn, diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp khó lường, xu thế hạn hán, bão lụt ngày càng gia tăng, nguồn nước ngày càng cạn kiệt. Trong điều kiện

đó, đầu năm 1996, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức nhập các Sở Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi thành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi được thành lập, với chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bảy năm qua, đơn vị đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong đó, nổi bật là làm tốt chức năng tham mưu giúp Sở trình UBND tỉnh ban hành và chỉ đạo các giải pháp và nhiều cơ chế, chính sách, đáp ứng "nhất nước" cho sản xuất đời sống và bảo vệ an toàn công trình thủy nông. Chi cục đã tham mưu giúp tỉnh ban hành thực hiện đề án thủy lợi tưới cho cây trồng cạn, chính sách huy động vốn kiên cố kênh mương. Đến nay, Nghệ An đã huy động hàng trăm tỷ đồng kiên cố 4.200km kênh mương, trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu về công tác này.

Ngoài ra, Chi cục đã hoàn thành nhiệm vụ điều tra, đánh giá thực trạng hồ chứa, tiềm năng và quy hoạch sử dụng nguồn nước ngầm làm cơ sở cho việc lập dự án nâng cấp đầu tư phát triển các công trình thủy lợi, khai thác sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước phục vụ sản xuất và đời sống.

Với những nỗ lực đó, vừa qua, tập thể Chi cục và cá nhân đồng chí Nguyễn Quang Hòa vinh dự được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THỦY NÔNG

(Báo Nghệ An số 7271)

Qua nhiều thập kỷ, được sự giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã tập trung cao đầu tư phát triển thủy lợi. Đến nay, đã tạo được mạng lưới công trình trải khắp các huyện, thành, thị. Hằng năm, các công trình thủy lợi tưới cho 150.000 - 160.000ha lúa, cấp nước dân sinh, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường sinh thái.

Tồn tại lớn nhất của công tác thủy lợi hiện nay là quản lý, sử dụng công trình còn đạt hiệu quả thấp, chưa tương xứng với công sức, tiền của mà Nhà nước và nhân dân đã đầu tư xây dựng.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, song cơ bản là tổ chức bộ máy quản lý hình thành từ thời bao cấp, cồng

kềnh, không hài hòa giữa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động dẫn đến triệt tiêu động lực sản xuất.

Tổ chức bộ máy quản lý như vậy có nguyên nhân của nhận thức đơn giản về sự thống nhất của hệ thống thủy nông; thống nhất về kỹ thuật của các công trình trong hệ thống và thống nhất về quản lý chúng.

Thống nhất về kỹ thuật là xuất phát từ khả năng nguồn nước và nhu cầu phục vụ để quyết định quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật từ công trình đầu nguồn đến công trình phía sau và kênh mương các loại đến đối tượng phục vụ, không phân biệt lãnh thổ hành chính. Thống nhất quản lý hệ thống không đồng nghĩa với việc chỉ có một chủ thể quản lý tất cả các công đoạn trong quá trình vận hành phục vụ sản xuất trên toàn hệ thống.

Bản chất của quản lý thống nhất một hệ thống thủy lợi có quy mô lớn, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và địa bàn phục vụ ở nhiều vùng lãnh thổ khác nhau về địa giới hành chính thì cách tổ chức bộ máy quản lý để đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật và năng lực phục vụ không thể xa rời nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động, cần phải thống nhất quan điểm việc phân công, phân cấp trong quản lý một hệ thống thủy lợi, gắn chế độ trách nhiệm và quyền lợi giữa các tổ chức trong dây chuyền quản lý một hệ thống thủy nông không đồng nghĩa với việc cắt khúc quản lý mà ngược lại tính thống nhất quản lý theo hệ thống được nâng

lên về chất, gắn được trách nhiệm chính quyền địa phương và cộng đồng vào tham gia quản lý.

Để khắc phục tồn tại trong tổ chức quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 248/BNN-TL, ngày 31/01/2005 về "Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi" đã giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh phối hợp với các sở, ngành liên quan theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 155/2004-QĐ.TTTg, ngày 24/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng đề án phân cấp trình UBND tỉnh và chỉ đạo thực hiện đề án được phê duyệt. Chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với tỉnh ta là một thực tế của sản xuất và cuộc sống đang đòi hỏi.

CẦN TRẢ LẠI NGAY TIẾT DIỆN TIÊU ÚNG THOÁT LŨ CÁC TRỤC TIÊU TRÊN QUỐC LỘ 46

(Báo Nghệ An, ngày 05/9/2002)

Việc thi công dở dang cầu Đước qua kênh Gai, cầu Mượu qua kênh Thấp, cầu De qua kênh Lam Trà trên quốc lộ 46 đang làm thu hẹp tiết diện, cản trở nghiêm trọng việc tiêu úng thoát lũ vùng Nam - Hưng - Nghi - Vinh qua các kênh tiêu nêu trên.

Vấn đề phải làm ngay là Ban Quản lý các công trình giao thông Nghệ An cần chỉ đạo các đơn vị thi công giải phóng ách tắc, vật cản, trả lại tiết diện tiêu úng, thoát lũ qua các kênh tiêu nước mùa lũ năm 2002.

XÃ HỘI HÓA CÔNG TÁC THỦY LỢI CHO CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ, CÂY MÀU

(Báo Nghệ An, ngày 24/10/2003)

Do nhu cầu lương thực nên qua nhiều thập kỷ, công tác thủy lợi chỉ tập trung cho cây lúa. Các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, cây màu mặc dù có tiềm năng đất đai phong phú nhưng không có nước tưới nên chưa được sử dụng có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XV, ngày 21/5/2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 02 NQ/TU về thủy lợi cho cây công nghiệp, cây ăn quả, cây màu và phục vụ nuôi trồng thủy sản, tiếp tục đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa kênh mương. Mục tiêu được xác định cụ thể đến năm 2005, là ngoài việc đảm bảo tưới ổn định 125.000 - 140.000ha lúa để đạt 90 vạn tấn lương thực có hạt, tập trung đầu tư tưới 5.000ha cà phê, 3.000ha chè, 2500ha cam, 3.500ha lạc để cùng các biện pháp thâm canh khác đưa năng suất bình quân cà phê từ 12

tạ/ha lên 20 tạ/ha, cam từ 120 tạ/ha lên 200 tạ/ha, chè từ 80 tạ /ha lên 160 tạ/ha và lạc từ 14 tạ/ha lên 20 tạ/ ha. Kiên cố kênh thủy lợi loại 3 hoàn thành cơ bản năm 2003 ở các vùng trọng điểm lúa của tỉnh. Một trong những nội dung về tổ chức thực hiện Nghị quyết quy định: "Từ nay lấy ngày 16/10 làm ngày phát động cán bộ, công nhân viên chức, đảng viên và nhân dân trong tỉnh tham gia làm thủy lợi, nhất là thủy lợi cho cây công nghiệp, cây ăn quả, cây màu và nuôi trồng thủy sản mở đầu cho phong trào làm thủy lợi hằng năm".

UBND tỉnh thành lập ban chỉ đạo và ban hành nhiều cơ chế, chính sách trong việc hỗ trợ đầu tư phát triển thủy lợi. Sau gần 3 năm tổ chức thực hiện, những kết quả đạt được rất to lớn, khẳng định Nghị quyết và các cơ chế, chính sách hợp lòng dân và sức dân nên đã đi nhanh vào cuộc sống. UBND tỉnh đã phê duyệt 19 dự án với tổng kinh phí 163 tỷ đồng để tưới cho 2.863ha cây công nghiệp, 1.518ha màu, tiêu úng 10.80ha. Trong đó, đã khởi công xây dựng 14 dự án, tuy đang trong thời kỳ xây dựng nhưng các hạng mục hoàn thành bước đầu đã đem lại hiệu quả tưới cho 530ha cà phê, 80ha cam, 130ha chè, tiêu úng 1.500ha lạc và 7.000ha màu. Xây dựng 4 mô hình trình diễn tưới nước tiết kiệm trên vùng đất đồi đạt năng suất cao, chất lượng tốt cho các loại cây cam, chè, cà phê để phổ biến kỹ thuật và hiệu quả tưới đã có kết quả cụ thể.

Với thuận lợi nguồn nước của 624 hồ chứa nước và chính sách hỗ trợ 40% giá trị dự toán của UBND tỉnh, diện tích

tưới cho cây chè, cam, cà phê sẽ mở rộng nhanh trong thời gian tới.

Thực hiện Nghị quyết, ngày 16/10 hằng năm trở thành ngày hội thủy lợi của nhân dân toàn tỉnh. Mở đầu cho phong trào làm thủy lợi hằng năm là chiến dịch 60 ngày kể từ ngày 16/10.

Tổ chức lễ phát động ở tỉnh sớm hơn 7 ngày, tiếp đó là các huyện, xã cho tới ngày 16/10 có 100% huyện, thành, thị và 95% số xã trong tỉnh phát động ra quân. Sau lễ phát động nghiêm túc, ngắn gọn, sôi nổi, nêu rõ mục tiêu và khối lượng trong chiến dịch là ra ngay hiện trường để nạo vét, xây đúc kiên cố hóa kênh mương, đắp bờ vùng bờ thửa... Tổng khối lượng, ngày công quy ra giá trị 60 ngày ra quân của năm 2001 và 2002 mỗi năm là 150 tỷ đồng. Năm nay, đến ngày 16/10/2003, có 17/19 huyện, thành, thị, 403/469 xã đã huy động 480 ngàn người tham gia. Nét nổi bật năm nay là đến ngày 16/10, đã có 234 đơn vị quân đội, nông trường, 102 trường học ở khắp mọi miền trong tỉnh hưởng ứng ra quân giúp dân làm thủy lợi. Chiến dịch thủy lợi mở đầu ngày 16/10 hằng năm, trở thành nền nếp trong lãnh đạo các cấp và nhân dân toàn tỉnh, đã khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, đưa phong trào xã hội hóa thủy lợi phát triển lên một bước mới. Hiệu quả trực tiếp là cơ sở vật chất thủy lợi được tăng cường, ngoài việc phục vụ tốt sản xuất thì chương trình kiên cố kênh mương thủy lợi loại 3 thực hiện trong chiến dịch bằng 40% so với cả năm, góp phần quan trọng hoàn thành cơ bản kiên cố kênh loại 3 vào năm 2003 ở vùng trọng điểm lúa của tỉnh.

TẬP TRUNG CAO CHO VIỆC ĐẢM BẢO AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC MÙA MƯA LŨ NĂM 2003

(Báo Nghệ An, ngày 25/9/2003)

Hồ chứa nước là loại công trình thủy lợi khai thác tổng hợp tài nguyên nước phục vụ tưới, các nhu cầu dùng nước khác và cải tạo môi trường sinh thái. Đây là loại công trình tích nước khối lượng lớn, ở thượng lưu các sông, suối và thường là nơi có độ cao so với các khu dân cư trù mật, kinh tế phát triển ở phía hạ lưu do hiệu quả xây dựng hồ mang lại. Vì vậy, nếu các hồ bị vỡ, thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước, của nhân dân không lường hết được.

Do đặc điểm, tình hình, Nghệ An là tỉnh có nhiều hồ chứa nhất so với các tỉnh trong cả nước. Tính đến năm 2001, toàn tỉnh có 624 hồ chứa lớn nhỏ, trong đó số hồ có dung tích lũ (tương ứng mức lũ thiết kế) trên 1.000.000m^3 có 84 hồ, số hồ chiều cao đập trên 10m có 111 hồ, hồ Vực Mấu chiều cao đập tới 26m.

Các hồ chứa tỉnh ta phần lớn đã có 30 - 40 năm sử dụng, 17 hồ trên 50 năm. Công tác thiết kế vào thời đó dựa trên tài liệu khí tượng thủy văn quá ngắn, tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lũ thấp. Nhiều hồ được xây dựng bằng thủ công, sau này được nâng cấp trên nền móng cũ. Trong lưu vực các hồ chứa lớn như Vệ Vừng - Yên Thành, Vực Mấu - Quỳnh Lưu,... nhân dân đã xây dựng nhiều hồ chứa nhỏ, mức độ an toàn lũ thấp. Các hồ chứa nước ở vùng rừng núi, giao thông liên lạc bị chia cắt, việc ứng cứu trong bão lụt khó khăn, có nơi có thể nói là bất khả kháng.

Nhìn chung, các hồ chứa nước mức độ an toàn lũ không cao, tiềm ẩn nhiều yếu tố xảy ra sự cố. Một số hồ mới xây dựng đã bộc lộ chất lượng thấp lại chưa qua thử thách mưa lũ lớn.

Theo dự báo khí tượng thủy văn, mùa mưa lũ năm 2003, có khả năng diễn biến phức tạp. Việc bảo đảm an toàn hồ chứa nước, đồng thời tích nước hồ chứa phục vụ sản xuất năm 2004, trước mắt là vụ đông xuân 2003 - 2004 phải được xem là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của công tác phòng, chống lụt bão hiện nay.

Để chủ động đối phó với mọi tình huống bất lợi, nhất là hiện nay một số hồ chứa đã đầy nước, các địa phương, đơn vị cần lưu ý:

- Cần đôn đốc Ban Chỉ huy phòng, chống bão lụt các hồ chứa nước hoạt động, quán triệt đầy đủ phương án phòng,

chống lụt bão hồ chứa UBND tỉnh phê duyệt đối với hồ chứa do doanh nghiệp thủy nông quản lý. UBND huyện phê duyệt đối với các hồ chứa do xã, hợp tác xã quản lý. Cần kiểm tra cụ thể số lượng, chất lượng các loại vật tư dự phòng theo quy định.

- Đối với hồ chứa nước tràn có cửa như Vực Mấu chưa có quy trình vận hành điều tiết: Phải vận hành hồ theo kế hoạch điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa bão lũ. Trường hợp xuất hiện tình huống chưa được quy định phải kịp thời báo cáo về Chi cục Quản lý nước và công trình thủy lợi và Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão tỉnh và đề xuất phương án xử lý.

- Đối với các hồ chứa nước tràn tự do: Phải kiểm tra, rà soát đảm bảo khả năng thoát lũ của tràn, trường hợp cần thiết phải chuẩn bị phương án làm tràn sự cố để ứng cứu, đảm bảo an toàn cho hồ trong mùa mưa lũ năm 2003.

- Đối với các hồ chứa có nhiều hồ nhỏ ở thượng lưu: Phải phối hợp điều tiết giữ mực nước của các hồ chứa nhỏ phù hợp với kế hoạch giữ mực nước của hồ lớn ở hạ du, bảo đảm an toàn cho cả hệ thống hồ chứa trong mùa mưa lũ năm 2003, không được để tình trạng vỡ hồ dây chuyền.

- Đối với các hồ chứa xây dựng mới (chưa bàn giao) nhưng đã khai thác từng phần, các hồ sửa chữa nâng cấp nhưng tiến độ thi công vượt lũ không xong trước mùa lũ, các hồ chứa mà công trình đầu mối (phần thủy công, đập đất,...)

không đảm bảo cho hồ có thể giữ mực nước cao: Phải có phương án đảm bảo an toàn cho hồ trong mùa mưa lũ năm 2003 và chỉ giữ mực nước hồ ở mức thấp, trường hợp hồ chứa không đảm bảo an toàn không được tích nước.

Làm tốt công tác chuẩn bị là tiền đề quan trọng, đảm bảo cho nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, an toàn hồ chứa nước đạt hiệu quả cao.

LỜI GIẢI NÀO GIÚP DOANH NGHIỆP THỦY NÔNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT CÓ HIỆU QUẢ?

(Báo Nghệ An, ngày 06/12/2006)

Tỉnh ta hiện có 2 mô hình là xã, hợp tác xã quản lý công trình thủy lợi nhỏ, kênh mương nội đồng, các doanh nghiệp thủy nông quản lý hệ thống công trình, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, kênh mương trục chính phục vụ liên xã, liên huyện.

Về tổ chức, các doanh nghiệp thủy nông ngoài việc tuân thủ nguyên tắc chung thì hoạt động còn chịu sự chi phối của nhiều yếu tố có tính đặc thù: Thứ nhất là đồng thời với nhiệm vụ vận hành công trình, đưa dẫn nước phục vụ sản xuất, phải canh coi, bảo vệ an toàn công trình trong bối cảnh thiên tai hạn hán, lụt bão và các hành vi xâm hại công trình do trục lợi đang diễn biến phức tạp. Hầu hết các hồ chứa nước nằm ở vùng rừng núi, giao thông khó khăn. Thứ hai là,

qua 6 tháng phục vụ mới có sản phẩm mà việc thu sản phẩm (thủy lợi phí) mất nhiều công sức, thậm chí có nơi đối tác chây ỳ, chiếm dụng vẫn không dám từ chối phục vụ. Thứ ba là, thủy lợi phí thực chất là giá nước không được tính đúng, tính đủ mà thu theo quyết định của UBND tỉnh ở mức trung bình theo khung mức quy định của Chính phủ với quan điểm hỗ trợ cho nông dân còn nghèo, một số đối tác ở miền núi được miễn thu hoàn toàn thủy lợi phí theo chính sách.

Vì vậy, khi nhóm chi phí đầu vào lệ thuộc các doanh nghiệp phục vụ khác như tiền điện, nguyên, nhiên vật liệu bảo dưỡng, vận hành công trình, tiền công liên tục tăng theo cơ chế thị trường thì đầu ra sản phẩm của doanh nghiệp là thủy lợi phí vẫn thu theo quyết định 3 năm trước đây của UBND tỉnh càng mất giá trị, dẫn đến bất cập thu, chi ngày càng lớn. Được biết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2006 đã tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2007 cho các doanh nghiệp thủy nông tưới tiêu 80.094ha.

Tổng mức chi phí được tính toán minh bạch của 11/15 khoản chi theo chế độ hiện hành của Nhà nước để các doanh nghiệp thủy nông phục vụ năm 2007 là 39.502 triệu đồng, vượt thu cả năm là 14.369 triệu đồng. Trong đó, các khoản theo tiêu thức chi từ 1 đến 10 (chưa kể khoản 11 là chi sửa chữa thường xuyên) bao gồm tiền lương, tiền công và bắt buộc phải chi trả cho các ngành dịch vụ liên quan khác như bảo hiểm, tiền điện, nhiên liệu, v.v. là 10.169 triệu đồng.

Ngoài ra, các hạng mục công trình hư hỏng nặng các doanh nghiệp thủy nông phải lập dự án đầu tư sửa chữa lớn theo quy định hiện hành của Nhà nước. Năm 2006 các doanh nghiệp thủy nông được UBND tỉnh cấp 7.750 triệu đồng từ đầu kỳ kế hoạch, yêu cầu tối thiểu năm 2007 là 14.369 triệu đồng tăng 6.619 triệu đồng so với năm 2006, nguyên nhân do tăng giá cả đầu vào là chủ yếu.

Cũng như các loại hình doanh nghiệp khác, muốn tồn tại và phát triển, doanh nghiệp thủy nông là phải được tính đúng, tính đủ hợp lý các chi phí. Song do đối tác chủ yếu là nông dân còn nghèo, khó khăn, nên thu thủy lợi phí ở mức nào hoặc miễn thu thì Nhà nước giúp nông dân trả đủ chi phí cho các doanh nghiệp thủy nông là lẽ thường, cần thống nhất quan điểm chung đó không phải là bù lỗ hoặc bù giá cho các doanh nghiệp này. Tuy vậy, trong cơ chế mới, công tác tổ chức bộ máy quản lý thủy nông nói chung và doanh nghiệp thủy nông nói riêng cần được xem xét theo hướng phân công, phân cấp để nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền và cộng đồng, tăng nguồn thu bằng giải pháp khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi và phục vụ đa mục tiêu. Song vấn đề này cần có lộ trình thích hợp, trong đó việc bố trí cán bộ thủy lợi và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về thủy lợi ở huyện và đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật thủy lợi cho các địa phương là bước đi đầu tiên, nhằm đảm bảo tính hiệu quả bền vững trong việc khai thác, sử dụng công trình thủy lợi phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh ta.

TIẾP TỤC CHÍNH SÁCH KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG

(Báo Nghệ An, ngày 15/12/2008)

Để khắc phục việc sử dụng công trình thủy lợi đạt hiệu quả thấp, tỉnh ta lấy kiên cố hóa kênh mương làm khâu đột phá. Ngày 05/5/1997, UBND tỉnh có Quyết định số 1654/QĐ-UB về chính sách huy động vốn và cơ chế tổ chức thực hiện kiên cố hóa kênh mương. Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ của tỉnh tùy theo điều kiện từng vùng cụ thể là: kênh do xã, hợp tác giả quản lý vùng đồng bằng và tưới bằng bơm điện 20%, tưới bằng hồ đập 10%; do doanh nghiệp thuỷ nông quản lý kênh liên xã 40%, kênh gọn một xã 20%, vùng miền núi thấp 30%, miền núi cao 80% và do doanh nghiệp quản lý gọn 1 xã 40%, liên xã 60%. Hỗ trợ chủ yếu bằng vật liệu, ngoài ra được đơn giản hoá thủ tục và nhân dân tự tổ chức xây dựng nên tính ra giá thành hạ được 25 - 35% so với giá lập theo xây dựng cơ bản. Trước khi có chính sách này, toàn tỉnh chỉ có 36km kênh được

kiên cố nhưng đến tháng 6/2000 có 1.830km kênh các loại được kiên cố với tổng kinh phí 332.740 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 77%. Nhờ đem lại hiệu quả thiết thực, chương trình kiên cố hóa kênh mương đi nhanh vào cuộc sống và trở thành phong trào cách mạng của quần chúng rộng khắp trong tỉnh.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XV đề ra: "Hoàn thành cơ bản kiên cố hóa kênh mương trên vùng chuyên canh sản xuất lương thực ở các huyện Đô Lương, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc và một số vùng sản xuất lúa nước ở miền núi".

Để thực hiện Nghị quyết, ngày 21/5/2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 02 NQ/TU về thủy lợi cho cây công nghiệp, cây ăn quả, cây màu và phục vụ nuôi trồng thủy sản, tiếp tục đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa kênh mương. Từ đây, chương trình được tiếp luồng sinh khí mới. Nghệ An là một trong hai tỉnh đi đầu cả nước về kiên cố hóa kênh mương thuỷ lợi. Tuy vậy, trong 10 năm (1997 - 2007) thực hiện, đến đầu năm 2008 tỷ lệ chiều dài các loại kênh còn lại chưa được kiên cố vẫn còn lớn, đó là kênh loại l toàn tỉnh còn 159km/260km, trong đó vùng đồng bằng 118km/260km, kênh loại 2 toàn tỉnh còn 112km/295km, trong đó vùng đồng bằng 70km/295km, kênh loại 3 toàn tỉnh còn 1371km/5394km trong đó vùng

đồng bằng 896km/5.394km. Với chiều dài kênh mương còn lại chưa được kiên cố, như vậy chưa phải là cơ bản hoàn thành theo Nghị quyết. Mặt khác, kiên cố chưa được đồng bộ, nhất là các loại kênh mương do doanh nghiệp nhà nước quản lý, vì vậy hiệu quả chưa cao. Từ đầu năm 2006 đến nay, chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương cho các huyện vùng đồng bằng là địa bàn sản xuất lương thực trọng điểm của tỉnh bị bãi bỏ. Kết cục là năm 2008, chẳng những vùng đồng bằng "mất mùa" kiên cố hoá kênh mương mà vùng miền núi có chính sách cũng mất theo, có thể do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có cán bộ thủy lợi để lo thủ tục và không còn động lực thi đua giữa các vùng miền như những năm mới ban hành Nghị quyết.

Nay triển khai chương trình nông nghiệp, nông thôn, nông dân của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, nông dân muốn tiếp tục có được chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương của tỉnh.

CHÍNH SÁCH THỦY LỢI PHÍ MỚI NÔNG DÂN MỪNG HỤT

(Báo Nghệ An)

Từ nhu cầu sản xuất lương thực, nước sinh hoạt cho nhân dân và cho các ngành kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái nên thủy lợi được xem là biện pháp hàng đầu. Hòa bình lập lại (1954) và đất nước thống nhất (1975), công tác thủy lợi được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tập trung đầu tư cao độ.

Tuy vậy, do khả năng về vốn và để phát huy hiệu quả nhanh, những vùng thuận lợi, vùng trọng điểm sản xuất lương thực được ưu tiên làm công trình thủy lợi từ đầu mối cho đến kênh mương và giao cho công ty, xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi nhà nước quản lý, thu thủy lợi phí. Theo Nghị định số143 của Chính phủ, ở Nghệ An, nông dân nộp thủy lợi phí cho công ty khai thác công trình thủy lợi với các mức: đối với công trình tự chảy 480 ngàn đồng/ha/vụ (24 ngàn đồng/sào/vụ), bơm điện 30 ngàn đồng/sào/vụ

và nộp cho tổ chức thủy nông cơ sở 8 -10 ngàn đồng/sào/vụ cho công trình tự chảy cũng như bơm điện. Phục vụ cho 1 sào/vụ trồng lúa, nông dân nộp thủy lợi phí giá trị thấp nhiều so với 1 công lao động phổ thông.

Tuy nhiên, các công ty khai thác công trình thủy lợi nhà nước chỉ mới đảm trách được 45% tổng diện tích trồng lúa của cả nước, ở Nghệ An đạt 50%. Diện tích trồng lúa còn lại chưa được Nhà nước đầu tư phần lớn ở các vùng địa hình phức tạp, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Thời bao cấp, nông dân hăng hái đi dân công làm thủy lợi với kỳ vọng có ngày vùng mình sẽ được Nhà nước đầu tư và có dân công đến xây dựng. Song vì nguồn nước cho sản xuất và đời sống, nông dân vùng này phải gồng mình bằng nhiều cơ chế xin cho, vay mượn cũng như đóng góp ngày công, vật liệu xây dựng làm hồ đập, trạm bơm. Công tác quản lý thủy lợi do xã, hợp tác xã đảm trách, nên thủy lợi phí thường cao hơn hệ thống thủy lợi do Nhà nước quản lý vì địa hình phức tạp, bơm tưới cột nước cao và các khoản khấu hao khác. Vì vậy, ở vùng này, nông dân càng thiết tha mong được Nhà nước miễn nộp thủy lợi phí.

Qua các phương tiện thông tin, mong mỏi này của nông dân được quan tâm, đặc biệt là tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XII, Thủ tướng Chính phủ công bố miễn nộp thủy lợi phí cho nông dân kể từ ngày 01/01/2008. Thật vui mừng, như đại hạn gặp được mưa to. Song từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được biết thủy lợi phí chỉ

miễn cho nông dân trồng lúa ở hệ thống thủy lợi Nhà nước đầu tư và quản lý và cũng chỉ miễn phần thủy lợi phí nộp cho công ty khai thác công trình thủy lợi. Như vậy là, chính sách thủy lợi phí mới tại Nghị định số 154/2007/NĐ-CP, ngày 15/10/2007 của Chính phủ ban hành chỉ thực hiện cho dân được Nhà nước đầu tư công trình, do công ty, xí nghiệp nước quản lý và cũng chỉ mới giảm một phần. Như thế cũng là đáng mừng. Song vấn đề cốt lõi là miễn thủy lợi phí cho nông dân vùng khó khăn, vùng miền núi phải tự bỏ vốn xây dựng các công thủy lợi. Ở Nghệ An, không những nhiều xã miền núi của huyện đồng bằng mà 5 huyện miền núi Quỳ Châu, Quế Phong, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn không được thụ hưởng gì từ chính sách thủy lợi phí mới này.

Thủy lợi phí là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, tin tưởng vấn đề này sẽ được cấp ủy, chính quyền và nhất là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các vị đại biểu Quốc hội, Bộ Tài chính tiếp tục tham mưu cho Chính phủ xem xét điều chỉnh chính sách mới về thủy lợi phí, tạo điều kiện cho nông dân chứ không để nông dân mừng hụt. Thiết nghĩ đây cũng là một bộ phận chiến lược xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước ta.

VĂN PHÒNG UBND
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 24 tháng 5 năm 2006

Kính gửi: ***Ông Nguyễn Quang Hòa,***
Nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An

Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh hoan nghênh những ý kiến góp ý của ông tại thư gửi Chủ tịch UBND tỉnh ngày 28 tháng 4 năm 2006 về công tác quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi; chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các chính sách của Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn; những bất cập trong công tác bố trí cán bộ thủy lợi tại các địa phương; vấn đề thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ công nhân thuộc lĩnh vực thủy nông.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ kiểm tra, xử lý những vụ việc ông góp ý thuộc thẩm quyền của tỉnh và xem xét đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT những việc thuộc thẩm quyền của Bộ.

Kính chúc ông và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Quang Trạch

Thành phố Vinh, ngày 28 tháng 4 năm 2006

Kính gửi: - Đồng chí Cao Đức Phát - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đồng kính gửi: - Đồng chí Nguyễn Thế Trung - Bí thư Tỉnh ủy

- Đồng chí Phan Đình Trạc - Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An

- Đồng chí Nguyễn Đình Chi - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An

Tên tôi là: Nguyễn Quang Hòa - nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An.

Sau 41 năm công tác trong ngành Thủy lợi, tháng 6 năm 2005, tôi được nghỉ hưu. Với lòng chân thành và tâm huyết với sự nghiệp phát triển thủy lợi, tôi cảm thấy hiện có những lĩnh vực đang tiềm ẩn những yếu tố có thể hạn chế đến công việc của ngành, nên mạnh dạn phản ánh với các đồng chí qua thư này.

Lời đầu tiên, tôi xin chúc mừng đồng chí Bộ trưởng, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy vừa được Đại hội X của Đảng bầu Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sau đây, tôi xin trình bày vắn tắt một số vấn đề mà nhiều người quan tâm:

Thứ nhất là, kỷ niệm ngày thành lập ngành Thủy lợi: Từ thực tế quê hương Nghệ An, tôi thấy Nghệ An là hình ảnh thu nhỏ của cả nước, từ vị trí địa lý ấy có thể nói lịch sử xây dựng và phát triển, kinh tế - xã hội gắn liền tất yếu với lịch sử đấu tranh ngoan cường chống chọi với thiên tai - phát triển thủy lợi từ thế hệ này sang thế hệ khác. Năm 1986, trước khi thành lập Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành Thủy lợi Nghệ An được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng. Tôi được biết nhiều thế hệ cán bộ thủy lợi luôn kỳ vọng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ Bộ đến Sở trong đó thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp phải là các binh chủng mạnh, phát huy truyền thống của mình. Các binh chủng hoàn toàn xứng đáng được tổ chức trọng thể kỷ niệm ngày thành lập của mình và lấy đó làm ngày truyền thống. Tôi thấy các bộ khác nhân kỷ niệm thành lập một tổ chức trực thuộc (binh chủng, lực lượng,...) được tổ chức trọng thể có lãnh đạo Đảng, Nhà nước tham dự. Ở Nghệ An, nhân ngày thành lập ngành Thủy lợi có một số cán bộ lãnh đạo Thủy lợi đã nghỉ hưu tổ chức, không danh chính ngôn thuận. Vấn đề này mong đươc Bộ trưởng xem xét, nếu được thì cho chủ trương từ Bộ đến tỉnh.

Thứ hai là, vấn đề chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên

và Môi trường trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước. Sau khi thành lập, thành công của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiều, trong đó phải ghi nhận đã tham mưu ban hành Luật Tài nguyên nước.

Không như các tài nguyên khác chỉ có lợi mà tài nguyên nước có tính đặc thù là vừa làm lợi, vừa làm hại. Từ ngày thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường, chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước được giao cho Bộ này. Song quản lý nhà nước về quy hoạch lưu vực sông và yếu tố làm hại của tài nguyên nước (úng, lụt) vẫn được giữ lại ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quản lý quy hoạch lưu vực sông mà không quản lý tài nguyên nước thì quản lý cái gì? Toàn bộ tổ chức, bộ máy và hàng vạn cán bộ đại học, trên đại học của ngành Thủy lợi trước đây từ Trung ương đến địa phương sáp nhập vào ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Vì vậy, tuy Bộ Tài nguyên và Môi trường có tham mưu cho Chính phủ ban hành hoặc ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên nước nhưng cũng chỉ dừng ở văn bản, tổ chức chỉ đạo thực hiện là khâu quan trọng của quản lý nhà nước lại không làm được. Đồng thời, cũng có thể do chồng chéo đó mà chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch lưu vực sông ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng chưa có hành động ngang tầm, ví dụ ở lĩnh vực ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho đến nay không có văn bản pháp lý nào làm cơ sở để xử lý giải tỏa việc trên sông Cấm đoạn phía Nam cầu Cấm có nhiều tổ chức, cá nhân đắp chặn làm

ki ốt dịch vụ đã thu hẹp 1/2 tiết diện thoát lũ... Thực trạng chồng chéo chức năng nhiệm vụ giữa hai bộ không những hạn chế hiệu quả việc thực hiện luật tài nguyên nước mà ảnh hưởng đến kêu gọi tổ chức quốc tế đầu tư vào lĩnh vực này. Chúng tôi nghĩ chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước, lưu vực sông phải thống nhất một đầu mối ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là thuận lợi.

Thứ ba là, tổ chức bộ máy và cán bộ. Có thể nói những thành tựu của ngành Thủy lợi trước đây đạt được có nhiều nguyên nhân, trong đó có đóng góp của công tác tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Trước đây, Bộ trưởng chuyên ngành, mà giúp việc có 3 - 4 Thứ trưởng, nay chỉ có 1 Thứ trưởng phụ trách mảng thủy lợi. Theo tôi, dù có tài đức đến mấy cũng khó quán xuyến để giúp cho Bộ trưởng. Riêng lĩnh vực quản lý thủy nông hiện nay, nhiều cơ chế chính sánh từ thời bao cấp không còn phù hợp cơ chế mới, tổ chức bộ máy quản lý kém hiệu quả, lương công nhân không đủ sống, công trình ngày càng xuống cấp.

Ở Nghệ An, công tác thủy nông tuy được UBND tỉnh quan tâm vậy mà đến nay, kinh phí cho việc điều chỉnh khung bậc lương từ năm 2004 và cho nâng mức lương tối thiểu 290.000đ lên 350.000đ (năm 2005) vẫn chưa giải quyết được nhưng các khoản phải nạp, theo lương như bảo hiểm, v.v. người lao động đã phải nạp theo lương mới. Ở huyện, trước đây một phòng thủy lợi có 4 - 7 người, trong đó có 1 - 3 kỹ sư thủy lợi, còn lại trung cấp thì nay hầu như

tình hình chung ở huyện là trong Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ có 1 người, có huyện người đó học ngành khác hoặc không có cán bộ học ngành thủy lợi nào trong khi đó phân cấp nhiệm vụ thủy lợi cho huyện từ xây dựng cơ bản, quản lý thủy nông và phòng, chống bão lụt ngày càng nặng nề. Thực tế cho thấy, UBND tỉnh Nghệ An ban hành một số cơ chế, chính sách đầu tư hỗ trợ nông dân phát triển tưới cây công nghiệp và chính sách thu, chi thủy lợi phí công trình do xã, hợp tác xã quản lý và giao cho UBND huyện duyệt kế hoạch tài chính các tổ chức quản lý loại công trình này song những chính sách đó đến huyện chỉ dừng lại ở văn bản.

Thứ tư là, công tác thanh tra chuyên ngành. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước mà không thanh tra, kiểm tra thì các chủ trương, cơ chế, chính sách không được thực hiện hiệu quả, chưa nói đến việc phát hiện, ngăn chặn tiêu cực. Bản thân tôi thấy, thời gian làm Chi cục trưởng Thủy lợi do không có thanh tra chuyên ngành trong đơn vị nên việc phát hiện, ngăn chặn vi phạm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi còn nhiều thiếu sót.

Nay trên báo cũng đưa tin nhiều vụ ngang nhiên "xẻ thịt" hồ chứa nước không được phát hiện kịp thời. Năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản về chương trình hành động của Bộ, trong đó nhấn mạnh tới việc thực hiện phân công, phân cấp quản lý công trình thủy nông là những chủ trương đúng đắn, song cũng là vấn đề

phức tạp, nên chủ trương cũng đang dừng lại ở chủ trương mà thôi. Tôi nghĩ nên chỉ đạo thí điểm phân cấp quản lý thủy nông ở vài tỉnh để nhân rộng.

Cải cách hành chính là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm giảm đầu mối quản lý, chấn chỉnh tổ chức bộ máy cồng kềnh kém hiệu quả là cần thiết. Song không phải vì vậy mà làm biến dạng mô hình tổ chức hoàn chỉnh, ví dụ như không tổ chức hệ thống thanh tra chuyên ngành và tình trạng cán bộ thủy lợi ở huyện như hiện nay thì tuy giảm được quỹ tiền lương nhưng lại sơ hở về phòng, chống bão lụt chẳng hạn thì thiệt hại không lường được, v.v..

Kính thưa các đồng chí!

Suy ngẫm về những vấn đề nêu trên ở nơi này, nơi khác, mức độ khác nhau nhưng có ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành - với lòng chân thành và tâm huyết xin phản ánh để các đồng chí quan tâm và xem xét.

Một lần nữa kính chúc các đồng chí khỏe mạnh và hạnh phúc!

Kính thư!

Nguyễn Quang Hòa

THANH TRA CHÍNH PHỦ **VỤ TIẾP DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THƯ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 149117/CĐ-TD&XLDT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2007*
V/v giải quyết Kiến nghị của công dân	

VĂN PHÒNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
ĐƠN VỊ CHUYỂN ĐẾN
Số: 816
Ngày 14 tháng 12 năm 07

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thanh tra Chính phủ nhận được đơn của ông (bà): Nguyễn Quang Hòa

Địa chỉ: khối 16, phường Hà Huy Tập, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Đơn có nội dung: Kiến nghị và đề xuất một số vấn đề về việc hỗ trợ nông dân trả thủy lợi phí.

CỤC THỦY LỢI
ĐẾN Ngày 14.12.07
Số: 6945

Căn cứ nội dung đơn và quy định của pháp luật, Thanh tra Chính phủ xin chuyển đến cơ quan để được chỉ đạo xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu TD&XLDT

KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TIẾP DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Bình

Thành phố Vinh, ngày 15 tháng 10 năm 2007

Kính gửi: - Ông Cao Đức Phát - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đồng kính gửi:

- Ông Vũ Văn Ninh - Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Ông Phan Đình Trạc - Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An

Tên tôi là: Nguyễn Quang Hòa, nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An.

Quá trình công tác được tặng thưởng: Huân chương chống Mỹ, cứu nước hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Ba; Bằng Lao động sáng tạo thời kỳ đổi mới. Nay nghỉ hưu tại khối 16, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh. Được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Thủy lợi Nghệ An.

Xuất phát từ nhận thức thủy lợi phí là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước mà viết thư này gửi lên Bộ trưởng và Chủ tịch.

Trước hết, xin kính chúc Bộ trưởng và Chủ tịch mạnh khỏe, hạnh phúc, đạt nhiều kết quả công tác trên cương vị cao cả của mình.

Kính thưa Bộ trưởng và Chủ tịch!

Được biết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xuất phát từ quan điểm khoan dân, nông dân

nước ta thu nhập thấp, đời sống khó khăn lại phải đóng nhiều khoản nên đã xây dựng đề án với tiêu chí là "miễn nộp" thủy lợi phí đối với nông dân, ngư dân sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Mục tiêu của đề án là nông dân được miễn phí phục vụ tưới tiêu nhưng vẫn duy trì năng lực và chống xuống cấp công trình thủy lợi.

Tuy nhiên, mục tiêu như vậy mà giải pháp là "miễn nộp" thủy lợi phí là chưa hợp quy luật. Tiêu chí đề án có tên là "miễn nộp" thủy lợi phí và coi thủy lợi phí là một khoản "đóng góp" của nông dân theo tôi là không ổn, vì từ đó phát sinh các "phản ứng phụ" dẫn đến khó đạt được mục tiêu đề ra như mong muốn, bởi lẽ:

- Thứ nhất là: Do việc "miễn nộp" đã chuyển quan hệ giữa nông dân với doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi do Nhà nước quản lý và tổ chức khai thác công trình thủy lợi do xã, hợp tác xã quản lý (sau đây gọi chung là "doanh nghiệp tưới tiêu") từ quan hệ hợp đồng kinh tế, trong đó nông dân có trách nhiệm sử dụng nước tiết kiệm, có hiệu quả, v.v. sang quan hệ bao cấp, trông chờ, ỉ lại.

- Thứ hai là: Bất cứ loại hình doanh nghiệp nào theo Luật Doanh nghiệp đều được bình đẳng trước pháp luật và muốn tồn tại, phát triển phải được thu đúng, thu đủ từ đối tác, nông dân trả thủy lợi phí chứ không phải nông dân "đóng góp" thủy lợi phí. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực sản xuất của doanh nghiệp. Nếu kinh phí hoạt động không phải từ sản phẩm của doanh nghiệp sẽ dẫn đến

động lực sản xuất bị triệt tiêu, chất lượng phục vụ thấp là lẽ đương nhiên.

Vì vậy, từ mục tiêu đã xác định, tôi xin được tham góp về tiêu chí đề án là "Hỗ trợ nông dân trả thủy lợi phí" và giải pháp thực hiện theo các công đoạn sau đây:

Một là: Từ cơ chế thị trường, nước từ công trình thủy lợi phải được xem là hàng hóa đặc biệt cũng như điện, phân bón, v.v.. Doanh nghiệp phục vụ phải thu thủy lợi phí từ đối tác theo hợp đồng kinh tế trên cơ sở nghiệm thu sản phẩm tưới tiêu, có điều khoản thưởng, phạt cho cả hai bên doanh nghiệp và nông dân.

Hai là: Bằng chính sách xã hội, Nhà nước hỗ trợ nông dân trả thủy lợi phí cho doanh nghiệp. Nếu gọi là "hỗ trợ" không phù hợp với quy định của WTO thì miễn nộp cũng nên triển khai theo lộ trình này.

Cần phải rạch ròi như vậy để ngăn ngừa phát sinh quan hệ xin, cho, làm cho cả nông dân đến doanh nghiệp đều khốn khổ. Mặt khác, có như vậy mới tạo cho doanh nghiệp lập kế hoạch sản xuất và tài chính để chủ động triển khai phục vụ từ đầu kỳ kế hoạch và quan trọng hơn giữa nông dân và doanh nghiệp tưới tiêu gắn được với nhau thông qua hợp đồng kinh tế.

Kính thưa Bộ trưởng và Chủ tịch!

Bao đời nay, hạt thóc được khẳng định là sản phẩm tổng hợp của "nước, phân, cần, giống". Trong đó, nước từ các công trình thủy lợi là hàng hóa do các tổ chức quản lý

công trình thủy lợi cung ứng cho nông dân thông qua hợp đồng kinh tế từ đầu vụ sản xuất, mức thu giá nước theo nghị định của Chính phủ tùy thuộc mùa vụ sản xuất và loại công trình tưới tự chảy hoặc bơm điện. Vì vậy, thủy lợi phí bản chất là chi phí sản xuất. Tuy nhiên, không hiểu sao có người nhầm lẫn hoặc cố ý đưa thủy lợi phí vào nhóm các khoản thu do cơ sở vận động nhân dân đóng góp và coi đó như là một nguyên nhân làm nghèo nông dân? Và nếu vậy thì tiền điện bơm nước, phân bón, bảo vệ thực vật thì sao? Quả là không công bằng trong việc đối xử giữa các khâu dịch vụ cho nông dân.

Tuy nhiên, do lực lượng nông dân nước ta chiếm trên 70% dân số, kinh tế chậm phát triển, đời sống khó khăn, nhằm khoan dân nên xuyên suốt trong các nghị định của Chính phủ về thủy lợi phí vẫn là bao cấp, coi đó là khoản hỗ trợ cho nông nghiệp, nông dân cụ thể là thủy lợi phí không thu khấu hao cơ bản và sửa chữa lớn công trình bằng đất, công trình xây đúc và trạm bơm điện lớn có công suất từ 8.000m^3/h trở lên. Năng suất lúa và giá thóc là yếu tố để quy định mức thu thủy lợi phí thì hiện nay đã tăng 30 - 40% so với thời điểm tính toán trước đây, trong khi nhóm giá cả đầu vào như tiền lương, tiền điện bơm nước, nguyên nhiên liệu duy tu, bảo dưỡng tăng cao nhưng mức thu thủy lợi phí vẫn không thay đổi nên đã giảm giá trị thủy lợi phí xuống từ 30 - 40% so với trước, được nông dân đồng tình nhưng áp lực về chi phí sản xuất lại do tổ chức quản lý thủy nông gánh chịu.

Vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay là chưa đảm bảo công bằng xã hội về thủy lợi:

Thứ nhất là đầu tư xây dựng cơ bản thủy lợi giữa các vùng miền, trong đó miền núi, vùng sâu, vùng xa đầu tư còn thấp, thậm chí có nơi người dân đi dân công làm thủy lợi cho địa phương khác, địa phương mình cây trồng và con người còn khát nước. Thứ hai là, những vùng vừa được Nhà nước đầu tư công trình đầu mối đến kênh mương, vừa được doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích quản lý và thu thủy lợi phí theo Nghị định số 143 của Chính phủ. Tỉnh Nghệ An, thủy lợi phí vụ đông xuân đối với tưới tự chảy 480 ngàn đồng/ha (24 ngàn đồng/sào), tưới bằng bơm điện 600 ngàn đồng/ha (30 ngàn đồng/ sào), nông dân được đảm bảo khâu nước suốt vụ sản xuất cho một sào trồng lúa chỉ phải nạp thủy lợi phí cho doanh nghiệp thủy nông giá trị chưa bằng 1 công lao động phổ thông. Doanh nghiệp hoạt động được nhờ Nhà nước cấp bù. Trong khi đó, những vùng khó khăn do địa hình phức tạp hoặc miền núi, vùng sâu, vùng xa thì phần lớn công trình vừa và nhỏ do nhân dân phải tự bỏ vốn hoặc vay vốn xây dựng, loại công trình này hiện do xã, hợp tác xã tổ chức quản lý. Mảng công trình loại này hiện đảm nhiệm 50% diện tích tưới cả nước, riêng ở Nghệ An 40 - 45%, song số lượng công trình loại này nhiều hơn công trình do các doanh nghiệp nhà nước quản lý. Nghệ An có 635 hồ chứa nước thì số hồ do doanh nghiệp Nhà nước quản lý chỉ có 54 hồ, còn lại 581 hồ do xã, hợp tác xã quản lý và toàn bộ chi phí quản lý công trình

thuộc mảng này như tiền lương, tiền điện, duy tu sửa chữa đều do nông dân đóng góp, nặng nhất là tiền điện bơm tưới mà chưa được Nhà nước hỗ trợ. Vì vậy, các trạm bơm cột nước cao, chi phí điện bơm lớn thì mức thu thủy lợi phí cao hơn so với doanh nghiệp nhà nước quản lý (do doanh nghiệp được nhà nước cấp bù).

Từ tình hình như trên, để đảm bảo thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", Nhà nước đã hỗ trợ thủy lợi phí cho đối tượng nông dân được Nhà nước đầu tư công trình và doanh nghiệp quản lý thì đồng thời cũng cần hỗ trợ chi phí quản lý cho đối tượng nông dân tự bỏ hoặc vay vốn xây dựng và quản lý công trình. Nhu cầu vốn cần tổng hợp đầy đủ, chính xác để không bị động, chỉ riêng tỉnh Nghệ An khoản này là 70 tỷ đồng mỗi năm, ước cả nước tối thiểu là 3 nghìn 7 trăm tỷ đồng (không phải chỉ 1 ngàn tỷ đồng như Báo Nghệ An - mục Bạn đọc quan tâm ngày 11/10/2007 nêu ra). Tuy nhiên, khi điều kiện kinh tế chưa cho phép thì chỉ ban hành và thực hiện chính sách hỗ trợ đối với nông dân các vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo, miền núi, đồng thời hỗ trợ tiền điện bơm nước, chống hạn, để giảm bớt thủy lợi phí cho nông dân vùng thuộc công trình do xã, hợp tác xã quản lý. Thực hiện hỗ trợ thống nhất, công bằng giữa các đối tượng nông dân hưởng lợi từ công trình do doanh nghiệp nhà nước cũng như công trình do xã, hợp tác xã quản lý. Cần tổ chức lại bộ máy quản lý công trình thủy lợi phù hợp cơ chế mới gắn liền ba lợi ích theo hướng phân công, phân cấp

cấp huyện, xã. Tạo điều kiện cho các tổ chức quản lý này đủ mạnh phục vụ tốt sản xuất.

Qua trao đổi tâm tư với một số nông dân các vùng, miền thì họ mong được Nhà nước giảm học phí, viện phí. Về thủy lợi phí, được miễn sẽ giảm bớt khó khăn, song họ cũng băn khoăn về chất lượng phục vụ nhất là khi nghe tin ở tỉnh Vĩnh Phúc sau khi miễn thủy lợi phí cho nông dân, một số địa phương chất lượng phục vụ giảm sút đã đề nghị nộp lại thủy lợi phí để ràng buộc trách nhiệm qua hợp đồng tưới tiêu, vì xểnh ra mà làm thất bát mùa màng thì lợi bất cập hại.

Một lần nữa, kính chúc Bộ trưởng và Chủ tịch mạnh khỏe, hạnh phúc!

Nơi nhận:
- Như trên và đồng kính gửi
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng
- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng
- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải
- Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Thuật, Thứ trưởng Đào Xuân Học
- Thứ trưởng Hồ Xuân Hùng, Bộ NN & PTNT
- Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Thế Trung
- Thường trực TU, HĐND tỉnh Nghệ An
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đình Chi
- Giám đốc Sở NN & PTNT Nghệ An
- Giám đốc Sở Tài chính Nghệ An.

Nay kính thư

Nguyễn Quang Hòa

PHÁT HUY VAI TRÒ MẶT TRẬN TỔ QUỐC CÁC CẤP TRÊN LĨNH VỰC PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI, GÓP PHẦN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ CÓ HIỆU QUẢ

Thực hiện công cuộc đổi mới, vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc được hiến định một cách cụ thể, được Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 217 "Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội" và Quyết định số 218 về "Quy định việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền".

Đó là những thuận lợi cơ bản cho hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp, nhất là ở cơ sở để công tác vận động, thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tích cực tham gia giám sát quy trình lấy ý kiến cộng đồng dân cư khi xây dựng các dự án trên địa bàn, giám sát tệ nạn sản xuất thực phẩm bẩn hiện nay và cao hơn là nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội góp phần đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ được Bộ Chính trị giao cho, quá trình thực hiện cần thống nhất quan điểm giám sát, phản biện không phải là vạch lá tìm sâu mà giám sát, phản biện xã hội trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có luận cứ khoa học. Phản biện xã hội là sự tập hợp trí tuệ và sức sáng tạo của cộng đồng để giải quyết các vấn đề xã hội do lực lượng nắm quyền lãnh đạo xã hội đưa ra, là thước đo trình độ văn minh của xã hội.

Tuy vậy, trên thực tế hoạt động giám sát, phản biện xã hội còn mới nên gặp những trở ngại đòi hỏi tổ chức phản biện phải có trí tuệ và bản lĩnh để vượt qua khó khăn, đó là:

Về phạm trù tâm lý là sự khó chịu với ai "trái ý" nhất là với người dưới quyền mình. Lo ngại nảy sinh cái gì đó ảnh hưởng đến vị thế cá nhân hay cơ quan quyền lực. Đây cũng là căn bệnh tự nhiên, khó tránh khỏi.

Với nhiều tiềm năng và lợi thế, quá trình đổi mới, tỉnh ta nói chung và thành phố Vinh nói riêng đã mời gọi được nhiều dự án đầu tư, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của thành phố.

Tuy nhiên, bên cạnh các dự án có hiệu quả vẫn còn đó những dự án không hiệu quả, thậm chí đắp chiếu, gây phản cảm.

Có thể dẫn chứng như, Dự án Cửa Lò BeachVilla do Công ty Liên doanh Hồng Thái - SIT Việt Nam làm chủ đầu tư, trên tuyến đường Cửa Lò - Cửa Hội. Dự án Thủy điện Hủa Na ở Quế Phong làm cho nhân dân tái định cư đang

khốn khổ kiếm kế sinh nhai. Ngay ở thành phố Vinh, nếu như kênh tiêu Bắc Vinh không được xem xét điều chỉnh đảm bảo cho trong kênh phải thường xuyên có nước sạch hoặc thay nước định kỳ thì chỉ đạt được nhiệm vụ tiêu thoát nước mưa còn nhiệm vụ về cảnh quan, môi trường sẽ không đạt được; thậm chí gây ô nhiễm. Vừa qua, UBND tỉnh cũng đã mạnh tay thu hồi một số dự án. Nhìn rộng ra trên phạm vi cả nước, nhiều dự án tiền tỷ từ ngân sách thua lỗ, hệ lụy là các đại án kéo theo cán bộ vướng vòng lao lý.

Có thể nói, giá như các dự án đó được giao cho tổ chức phản biện độc lập sẽ hạn chế được tình trạng tham nhũng, lãng phí.

Có bốn câu hỏi tư vấn phản biện đặt ra đối với chủ đầu tư đó là:

Giải trình sự cần thiết của dự án, phải làm rõ nguyên liệu đầu vào và thị trường đầu ra của sản phẩm?

Năng lực khoa học công nghệ của chủ đầu tư, nguồn gốc các thiết bị được cung cấp hoặc mua sắm của dự án?

Năng lực tài chính của chủ đầu tư?

Đã triển khai lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo quy định nhất là đối với các dự án có di dân tái định cư và quy hoạch khu tái định cư.

Bốn câu hỏi đó được trả lời rõ ràng, minh bạch chắc sẽ hạn chế được thất thoát, tham nhũng, lãng phí ngân sách cũng là tiền thuế của dân, của doanh nghiệp.

Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã có chuyển biến tích cực, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Việc xử lý đối với bất kỳ ai vi phạm pháp luật là cần thiết nhưng cũng đáng buồn vì những việc đã rồi.

Hiện nay, Quốc hội đang chuẩn bị ban hành luật phòng, chống tham nhũng (sửa đổi) thì việc Chính phủ mạnh dạn ban hành nghị định về phản biện và giám định xã hội là cần thiết, trong đó trách nhiệm giải trình cần được quy định cụ thể, tăng cường cơ sở pháp lý cho Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả. góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Nguyễn Quang Hòa

Ủy viên UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An

TƯ TƯỞNG BÁC HỒ TRONG TÁC PHẨM "ĐỜI SỐNG MỚI" ĐƯỢC HIỆN THỰC HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH Ở NGHỆ AN

Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất, người con ưu tú của quê hương Nghệ An không còn nữa. Song Người đã để lại cho Đảng ta, nhân dân ta, cho quê hương những di sản quý báu, những tác phẩm như ngọn hải đăng chói lọi soi đường chỉ lối cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Một trong các tác phẩm đó là "Đời sống mới", Người viết ngày 20/3/1947, đề bút danh Tân Sinh.

Với quê hương Nghệ An, dù Bác Hồ gánh trên vai khát vọng của toàn dân tộc, nhưng Người đã dành cho quê hương những tình cảm dạt dào, sâu nặng.

Tư tưởng xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sinh động trong tác phẩm "Đời sống mới" là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. "Nếu nước độc lập mà dân không được hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì". Lời dạy uyên bác mà giản dị, dễ

hiểu của Bác trong xây dựng đời sống mới là "một nước Việt Nam phú cường".

Tư tưởng lớn ấy ngày nay được hiện thực hóa là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Công cuộc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh cũng nhằm mục tiêu cao nhất là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nhìn lại đặc điểm Việt Nam nói chung cũng như Nghệ An có gần 70% dân số ở nông thôn. Vì vậy vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Chính phủ ban hành quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành đề án tổ chức thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và Thông tư số 10/TT-MTTQ-BTT, ngày 28/7/2016 về hướng dẫn thực hiện cuộc vận động nêu trên nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Tác phẩm "Đời sống mới" không những là cơ sở lý luận, là cẩm nang chỉ đạo đề ra mục đích mà còn chỉ rõ phương châm, biện pháp tổ chức thực hiện để đạt được mục đích đó.

Nhìn lại quá trình thực hiện cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở Nghệ An là một tỉnh lớn có tài nguyên, đất nước phong phú và đa dạng, dân số trên 3 triệu người, nhiều thành phần dân tộc sinh sống trên ba miền đồng bằng, trung du và miền núi. Xây dựng nông thôn mới theo 19 tiêu chí đòi hỏi nguồn lực, kinh phí lớn trong điều kiện khó khăn, điểm xuất phát thấp và không đồng đều. Từ phân tích đặc điểm đó, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã đề ra phương pháp, phương châm và bước đi thích hợp, cụ thể cho từng địa phương, vùng miền. Thành lập Ban chỉ đạo từ cấp tỉnh đến huyện, xã, đã ban hành nhiều công văn, chỉ thị, nhằm chỉ đạo, nghị quyết chuyên đề, đôn đốc phù hợp với từng thời kỳ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu,.

Trong tác phẩm "Đời sống mới", Bác viết: "Nếu mỗi người đều tốt thì thành làng tốt, nước mạnh, người là gốc của làng, nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới thì dân tộc nhất định phú cường". Lời dạy của Bác là kim chỉ nam được hiện thực hóa bằng việc chỉ đạo trong xây dựng nông thôn mới là lấy hộ gia đình, xóm, bản, khối phố làm hạt nhân trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở Nghệ An. Quá trình thực hiện được kiểm tra rút kinh nghiệm, tạo thành phong trào thi đua giữa các hộ, xóm, bản, khối phố và các tổ chức đoàn thể. Việc xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, phân định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Trong

tác phẩm "Đời sống mới", Bác viết "Trước hết phải tuyên truyền và làm gương". Hiện thực hóa chỉ đạo đó, công tác tuyên truyền được quan tâm đúng mức bằng nhiều hình thức trên các hội nghị, phương tiện thông tin. Bước đầu có nơi, có lúc, có tư tưởng trông chờ, ỉ lại xem đây là dự án đầu tư của nhà nước. Công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức vấn đề xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục và an ninh, quốc phòng ở Nghệ An, từng bước đem lại đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Thông qua tuyên truyền tạo được sự đồng thuận của nhân dân, là chủ trương hợp với lòng dân và rất được nhân dân đồng tình hưởng ứng, tham gia với vai trò là chủ thể. Công tác tuyên truyền đã kịp thời biểu dương điển hình gia đình, xóm, bản, khối phố, tổ chức trọng thể lễ công bố xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Một số kết quả đạt được: Qua số liệu của Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, thì sau 11 năm thực hiện xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đã có 229/411 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Có 6 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới và 1 đơn vị đã được thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ công nhận. Bình quân đạt 16,8 tiêu chí/ xã, không còn xã đạt dưới 7 tiêu chí.

Một là, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

Về giao thông: Tổng số ki lô mét đường giao thông nông thôn xây dựng mới, nâng cấp được 10.477km, với tổng kinh phí 13.211 tỷ đồng.

Về thủy lợi: Đã xây dựng được 3.445km kênh mương các loại, nâng cấp cải tạo hàng trăm công trình hồ đập, trạm bơm phục vụ tưới tiêu.

Về đường điện: Xây dụng, nâng cấp, cải tạo 5.699km hệ thống đường điện các loại và hàng trăm trạm biến áp.

Về xây dựng: Nâng cấp trạm y tế đến nay đã có 399/411 xã đạt các tiêu chí về y tế.

Hai là, phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân.

Lấy phát triển sản xuất là gốc để nâng cao giá trị sản xuất theo thế mạnh từng vùng. Nhờ vậy, số hộ vươn lên thoát nghèo, có đời sống khá ngày càng tăng. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 34,4 triệu đồng/người/năm (năm 2015 là 19,6 triệu đồng), có 324/411 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập (78,83%). Có 362/411 xã đạt tiêu chí số 13 hình thức tổ chức sản xuất chiếm tỷ lệ 88,07%.

Ba là, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 97,08%. Có 399/411 xã đạt chuẩn y tế chiếm tỷ lệ 97,08%. Có 352/411 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 85,64%.

Bốn là, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và giữ gìn an ninh trật tự.

Tổ chức cơ sở đảng được nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao vai trò hạt nhân làm gương trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị cơ sở. Cấp ủy đảng cơ sở chủ động lựa chọn những vấn đề theo yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân để bàn bạc, xây dựng thành nghị quyết để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả. Sự phối hợp giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc trong thực hiện nội dung, chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ngày càng cụ thể, có hiệu quả.

Đến nay, đã có 379/411 xã đạt tiêu chí số 18 hệ thống chính trị vững mạnh, đạt 92,21%, tiêu chí số 19 về an ninh, trật tự xã hội có 395/411 xã đạt 96,1%.

Trải qua trên 75 năm, song những tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm "Đời sống mới" vẫn nguyên giá trị và mãi mãi là tư tưởng chỉ đạo, là cơ sở lý luận quan trọng cũng như phương châm, giải pháp tổ chức thực hiện cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta nói chung và phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở cả nước và tỉnh Nghệ An. Phát huy kết quả đạt được và kinh nghiệm vừa qua để hoàn thành mục tiêu, chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh giai đoạn 2021 - 2025, trở thành tỉnh khá như Bác Hồ mong muốn.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, DÂN VẬN KHÉO LÀ NHÂN TỐ QUAN TRỌNG THÀNH CÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ SƠN THÀNH, HUYỆN YÊN THÀNH

Được thường trực Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An cho biết: xã Sơn Thành, huyện Yên Thành là xã đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của tỉnh. Một buổi sáng mùa thu tháng 8, từ thành phố Vinh theo đường 534 ra xã Sơn Thành. Khi nhìn phía trước, thấy hai bên đường rợp bóng cờ, phía dưới là những dãy hoa tươi thắm, dừng xe hỏi chị phụ nữ đang tỉa hoa được biết đã đến xã Sơn Thành. Vào trụ sở UBND xã, tuy không hẹn trước vẫn may mắn được đồng chí Nguyễn Khắc Đào - Bí thư Đảng ủy và đồng chí Nguyễn Minh An - Văn phòng UBND xã vui vẻ tiếp chuyện.

Tìm hiểu về tình hình, đặc điểm của xã, được biết Sơn Thành có diện tích tự nhiên 1.507ha, có 1.900 hộ và 8.200

nhân khẩu. Trước đây, có 18 xóm, nay sáp nhập còn lại 8 xóm. Toàn xã có 13 chi bộ, trong đó 8 chi bộ xóm với 273 đảng viên. Trên địa bàn xã có nhà thờ Giáo họ với 27 hộ và 100 nhân khẩu. Diện tích trồng lúa 290ha trước đây chỉ 2/3 được tưới, còn lại phải chờ mưa. Từ những năm 90 về trước, là xã nghèo, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, phần lớn trẻ em bỏ học, nội bộ thiếu đoàn kết.

Bước vào thời kỳ đổi mới, tiếp nhận chủ trương xây dựng nông thôn mới có 19 tiêu chí đòi hỏi nguồn lực kinh phí lớn trong điều kiện khó khăn điểm xuất phát thấp và không đồng đều với Sơn Thành, chẳng khác nào tay không bắt giặc.

Từ phân tích đặc điểm đó, Đảng ủy họp bàn bạc, xác định quyết tâm và đề ra giải pháp, trước hết phải tuyên truyền và làm gương, cán bộ phải làm gương, nói đi đôi với làm, đổi mới phong cách lãnh đạo, gần dân và công khai nhận khuyết điểm để sửa sai, kết quả cho thấy dân đã gần và tiếp cận cán bộ. Khó khăn lớn nhất là tư tưởng trông chờ, ỷ lại, cho rằng xây dựng nông thôn mới là dự án của Nhà nước, do Nhà nước đầu tư. Nắm bắt được tư tưởng đó của người dân, UBMT Tổ quốc xã đã tham mưu cho Đảng ủy phân công mỗi đoàn thể phụ trách một mũi công tác, trong đó UBMT Tổ quốc đảm trách công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới và xóa đói giảm nghèo. Thông qua công tác tuyên truyền, kiên trì vận động đã tạo được chuyển biến nhận thức và đồng thuận của người dân

từ chỗ xây dựng nông thôn mới do Nhà nước đầu tư sang xác định chủ thể xây dựng nông thôn mới là người dân, dân làm dân thụ hưởng và nhà nước hỗ trợ, mục tiêu cao nhất là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Mở đầu thực hiện các tiêu chí.

Một là, quy hoạch xã: Quy hoạch tổng thể xã giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 6490/QĐ-UBND, ngày 30/12/2011 của UBND huyện Yên Thành. Đây là tiền đề cho việc tổ chức thực hiện các tiêu chí tiếp theo.

Phạm vi bài viết này chỉ nêu dẫn được một số tiêu chí hoàn thành có sự đóng góp rất lớn của người dân.

Hai là: Về giao thông, toàn xã có 114km đường, trong đó tỉnh lộ 14km, còn lại 100km đường nông thôn do dân đầu tư, nhà nước hỗ trợ bằng xi măng. Để mở đường, UBMT Tổ quốc xã, Ban Công tác Mặt trận xóm đã kiên trì vận động, kết quả là nhân dân đã tự nguyện hiến 12.400m^2 đất đã có bìa đỏ, tháo dỡ 1.800m^2 tường rào, 8 cổng kiên cố, đào bỏ 1.800 cây xanh các loại. Đến năm 2013 có 100% đường được bê tông hóa, trong đó 30% đường có cây xanh và hoa tươi.

Tính bình quân đầu tư làm đường lkm/1,2 tỷ đồng. Để hoàn thành bê tông hóa, toàn xã phải đầu tư 120 tỷ đồng, trong đó được hỗ trợ xi măng với giá trị 300 tỷ đồng, còn lại 900 tỷ đồng do dân đóng góp.

Ba là, về thủy lợi: Để tưới cho 1/3 diện tích trồng lúa còn lại phải chờ mưa, xã đã vận động nhân dân đóng góp xây dựng 6 trạm bơm nhỏ, kiên cố hóa 100% kênh mương nội đồng đảm bảo tưới tiêu chủ động. Xây dựng nông thôn mới đã biến từ một xã nghèo trở thành xã có tất cả các xóm khang trang "Sáng, xanh, sạch, đẹp", đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao rõ rệt. Niềm vui đến với đảng bộ và nhân dân xã Sơn Thành năm 2013 được UBND tỉnh công nhận là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Nghệ An.

Không thỏa mãn kết quả đạt được, Đảng bộ và nhân dân Sơn Thành tiếp tục phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo các tiêu chí ban hành tại Quyết định số 5067/QĐ-UBND, ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2018 - 2020. Mục tiêu cao nhất là nâng cao thu nhập cho người dân. Năm 2021, thu nhập bình quân đạt 70.587.000đ/đầu người/năm. Chỉ tiêu phấn đấu năm 2022, đạt 76.323.000đ/đầu người/ năm, gấp hai lần so với năm 2013 đạt chuẩn nông thôn mới, toàn xã không còn hộ nghèo. Trong dòng tâm sự, đồng chí Nguyễn Khắc Đào - Bi thư Đảng ủy nhắc lại nhiều lần, đánh giá cao vai trò của Mặt trận không chỉ trong xây dựng nông thôn mới mà nổi bật nữa là hoạt động vì người nghèo. Mở đầu hằng năm, vào dịp Tết Nguyên đán đã vận động được 100 triệu đồng hỗ trợ hộ nghèo, rủi ro. Đến nay, số dư quỹ vì hộ nghèo, rủi ro còn lại 110 triệu đồng. Quá trình phấn đấu không ngừng nghỉ, đến ngày 30/7/2022 xã Sơn Thành đã tự kiểm tra, đánh giá theo

Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao đã có 11/19 tiêu chí đạt 100%. Bao gồm: Tiêu chí số 1: Quy hoạch.

Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai.

Tiêu chí số 4: Điện.

Tiêu chí số 5: Giáo dục.

Tiêu chí số 6: Văn hóa.

Tiêu chí số 8: Thông tin truyền thông.

Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư.

Tiêu chí số 10: Thu nhập.

Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật.

Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường.

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành 6 tiêu chí còn lại. Qua tìm hiểu nhận thấy, các tiêu chí còn lại không đòi hỏi kinh phí đầu tư lớn như làm gờ giảm tốc tại các nút đường giao thông hoặc như đường xã đoạn qua khu dân cư điện chiếu sáng mới đạt 96,6%, chưa thực hiện được dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên, nghĩa trang chưa có khu vực đốt vàng mã, chưa có camera an ninh. Tin rằng, các tiêu chí còn lại kinh phí đầu tư không lớn, với truyền thống đoàn kết, đồng lòng, xã Sơn Thành sẽ sớm hoàn thành các tiêu chí còn lại.

Hỏi về những kinh nghiệm trong quá trình xây dựng nông thôn mới, đồng chí Nguyễn Khắc Đào khiêm tốn nêu một số kinh nghiệm từ địa phương.

Một là: Cả hệ thống chính trị vào cuộc, MTTQ chú trọng công tác tuyên truyền, dân vận khéo làm chuyển biến nhận thức trong nhân dân.

Hai là: Chọn bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, hoàn thành tiêu chí này sẽ là tiền đề cho thực hiện tiêu chí khác tiếp theo như Sơn Thành xác định trước hết đi lên từ điện. Có điện mới xây dựng được trạm bơm, phục vụ các ngành, nghề, điện thắp sáng được nhân dân vui mừng phấn khởi.

Ba là: Giai đoạn 2005 - 2010 đi lên từ xuất khẩu lao động. Những năm qua, kiều hối trên địa bàn xã mỗi năm từ 300 - 350 tỷ đồng, hiện 60 người có trên 100 tỷ đồng.

Bốn là: Từ năm 2010 đến nay, đi lên từ đường ra đồng. Trước năm 2013 ruộng đất toàn xã có 7.489 thửa, nay chỉ còn lại 1.800 thửa, mỗi hộ 1 thửa tạo thuận lợi làm đường giao thông ra đồng và cơ giới hóa nông nghiệp.

Năm là: Từ năm 2020 đến nay, đi lên từ mặt trận lòng dân, dân làm, dân thụ hưởng.

Sáu là: Kinh tế công khai, minh bạch theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra theo quy chế dân chủ cơ sở.

Bảy là: Quan tâm công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức, tổ chức đi tham quan mô hình trong và ngoài tỉnh.

Tám là: Bám việc, bám điểm, biết độ chỉ đạo (lúc cương, lúc nhu), biết kích cầu.

Chín là: Quan tâm công tác thi đua khen thưởng, động viên kịp thời.

Xã Sơn Thành chúng tôi phấn đấu đích đến phía trước là xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Chung vui với Đảng bộ và nhân dân xã Sơn Thành, thầm nghĩ mình đã chọn đúng, chọn trúng Sơn Thành từ một xã nghèo đã bắt tay xây dựng nông thôn mới, là một quyết định táo bạo. Song với quyết tâm cao, có bước đi phù hợp đã trở thành xã đầu tiên trong tỉnh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (2013). Thành công này từ sức mạnh đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân Sơn Thành, trong đó vai trò của MTTQ từ xã đến xóm trong công tác tuyên truyền, dân vận khéo, làm gương là nhân tố có tính quyết định, ghi nhận thành tích này như một lẵng hoa tươi thắm chào mừng 92 năm ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/2022).

Thiết nghĩ những bài học kinh nghiệm trên đây có thể tuyên truyền, lan tỏa đến các địa phương trong tỉnh.

MỘT SỐ NỘI DUNG, BÀI VIẾT TRONG CUỐN "SỔ TAY HƯỚNG DẪN NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ VẤN, PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI" TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 60/2014/QĐ-UBND, NGÀY 18/9/2014 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN QUANG HÒA

LỜI NÓI ĐẦU

Tư vấn, phản biện và giám định xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Đảng và Nhà nước giao cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên. Nhiệm vụ này đã được xác định rõ trong Chỉ thị số 45/CT-TƯ, ngày 11/11/1998 của Bộ Chính trị; Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg, ngày 30/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 89/2005/QD-UBND, ngày 06/10/2005 về hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Nghệ An.

Tuy nhiên, do các văn bản pháp lý chưa thật đồng bộ, cụ thể và năng lực của Liên hiệp Hội và hội thành viên còn hạn chế nên chưa làm được nhiều. Vì vậy, thực hiện Chương trình hành động số 19/CTr/TU, ngày 31/10/2008 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Tỉnh ủy Nghệ An ban hành Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 23/6/2009 "Xây dựng cơ

chế Tư vấn, phản biện và giám định xã hội cho các nhiệm vụ, chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm".

Đặc biệt, ngày 16/4/2010, Bộ Chính trị khóa X đã ban hành Chỉ thị số 42-CT/TƯ về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó yêu cầu Liên hiệp Hội Việt Nam "Đề xuất, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những vấn đề lớn về đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước...". Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg, ngày 14/02/2014 "Về hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam".

Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An vừa qua được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh Nghệ An giao nhiệm vụ phản biện Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Bản Mồng, tỉnh Nghệ An. Bằng trí tuệ và bản lĩnh của mình, Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An (sau đây gọi tắt là Trung tâm) đã tập trung cao độ và tâm huyết tổ chức thực hiện, nghiên cứu đề xuất bổ sung Hợp phần Đập phụ, kênh Thông Hồ và kênh tiêu Châu Bình đã ngăn tách địa bàn, dân cư và cơ tầng xã Châu Bình ra khỏi lòng hồ. Giảm được 272 tỷ đồng cho hợp phần đền bù, giải

phóng mặt bằng, di dân, tái định cư của dự án, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội. Hiệu quả của hoạt động phản biện cũng đem lại ý tưởng, nhận thức mới. Phản biện và giám định xã hội tác động tích cực, góp phần phòng ngừa tiêu cực, trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển. Từ ý tưởng, nhận thức đó, nhân có cuộc thi "Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam (VACI) 2013" do Thanh tra Chính phủ phối hợp với Ngân hàng Thế giới tổ chức, Trung tâm đã tham gia cuộc thi với Đề án "Xây dựng cơ chế chính sách, đưa chủ trương phản biện vào cuộc sống ở Nghệ An". Đề án của Trung tâm là một trong số 24 đề án đạt giải cuộc thi. Đề án có nội dung phù hợp với Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Nghệ An "Xây dựng cơ chế Tư vấn, phản biện và giám định xã hội cho các nhiệm vụ, chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm". Vì vậy, được Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo, UBND tỉnh đã giao cho Trung tâm dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Nghệ An. Nhận thức vinh dự và trách nhiệm, Trung tâm đã tập trung cao, tâm huyết, với phương pháp làm việc khoa học, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo, tổ chức hội thảo có sự tham gia của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ngành và cán bộ khoa học trong và ngoài tỉnh để tiếp thu ý kiến, đảm bảo cho dự thảo có chất lượng. Văn bản dự thảo đã phối hợp thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU

của Tỉnh ủy Nghệ An và Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg, ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi xem xét Báo cáo thẩm định của các sở theo quy định ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 18/9/2014, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND Quy định hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa hoc và Kỹ thuật tỉnh Nghệ An. Vấn đề cấp bách hiện nay là nâng cao năng lực của Liên hiệp Hội, các hội thành viên và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu Tư vấn, phản biện và giám định xã hội đi vào nền nếp, có chất lượng của báo cáo phản biện và giám định xã hội, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hiện tại và tương lai.

TS. Trần Công Dương

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và
Kỹ thuật Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 4545/UBND-TH *V/v xây dựng cơ chế phản biện thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy*	*Nghệ An, ngày 05 tháng 7 năm 2013*

Kính gửi: - Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;

- Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An.

Thực hiện Công văn số 2062-CV-TU, ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Tỉnh ủy về việc giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế phản biện thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy (có văn bản kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự thảo; Cơ chế tư vấn phản biện và giám định xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định dự thảo trên, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ nguồn tài trợ của Ban Tổ chức Chương trình Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam. Thời gian thực hiện 12 tháng kể từ ngày được cấp kinh phí.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Thanh Điền

TỈNH ỦY NGHỆ AN **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số: 2090 - CV/TU *TP. Vinh, ngày 24 tháng 6 năm 2013*

V/v xây dựng cơ chế tư vấn phản biện

Kính gửi: - Uỷ ban dân tỉnh;

- Liên hiệp các Hội KH&KT Nghệ An.

Xét đề nghị của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tại Tờ trình số 37/TT-LHH, ngày 17 tháng 6 năm 2013 về việc giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế Tư vấn, phản biện thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Nghệ An. Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và các ngành liên quan triển khai thực hiện theo thẩm quyền.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

(Đã ký)

Trần Công Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4419/UBND-TH
V/v xây dựng cơ chế phản biện thực hiện Đề án 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy

Nghệ An, ngày 01 tháng 7 năm 2013

Kính gửi: - Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2062/CV-TU, ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Tỉnh ủy về việc giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế phản biện thực hiện Đề án 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy (có văn bản kèm theo).

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Huỳnh Thanh Điền có ý kiến như sau:

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản chỉ đạo thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại văn bản trên.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

(Đã ký)

Lê Minh Niệm

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1352/SKHĐT-TĐ *Nghệ An, ngày 04 tháng 7 năm 2013*

V/v giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế tư vấn phản biện và giám định xã hội cho các nhiệm vụ, chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm

Kính gửi: **Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An**

Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 4419/UBND-TH, ngày 01/7/2013 về việc xây dựng cơ chế phản biện thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy; trong đó, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản chỉ đạo thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy; Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 41/CV-LHH, ngày 04/7/2013 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh về việc phối hợp tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế tư vấn phản biện và giám định xã hội thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy.

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

Trong thời gian qua, Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An

thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Nghệ An có Đề án: "Xây dựng cơ chế chính sách đưa chủ trương phản biện vào cuộc sống ở Nghệ An" tham gia cuộc thi "Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam (VACI) 2013" do Thanh tra Chính phủ phối hợp với Ngân hàng Thế giới tổ chức; đã đạt giải và được tài trợ kinh phí để thực hiện Đề án. Nội dung và mục tiêu của Đề án hoàn toàn phù hợp với nội dung Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy và đáp ứng việc xây dựng cơ chế phản biện để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Để có cơ sở cho Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An tiếp tục triển khai, ứng dụng Đề án (đã đạt giải) vào thực tiễn đời sống xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

Giao cho Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi - Hội Thủy lợi Nghệ An, thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Nghệ An (đơn vị đạt giải và được Ban Tổ chức Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam (VACI) năm 2013 tài trợ kinh phí) chuẩn bị dự thảo: Cơ chế tư vấn phản biện và giám định xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An; kèm theo dự thảo quyết định ban hành cơ chế.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về

cơ chế tư vấn phản biện và giám định xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Thời gian thực hiện 12 tháng kể từ khi được Ban tổ chức Chương trình Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam năm 2013 tài trợ kinh phí.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Tiến Trị

Chương I
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TƯ VẤN, PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ KHÁI NIỆM VỀ PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI

1. Tư vấn là hoạt động cung cấp tri thức, kinh nghiệm thông tin, tư liệu cùng với sự phân tích, đánh giá, kiến nghị, trợ giúp cho cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền trong việc đề xuất, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt chương trình đề án, dự án.

2. Phản biện là hoạt động đưa ra nhận xét, phân tích, đánh giá, cung cấp các thông tin, tư liệu, khuyến nghị, nêu chính kiến về sự phù hợp của nội dung chương trình, đề án, dự án với mục tiêu và các điều kiện đã quy định hoặc thực trạng đặt ra.

3. Giám định là hoạt động xác định tính khoa học, tính thực tiễn, tính khả thi của đề án, hoặc một vấn đề, một sự việc cụ thể.

4. Phản biện xã hội là gì?

4.1. Khái niệm về phản biện xã hội

Phản biện xã hội là sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, xã hội - nghề nghiệp, phi Chính phủ và nhân dân (tức là không phải chính quyền, doanh nghiệp và gia đình) vào một chủ trương, chính sách nào đó của Nhà nước các cấp; một chương trình hay đề án phát triển nhằm làm cho chủ trương, chính sách,

chương trình hay đề án đó ngày càng hoàn thiện trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo nên sự đồng thuận nhằm phục vụ tốt hơn những vấn đề quốc tế, dân sinh. Đây cũng chính là mục tiêu của phản biện xã hội.

"Phản biện xã hội" là sự nhận xét, nêu chính kiến đối với các phương án xã hội lớn, có tầm ảnh hưởng rộng do lực lượng nắm quyền lãnh đạo xã hội đưa ra.

Cá nhân có thể tham gia phản biện xã hội cùng với các tổ chức, cá nhân riêng lẻ không thể độc lập tiến hành phản biện xã hội. Ý kiến cá nhân vì vậy không phải phản biện xã hội mà chỉ tạo ra thành một phần của dư luận xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ các quy định của pháp luật, phản biện xã hội là sự tập hợp sức sáng tạo và trí tuệ của cộng đồng, tạo nên sức mạnh nội lực để giải quyết các vấn đề xã hội, là thước đo trình độ phát triển của một xã hội, thể hiện trình độ văn minh của xã hội.

4. 2. Trở ngại về phạm trù tâm lý đối với phản biện xã hội

Sự khó chịu với ai "trái ý", ngay với người trong đơn vị mình, dưới quyền mình. Thông thường mọi người vẫn chuộng "lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau" hơn là "thẳng đường tàu, đau lòng gỗ".

Lo ngại sẽ nảy sinh cái gì đó "bất ổn" ảnh hưởng đến vị thế của cá nhân hay cơ quan quyền lực. Đây cũng là căn bệnh rất tự nhiên, khó tránh khỏi.

Một yếu tố chủ quan là ngại mất thời gian, ngại va chạm.

4.3. Phản biện khoa học là một bộ phận của phản biện xã hội

Phản biện xã hội có cốt lõi và đặt trên cơ sở của phản biện khoa học nhưng rộng hơn phản biện xã hội. Về bản chất, phản biện khoa học là khách quan hay chính xác hơn là trung lập, vì hoàn toàn dựa vào phương pháp luận khoa học mà không phụ thuộc vào bất cứ nhóm lợi ích nào của xã hội. Phản biện xã hội bên cạnh thuộc tính khoa học, dựa trên cơ sở khoa học như một nền tảng còn có thuộc tính xã hội, tức là phản ánh các quan điểm, quyền lợi của các tầng lớp khác nhau trong xã hội. Vì vậy, phản biện xã hội không chỉ dựa trên lập luận khoa học thuần túy. Trong đa số các trường hợp phản biện xã hội còn phản ánh yếu tố quyền lợi chính trị - kinh tế - xã hội. Đây là sự khác biệt hết sức quan trọng. Không nắm vững điểm khác biệt này, sẽ dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc nhìn nhận và tổ chức, xây dựng cơ chế phản biện xã hội. Như vậy, phản biện xã hội luôn có cơ sở là phản biện khoa học, còn phản biện khoa học thì chưa phải là phản biện xã hội. Khi Liên hiệp Hội Nghệ An hoặc các hội thành viên tiến hành phản biện xã hội không chỉ dừng lại ở mức độ phản biện khoa học mà phải phân tích các khía cạnh quyền lợi của các nhóm xã hội tức là quan tâm đến chính trị - bởi lẽ chính trị là khoa học về quyền lợi. Rõ ràng phản biện xã hội có tính bao quát và rộng hơn phản biện khoa học.

Chương II

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VÀTRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- NGUỒN GỐC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 31/10/2008 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", Tỉnh ủy Nghệ An ban hành Đề án số 09-ĐA/TU xây dựng cơ chế Tư vấn, phản biện và giám định xã hội cho các nhiệm vụ, chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

Trên cơ sở đạt giải cuộc thi "Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam (VACI) 2013" với Đề án "Xây dựng cơ chế chính sách, đưa chủ trương phản biện vào cuộc sống ở Nghệ An" có nội dung phù hợp Đề án số 09-ĐA/TU, được Tỉnh ủy chỉ đạo, UBND tỉnh đã giao Trung tâm soạn thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Ngày 14/02/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg về hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Hai văn bản trên đây đã được phối hợp trong quá trình dự thảo, hội thảo, thẩm định trình UBND tỉnh ban hành Quyết định.

Ngày 12/8/2014, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Thanh Điền chủ trì cùng các ngành liên quan làm việc với Liên hiệp Hội Nghệ An để nghe Trung tâm báo cáo phối hợp các ngành liên quan tổ chức biên soạn dự thảo đã kết luận đảm bảo chất lượng và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo trình UBND tỉnh.

Ngày 21/8/2014, bản dự thảo đã được thông qua tại cuộc họp thường kỳ của UBND tỉnh Nghệ An.

Ngày 18/9/2014, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND Quy định hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp Hội Nghệ An thay thế Quyết định số 89/2005/QĐ-UBND, ngày 06/10/2005 của UBND tỉnh Nghệ An "Về hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp Hội Nghệ An".

SO SÁNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 89/2005/QĐ-UBND VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 60/2014/QĐ-UBND

Quyết định số 89/2005/QĐ-UBND

Nguồn gốc Quyết định số 89/2005/QĐ-UBND là triển khai Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Về bố cục Quyết định số 89/2005/QĐ-UBND có 8 điều không có các khoản, mục.

Về nội dung: Quy định Liên hiệp Hôi Nghệ An được thực hiện nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội

đối với các cơ chế chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An khi UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò có nhu cầu Tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Không quy định nguồn tài chính cho hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND

Nguồn gốc Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND là Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Nghệ An và Quyết định số 14/2014/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Về bố cục Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND có 3 chương, 14 điều, có khoản, mục rõ ràng.

Về nội dung: Quy định rõ phạm vi điều chỉnh, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đặc biệt là quy định rõ ràng các chương trình, đề án, dự án cần lấy ý kiến phản biện trước khi phê duyệt hoặc trình cấp trên phê duyệt. Quy định nguồn kinh phí cho hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội từ kinh phí sự nghiệp khoa học hằng năm.

QUY TRÌNH THỰC HIỆN TƯ VẤN, PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI

Mục đích yêu cầu

Hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội phải nhằm mục đích

Giúp các ngành, các cấp có thêm luận cứ khoa học, khách quan để ra quyết định về các chủ trương, chính sách, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các Đề án.

Nâng cao nhận thức của các tổ chức có đề án, và các giới có liên quan về vai trò, tác dụng của khoa học, công nghệ đối với các đề án phát triển của các ngành, các cấp.

Thực hiện Tư vấn, phản biện và giám định xã hội cần đảm bảo yêu cầu

Có tính chuyên môn cao, thể hiện ở:

Cách tiếp cận đúng, phương pháp nghiên cứu thích hợp, biện pháp tổ chức và cơ cấu đội ngũ chuyên gia hợp lý, có năng lực.

Các đề xuất, bình luận, khuyến nghị có nội dung xác đáng dựa trên các cứ liệu đã được kiểm chứng.

Các kết quả được trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, dễ tiếp nhận.

Có tính khách quan, trung thực thể hiện ở:

Việc phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề, đưa ra các nhận xét, kết luận và kiến nghị phải thẳng thắn và dựa trên các luận cứ khoa học, tránh theo cảm tính, vụ lợi hoặc bị các quan hệ ngoài công việc chi phối.

Kiên trì lập trường khoa học, đồng thời có thái độ cầu thị đối với những ý kiến khác biệt.

Có động cơ và thái độ xây dựng:

Trình tự tổ chức thực hiện Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Trình tự tổ chức thực hiện Tư vấn, phản biện và giám định xã hội tùy theo loại chương trình, đề án, dự án (sau đây gọi chung là Đề án) quy định tại Điều 5 Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

(do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao hoặc cơ quan tổ chức đặt yêu cầu Tư vấn, phản biện và giám định xã hội)

Loại đề án nêu trên, quá trình thực hiện được tiến theo trình tự sau đây:

Lập đề cương làm rõ phạm vi, nội dung, kết quả phải đạt được của nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội, thời hạn và các điều kiện đảm bảo. Thông thường đề cương gồm các nội dung như sau:

Bối cảnh của đề án (Sự cần thiết của đề án).

Mục tiêu của Đề án và các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Phạm vi của nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Các kết quả phải đạt được, các tiêu chí để đánh giá kết quả.

Thời gian thực hiện.

Các thông tin sẽ được cung cấp làm căn cứ để phản biện và giám định xã hội và yêu cầu bảo mật (nếu cần thiết).

Các điều kiện do tổ chức đặt yêu cầu phải bảo đảm.

Số công cho mỗi loại chuyên gia thực hiện các thành phần khối lượng công việc để làm căn cứ lập Dự toán kinh phí thực hiện.

Đại diện đơn vị thực hiện Tư vấn, phản biện và giám định xã hội cùng cơ quan, tổ chức đặt yêu cầu thống nhất ký kết một văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa hai bên để làm căn cứ nghiệm thu và thanh lý kết quả thực hiện nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội và chi phí.

Đơn vị thực hiện Tư vấn, phản biện và giám định xã hội trên cơ sở hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận tiến hành:

Nghiên cứu xác định các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ pháp lý.

Nghiên cứu, xác định các loại kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cần có của tổ chức và của chuyên gia thực hiện.

Huy động và lựa chọn nhóm chuyên gia (gồm chủ nhiệm, các chuyên gia, cán bộ giúp việc) trong đó chủ nhiệm (hay trưởng nhóm) phải đáp ứng yêu cầu có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan, có năng lực tổ chức, điều phối tập thể chuyên gia.

Có thời gian để thực hiện.

Lập kế hoạch thực hiện, trong đó xác định rõ các nội dung yêu cầu nghiên cứu, nhiệm vụ của từng chuyên gia, yêu cầu về chất lượng, thời hạn, các biện pháp bổ trợ, theo dõi tiến độ, các biện pháp dự phòng trong trường hợp đột xuất.

Đôn đốc theo dõi thực hiện.

Tổ chức hội nghị, hội thảo bao gồm nội bộ và các ngành, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh để tham gia, góp ý nhằm bổ sung, hoàn thiện kết quả của nhóm nghiên cứu.

Thẩm định xác nhận kết quả nghiên cứu.

Bàn giao kết quả cho cơ quan, tổ chức đặt yêu cầu hoặc giao nhiệm vụ.

Loại đề án quy định tại khoản 3 Điều 5

(Do Liên hiệp Hội và các hội thành viên đề xuất được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền).

Loại đề án nêu trên được tiến hành như sau:

Để thuyết phục cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội cần phải tiến hành:

Nghiên cứu đề án, nắm bắt thông tin dư luận xã hội đối với đề án, phân tích đánh giá các điều kiện, tiêu chuẩn đảm bảo thực hiện mục tiêu của đề án.

Xác định loại vấn đề hoặc toàn bộ đề án cần có ý kiến Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Lập tờ trình gửi đề xuất đến cơ quan có thẩm quyền

Khi được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận và đặt yêu cầu, việc tổ chức thực hiện tiến hành như đối với trường hợp 2 - 1 trên đây.

Ví dụ: Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ Thủy lợi trước khi đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển, UBND tỉnh Nghệ An thực hiện phản biện xã hội hợp phần bồi thường, di dân, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Bản Mồng, tỉnh Nghệ An đã tiến hành:

Xác định mục tiêu xây dựng khu tái định cư phải đảm bảo cam kết của Nhà nước: nơi ở mới bằng hoặc khá hơn nơi

ở cũ (tức là có cơ sở hạ tầng, các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội để có thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần).

Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật để bảo vệ tối đa số hộ dân không phải di dời đã đề xuất giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi cao.

Nghiên cứu tình hình dân sinh, kinh tế, đời sống, các dân tộc trên địa bàn phải di dời, đi thực địa khảo sát, kiểm chứng.

Nghiên cứu điều kiện đảm bảo thực hiện cam kết nơi ở mới so với nơi ở cũ xét thấy điều kiện tiên quyết là đất và nước không đảm bảo, nhất là nước ăn uống, sinh hoạt, sản xuất đều khan hiếm, phải cung cấp bằng giếng khoan hoặc nước mưa. Từ thực trạng như vậy, đi đến kết luận các khu tái định cư đã được phê duyệt không có tính khả thi.

Từ các kết quả nghiên cứu nêu trên làm luận cứ để trình và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh giao nhiệm vụ phản biện.

Một số kinh nghiệm qua thực tế thực hiện thành công nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Tuyển chọn đội ngũ chuyên gia có nhiệt tình, tâm huyết (trong cơ chế thị trường nhưng hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội một hoạt động phi lợi nhuận), có năng lực chuyên môn sâu về lĩnh vực cần phản biện và các lĩnh vực có liên quan, có lối sống lành mạnh và có bản lĩnh.

Viết báo cáo phản biện phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, các khuyến nghị có căn cứ pháp lý, có cơ sở khoa học và xác đáng, các đề xuất có tính khả thi.

Tranh thủ sự ủng hộ của các cấp có thẩm quyền và các ngành, các tổ chức, tuy nhiên tránh sức ép từ bất cứ phía nào để đảm bảo tính độc lập của phản biện xã hội.

Phối hợp chặt chẽ với Đài Phát thanh và Truyền hình, cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đưa tin kịp thời về hiệu quả công tác phản biện góp phần phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng lãng phí.

KẾT LUẬN CHUNG CỦA TÀI LIỆU

Tư vấn, phản biện và giám định xã hội là một lĩnh vực rất cần thiết cho việc xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Nhiệm vụ Tư vấn, phản biện và giám định xã hội được thực hiện theo một quy trình và phương pháp chặt chẽ, có cơ sở khoa học chắc chắn và là sự phân tích đánh giá có chọn lọc dựa trên các chuẩn mực xã hội đúng đắn.

Tài liệu này hướng dẫn về phương pháp và cơ sở lý luận của phản biện xã hội, tạo điều kiện phản biện xã hội phát huy trên thực tế, góp phần thực hiện có hiệu quả Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND, ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh Nghệ An. Chắc chắn, tài liệu sẽ được hoàn thiện hơn qua thực tiễn phản biện xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Nghệ An và các hội thành viên trong thời gian tới.

UBND	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2014/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 18 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, PHẢN BIỆN VÀ GIÁM ĐỊNH XÃ HỘI CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH NGHỆ AN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003,

Căn cứ Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg, ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1813/TTr-SKHĐT, ngày 27/8/2014.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 89/2005/QĐ-UBND,

ngày 06/10/2005 của UBND tỉnh Nghệ An về hoạt động Tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Nghệ An và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Thanh Điền

Phần II

NHỮNG BÀI PHÓNG VIÊN CÁC BÁO VIẾT VỀ ÔNG NGUYỄN QUANG HÒA

THỜ Ơ VỚI PHẢN BIỆN

Trọng Đức

Báo Lao động Nghệ An, số 834, ngày 14/11/2013

Nói về ý nghĩa của hoạt động phản biện đối với các chủ trương, chính sách, dự án, ông Nguyễn Quang Hòa - Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi (Hội Thủy lợi Nghệ An) cho rằng: "Người ta cứ sợ phản biện sẽ nói ra những điều mình không muốn, có thể sẽ phát hiện ra sự bắt tay làm những điều mờ ám. Phản biện như ngọn đèn pha, khi chiếu vào sẽ lộ ra tất cả những cái được, chưa được và sẽ lật tẩy những tiêu cực, tham nhũng.

"Phát hiện sự bắt tay mờ ám"

- Nhiều người có quan niệm hoạt động phản biện là "vạch lá tìm sâu", ông nghĩ sao về điều này?

- Suy nghĩ này cũng là lẽ bình thường bởi ở nước ta khái niệm "phản biện" đang còn rất mới. Mặc dù, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều khẳng định:

Trong quá trình thực hiện các văn bản pháp luật có gì vướng mắc thì phản ánh để bổ sung, sửa đổi, nhưng thực tế khi ai đó nói ngược lại thì bị quy cho là chống chủ trương của Nhà nước. Người ta vẫn ác cảm với người hay "cãi" vì lo ngại sẽ sinh ra một cái gì đó bất ổn làm ảnh hưởng đến vị thế của cá nhân hay cơ quan quyền lực. Chính vì thế phản biện chưa được "sử dụng" một cách phổ biến.

Thực ra, bản chất của phản biện không phải là "vạch lá tìm sâu", mà người thực hiện phải phân tích, mổ xẻ những vấn đề khiếm khuyết tồn tại trong các chương trình, dự án, chính sách trên cơ sở khoa học. Không chỉ thế, người làm phản biện còn đề xuất, khuyến nghị, bổ sung những vấn đề khác để hoàn thiện chính sách. Có thể nói, phản biện là thể hiện không khí dân chủ trong xã hội: Nghĩa là chúng ta làm việc gì cũng minh bạch, liêm chính. Tôi khẳng định: Có phản biện sẽ tập hợp được trí tuệ của đông đảo cán bộ khoa học cũng như nhân dân.

- Vậy phản biện có chống được tiêu cực, tham nhũng, lãng phí?

- Người ta sợ phản biện sẽ nói ra những điều họ muốn giấu, bởi phản biện có thể sẽ phát hiện ra sự bắt tay để làm những điều mờ ám. Tóm lại, phản biện như một ngọn đèn pha mà khi chiếu vào sẽ lộ ra tất cả những điều được và chưa được. Thậm chí, lật tẩy được những tiêu cực, thậm chí có thể là cả tham nhũng, lãng phí.

Làm lợi 252 tỷ đồng

- Đã có dự án nào ông phản biện mà chống được lãng phí?

- Có chứ, điển hình nhất là chúng tôi đã phản biện Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Bản Mồng. Năm 2007, dự án được phê duyệt, dự kiến sẽ gây ngập đến cả huyện Như Xuân (Thanh Hóa). Tuy đã hạ mực nước dâng bình thường từ cao trình 83 xuống cao trình 76,4 nhưng vẫn gây ngập cho 1.400 hộ dân, đặc biệt gần như toàn bộ xã Châu Bình (huyện Quỳ Châu) với 773 hộ dân, 138ha đất lúa 2 vụ cùng với các công trình khác coi như bị xóa sổ. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy có thể cứu được xã Châu Bình. Nhưng khó khăn nhất là chưa ai giao nhiệm vụ để mình thực hiện. Vậy nên, chúng tôi đã lấy tư cách là Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi để trình bày với lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Lúc đầu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lo ngại vì dự án đã được duyệt nhưng chúng tôi đã thuyết phục việc mình làm sẽ giảm được áp lực di dời dân cư và giảm được kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng nên Bộ đã có văn bản gửi UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng ý cho chúng tôi phản biện lại dự án (vì vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng là một hợp phần nằm trong dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho

UBND tỉnh). Dù đã có văn bản của Bộ nhưng việc đón nhận văn bản này của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban đầu còn rất miễn cưỡng. Sau đó, phải mất một quá trình rất dài tranh luận, thuyết phục, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới trình UBND tỉnh đề cương và dự toán để thực hiện việc phản biện. Và cuối cùng, UBND tỉnh đã có quyết định giao nhiệm vụ cho trung tâm chúng tôi thực hiện việc phản biện dự án này.

- Ông căn cứ vào những yếu tố nào để phản biện dự án trên và kết quả như thế nào?

- Bằng các phương pháp có tính khoa học, chúng tôi đã chỉ ra 8 khu tái định cư đã được UBND tỉnh phê duyệt không có tính khả thi do không có nước ăn uống, sinh hoạt; quỹ đất thiếu nên có thể dân sẽ không di đời. Nông dân không thể mua nước để sinh hoạt, sản xuất. Mặt khác, chúng tôi đưa ra phương án đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình để ngăn tách đổi dòng sông Cô Ba đổ vào hồ Bản Mồng. Như thế, sẽ tách được hầu hết xã Châu Bình ra khỏi vùng lòng hồ và họ sẽ không phải di dời nữa. Với phương án này, về mặt xã hội, chúng tôi đã đảm bảo được 585/773 hộ không phải di dời, bảo vệ được các cơ sở hạ tầng như trụ sở UBND xã, trường học các cấp, trạm y tế,... Về mặt kinh tế thì đã giảm được 252 tỷ đồng. Đây chính là minh chứng rất cụ thể về hiệu quả của sự phản biện.

Lấp được lỗ hổng pháp lý

- Vậy theo ông, có nhất thiết tất cả dự án, chủ trương, chính sách đều phải phản biện?

- Cũng không nhất thiết là tất cả các công trình, dự án đều phải phản biện mà chỉ những công trình có quy mô, kỹ thuật phức tạp, công trình có liên quan đến vấn đề nhạy cảm như văn hóa, môi trường, tôn giáo,... Ngoài ra, theo cá nhân tôi, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cơ chế thị trường thì cần quan tâm phản biện ở lĩnh vực cơ chế, chính sách và đầu tư phát triển. Bởi lẽ, vừa qua đã xảy ra tình trạng ban hành văn bản trái pháp luật, có những chính sách phản cảm ngay từ khi ra đời như Bộ Giáo dục và Đào tạo ra thông tư ưu tiên 2 điểm cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng khi thi đại học, hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thịt lợn phải bán hết sau khi giết mổ 8 giờ,... Tuy nhiên, khi phản biện thì phải dựa trên các tiêu thức: tuân thủ pháp luật, có cơ sở khoa học.

Muốn phản biện thành công thì phải có trí tuệ và bản lĩnh. Đây là điều kiện cần và đủ để đảm bảo cho việc phản biện thành công.

- Với hiệu quả thực tế của phản biện, Nhà nước cần có những chính sách gì, thưa ông?

- Ở nước ta, Văn kiện Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2006) đã chỉ rõ vai trò phản biện xã hội

nhưng văn kiện này lại chưa được thể chế hóa để thành cơ chế, chính sách. Ngày 31/01/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg về hoạt động tư vấn, phản biện và giảm định xã hội của Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam, song chưa quy định đối tượng buộc phải có tư vấn phản biện và giám định xã hội. Đây là lỗ hổng pháp lý nên phản biện hay không phụ thuộc vào người, tổ chức có thẩm quyền. Ở Nghệ An, năm 2009, trong nghị quyết của Đảng về việc nâng cao vai trò tri thức thì Tỉnh ủy cũng đã ban hành Đề án số 09 (ngày 23/6//2009) về xây dựng cơ chế tư vấn phản biện và giám định cho các chương trình kinh tế trọng điểm nhưng cuối cùng vẫn chưa ra được cơ chế, chính sách để thực hiện nên đề án vẫn đang nằm trên giấy.

Năm 2005, UBND tỉnh cũng đã ban hành một quyết định đề cập đến cơ chế tư vấn phản biện và giám định xã hội cho Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Nghệ An nhưng quyết định này cũng không quy định các đối tượng buộc phải phản biện nên không thực hiện được. Bởi vì không có một chủ đầu tư nào lại đưa dự án của mình ra phản biện cho nên họ lờ đi được thì càng tốt. Để khắc phục được lỗ hổng này, theo tôi, tỉnh cần ban hành quyết định mới và kèm theo đó là quy định về cơ chế tư vấn phản biện. Trong đó, quy định các đối tượng buộc phải phản biện trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Văn bản này hoàn toàn phù hợp với đề án xây dựng cơ chế, chính sách, đưa chủ trương

phản biện vào cuộc sống của Trung tâm chúng tôi. Đề án này đã lấp được tất cả các lỗ hổng như đã đề cập ở trên. Đây cũng là đề án đạt giải cuộc thi Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam (VACT, 2013) và đã được Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo, UBND tỉnh giao cho chúng tôi soạn thảo; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các sở, ngành liên quan thẩm định trình UBND tỉnh ban hành. Đây có thể là sự đột phá về lĩnh vực phòng, chống lãng phí, tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

PHÉP NHIỆM MÀU CHO MỘT VÙNG QUÊ

Xuân Hoàng

(*Báo Nghệ An, số 9084, ngày 1/7/2012)*

Cách đây một năm, người dân xã Châu Bình ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng đau đáu lo nghĩ không biết đi đâu, về đâu? Bởi chỉ không lâu nữa, họ phải rời bỏ nơi "chôn nhau cắt rốn" với điều kiện thuận lợi, đi đến vùng tái định cư mới. Ông Trần Văn Tảo - Bí thư Chi bộ bản 32, xã Châu Bình, xúc động: "Khi Nhà nước có quyết định đầu tư xây dựng hồ chứa nước bản Mồng thì theo thiết kế cao trình của mực nước, dân bản chúng tôi đều ngập trong nước. Khi đó, ai cũng lo mất quê hương. Toàn bộ 200 hộ, 700 nhân khẩu không ổn định tư tưởng, không muốn làm một việc gì nữa, suốt ngày chỉ nghĩ đến việc mình sẽ đi đâu, về đâu? Không biết chỗ ở mới sẽ như thế nào? Đầu năm 2012, một tin vui đến với bà con. Một nhóm các nhà khoa học đã nghiên cứu đề tài giữ nguyên bản làng. Nghe tin đó, trong lòng ai cũng phấn khởi. Nhiều gia đình đã an tâm tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế, xây dựng và sửa sang nhà cửa. Tuy nhiên, theo thiết kế của công trình, trong bản vẫn phải di chuyển 23 gia đình đến nơi ở mới do hệ thống

mương tiêu chạy qua một góc của bản. Còn ở bản Quỳnh 2, Trưởng bản Hồ Duy Hào trút bầu tâm sự: "Cả bản có 67 hộ, 947 nhân khẩu, trước đây cơ quan chức năng thông báo phải di dời 1/2 số hộ của bản. Trước cảnh người ở người đi, bà con dân bản quyến luyến, xao động vì tình cảm anh em, họ hàng phải xa cách. Nhưng sau khi có đề tài khoa học - công nghệ sáng tạo, bản Quỳnh 2 chỉ mất một ít diện tích đất sản xuất, số hộ phải di dời cũng rất ít. Nay bà con ai cũng vui vẻ, yên tâm lao động, cuộc sống như được hồi sinh trở lại". Bà Kim Thị Giang, dân tộc Thái ở bản Quỳnh 2 bộc bạch: "Bà con dân tộc Thái chúng tôi có tập quán sinh sống và sản xuất nơi có điều kiện thuận lợi về nước sinh hoạt, nước tưới, nếu phải di dời đến nơi khó khăn thì cuộc sống sẽ đảo lộn. Khi biết bản mình không phải di chuyển nữa, ai cũng phấn khởi. Tường bao, cánh cổng, sân vườn đã được sửa sang kín đáo, trong chuồng lợn, gà thành đàn...".

Riêng bản Bình Quang nằm ở trung tâm lòng hồ là bất khả kháng, phải di dời 100% số hộ. Ông Vũ Duy Hưng - Bí thư Chi bộ băn khoăn: "Tâm lý của bà con dân bản là không muốn đi. Đến nơi ở mới, bà con lo lắm, nhất là đến thời điểm này vẫn chưa biết địa điểm tái định cư ở đâu? Thời gian qua, chính quyền địa phương cùng với dân bản cũng đã đi khảo sát một số nơi, do không có nguồn nước nên không quyết được!".

Ông Lang Văn Chiến - Bí thư Huyện ủy Quỳ Châu cho biết: "Trong khi đang loay hoay tìm nơi ở mới cho bà con, nhóm các nhà khoa học thuộc Hội Thủy lợi Nghệ An

do ông Nguyễn Quang Hòa làm trưởng nhóm đặt vấn đề với địa phương phối hợp để thực hiện đề tài, mục đích là bằng mọi cách không để "xóa sổ" xã Châu Bình. Sau một thời gian nghiên cứu, nhóm các nhà khoa học đã có đề tài sáng tạo, được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, khi đó địa phương mới thở phào nhẹ nhõm...".

Niềm vui trước xã mình tránh được nguy cơ bị xóa sổ trong nay mai, ông Kim Văn Duyên - Chủ tịch UBND xã Châu Bình cho biết: "Địa phương chúng tôi là cửa ngõ của huyện Quỳ Châu, nơi có điều kiện thuận lợi nhất, nhì huyện về phát triển kinh tế - xã hội. Thế nhưng khi biết chủ trương xây dựng "Hồ chứa nước Bản Mồng", phần lớn diện tích đất của xã chìm trong nước. Toàn bộ cơ sở hạ tầng như: trường học, trạm y tế, hệ thống điện lưới quốc gia, trụ sở làm việc của xã, gần 4km đường 48 và 250ha đất sản xuất,... và nhiều mô hình làm kinh tế giỏi bị "xóa sổ". Cùng với đó là 773 hộ, 3.254 nhân khẩu phải di dời đến nơi ở mới. Thế rồi, Đề tài khoa học - công nghệ sáng tạo về "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình do nhóm tác giả thuộc Hội Thủy lợi (Sở Khoa học và Công nghệ) do kỹ sư thủy lợi Nguyễn Quang Hòa làm chủ đề tài thành công, được coi như "phép nhiệm màu" cho vùng đất trù mật này".

Tuy nhiên, vẫn còn 188 hộ ở một số bản nằm trong vùng bất khả kháng buộc phải di dời, chính quyền địa phương luôn động viên nhân dân ổn định tư tưởng, sẵn sàng chuyển

đi đến vùng tái định cư mới. Ông Duyên cho biết thêm: "Mới rồi, nhóm tác giả của đề tài khoa học - công nghệ sáng tạo này có buổi giao lưu với nhân dân xã Châu Bình, bà con kéo nhau đến nghe và cảm ơn nhiều lắm".

Kỹ sư thủy lợi Nguyễn Quang Hòa xúc động nói: "Cả cuộc đời cống hiến trong ngành Thủy lợi, bản thân đã có 3 đề tài khoa học được tỉnh công nhận đề tài khoa học - công nghệ sáng tạo. Đây là đề tài thứ 4 (sau khi nghỉ hưu) được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, UBND tỉnh tặng Bằng khen. Đề tài đã đoạt giải Đặc biệt về sáng tạo khoa học - công nghệ Nghệ An năm 2011 và đoạt giải Ba, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 11 (2010 - 2011). Có thể nói, đó là thành quả lớn trong đời. Sự khác biệt của đề tài này so với các đề tài khoa học trước đây là cần phải có trí tuệ và bản lĩnh cao, bởi lúc đó, Dự án "Hồ chứa nước Bản Mồng" đã được Nhà nước chính thức phê duyệt, mọi việc đã được cơ quan chức năng gấp rút thực hiện. Suốt 2 năm, cả nhóm âm thầm mày mò nghiên cứu để cho ra những minh chứng mang tính phản biện khoa học cao. Có 2 động lực khiến chúng tôi phải dồn hết tâm huyết, đó là Châu Bình, vùng đất trù phú, hơn nữa nếu để người dân di dời đến nơi tái định cư thì cuộc sống của họ sẽ khó khăn. Có một động lực rất quan trọng nữa là lúc đó các đồng chí lãnh đạo tỉnh rất tâm đắc và ủng hộ chúng tôi trong suốt 2 năm thực hiện đề tài.

LÀM LỢI HÀNG TRĂM TỶ ĐỒNG CHO NHÀ NƯỚC

Lê Hoa - Hằng Nga

(Báo Công an Nghệ An, số 1482, ngày 22/2/2012)

Dự án công trình thủy lợi hồ chứa nước Bản Mồng, đập chính được xây dựng bằng bê tông trọng lực chặn sông Hiếu tại xã Yên Hợp (Quỳ Hợp). Dự kiến sẽ phải di dời 3.888 hộ gia đình ở Quỳ Châu, Quỳ Hợp và một phần của huyện Như Xuân - Thanh Hóa. Đặc biệt, xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu do nằm ở ven hồ chứa nước Bản Mồng, nên nếu để nguyên thiết kế cũ thì phải di dời 12 bản, 773 hộ gia đình với 3.452 nhân khẩu và gần 4km quốc lộ 48 bị ngập sâu. Chưa kể còn có hơn 140ha đất nông nghiệp, đất thổ cư cùng nhiều công trình dân sinh kinh tế có giá trị nhiều tỷ đồng có thể bị hủy bỏ. Theo số liệu của cơ quan tư vấn trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nếu phải di dời xã Châu Bình thì tổng kinh phí đền bù di dân tái định cư là 899 tỷ đồng, vấn đề đặc biệt quan trọng là, xã Châu Bình không những bị thiệt hại nặng nề mà việc

di dân cũng còn gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nguồn nước ăn uống, sinh hoạt.

Từ trăn trở đó, ông Nguyễn Quang Hòa - nguyên Chi Cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An, Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi đã cùng cộng sự dày công nghiên cứu và tìm ra phương án tối ưu "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình" - công trình phản biện xã hội thuộc công trình xây dựng hồ chứa nước Bản Mồng, được các nhà khoa học đánh giá là độc đáo. Theo phương án của ông Hòa, thay vì dẫn nước từ hạ lưu sông Cô Ba về sau đập chính, chỉ cần đào 2km kênh phụ dẫn nước sông Cô Ba đổ vào chính lòng hồ Bản Mồng và cho đắp thêm 2 đập phụ. Phương án này không cần di dời dân, bảo vệ được địa giới hành chính, giảm tối đa thiệt hại trên nguyên tắc tôn trọng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của dự án đã được phê duyệt. Bên cạnh đó, kênh đào mới còn có thêm chức năng bổ sung nguồn nước vào hồ chứa Bản Mồng mùa khô hạn và tiêu lũ vào mùa mưa cho Châu Bình và các khu vực phụ cận.

Để tìm ra được phương án "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình", ông Nguyễn Quang Hòa cùng cộng sự đã trải qua một hành trình gian nan, thử thách để đảm bảo việc phản biện và giám định xã hội được thành công. Đã biết bao đêm thức trắng, ông trăn trở, để rồi đem ý tưởng đó bàn với các cộng sự, lập luận án chi tiết, trình lên cấp thẩm quyền xem xét. Và, ông và các cộng sự đã làm

tờ trình xin được "Lập phản biện xã hội Dự án công trình thủy lợi hồ chứa nước Bản Mồng" để trình lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cấp có thẩm quyền, ông Hòa cho biết: Việc "phản biện" để cứu dân không phải di dời khỏi quê hương đến vùng tái định cư sẽ là một hành trình đầy gian nan. Bởi dự án đã có quyết định phê duyệt thi công, ngay thời điểm triển khai tìm giải pháp phản biện, lãnh đạo ngành cũng rất ái ngại. Một phần sợ chậm tiến độ thi công, hoặc lo lắng có di dời dân được không, hay sẽ làm chậm trễ thêm việc xây dựng.

Thời gian này, còn có những đơn vị đã gửi công văn tới các cấp, các bộ, ngành rằng: "Nội dung phản biện là đưa ra những tham vọng quá lớn, vượt quá khả năng của một Hội hoạt động có tính chất xã hội với trang bị phương tiện kỹ thuật không có gì bảo đảm...".

Ông Hòa phát hiện ra các đơn vị làm nhiệm vụ thăm dò, khảo sát nguồn nước ngầm đã đưa ra những số liệu nguồn nước ngầm tại các khu tái định cư là không đủ cơ sở tin cậy. Sau đó, ông xin Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phản biện. Điều đáng mừng là qua nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, ngày 26/5/2009, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Quyết định số 1478/QĐĐ-BNN-XD phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước bản Mồng tỉnh Nghệ An. Như vậy, Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi Nghệ An được giao nhiệm vụ phản biện công trình

"Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình". Và công trình này được lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nghệ An đánh giá cao. Hiệu quả to lớn của công trình là không phải di dời 600 hộ dân của 12 bản thuộc xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu; không phải di dời các công trình công cộng của xã; bảo vệ gần 140ha đất nông nghiệp, đất thổ cư; không gây ngập gần 4km quốc lộ 48. Theo ông Nguyễn Quang Hòa cho biết: "Trường hợp bất khả kháng, Nhà nước phải bỏ ra 899 tỷ đồng để đền bù di dời; kinh phí xây dựng các công trình bảo vệ hết 825,051 tỷ đồng, trong đó dự phòng cho phát sinh là 107,615 tỷ đồng. Nếu không sử dụng kinh phí dự phòng thì tiết kiệm được 181,564 tỷ đồng".

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Hoàng Văn Thắng đã có Kết luận số 3772/TB- BNN-VP, ngày 25/7/2011 về công trình "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình" như sau: "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình là kết quả nghiên cứu tổng hợp các phương án tối ưu, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao so với phương án bồi thường di dân và hỗ trợ tái định cư". Công trình đã đạt giải Đặc biệt - Giải thưởng Sáng tạo khoa học - công nghệ Nghệ An năm 2010 và chuẩn bị nhận giải Ba - Giải thưởng Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 11 - được tổ chức vào ngày 07/5/2012.

THỦY LỢI TRƯỚC HẾT LÀ VÌ DÂN

Châu Lan - Văn Trường

(Báo Nghệ An, số 8951, ngày 19/02/2012)

Xin được phản biện công trình Dự án xây dựng hồ chứa nước thủy lợi Bản Mồng dự kiến cả vùng đất trù mật xã Châu Bình và một phần xã Châu Hội - Quỳ Châu sẽ ngập chìm trong nước hồ. Theo dự án được phê duyệt ban đầu, với cao trình 83 - 81,5m sẽ gây ngập úng và phải di dời 3.000 hộ dân Quỳ Châu, Quỳ Hợp và huyện Như Xuân - Thanh Hóa. Phương án thứ hai được cân nhắc với cao trình 76,4m vẫn bị ngập 1.400 hộ dân ở Châu Bình - Quỳ Châu. Riêng xã Châu Bình di dời 773 hộ dân, 3.452 nhân khẩu (12 bản làng). Kéo theo diện tích đất lúa 215ha, cây lâu năm, trụ sở UBND xã, trạm xá, các trường học, 18 trạm biến áp,...

Trước tình hình Dự án thủy lợi Bản Mồng có nguy cơ không triển khai được, kỹ sư Nguyễn Quang Hòa (lúc đó đã nghỉ hưu), là Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi Nghệ An đã trăn trở

nhiều đêm không ngủ được. Những câu hỏi xoáy trong đầu ông: Vì sao, vì sao? Làm sao để bà con không phải di dời nhiều đến thế? Làm sao để những bản làng trù mật, những cánh đồng trù phú ở Châu Bình không biến mất. Hà Tĩnh đã có công trình Thủy điện Ngàn Trươi, Thanh Hóa đã có công trình Thủy lợi - Thủy điện Cửa Đạt, Nghệ An tại sao một dự án lớn đã được đầu tư lại để nguồn vốn chết. Trăn trở, suy nghĩ nhiều đêm, bắt xe lên với Châu Bình, Quỳ Châu, đến sông Cô Ba, đến các khu tái định cư Bắc Hạ Sơn, Chùa Trẻ (Minh Hợp - Quỳ Hợp), Đồng Nắp, Giai Xuân,... không biết bao nhiêu lần, lặn lội trong dân, hỏi suy nghĩ, ý kiến bà con, ông đã lặng lẽ không dám nói ra với họ mình đến với tư cách gì...

Vốn là một kỹ sư thủy lợi, nguyên là Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An, gắn bó với miền núi từ lâu, ông hiểu thủy lợi là xóa đói, giảm nghèo, quyết định năng suất, hiệu quả và đời sống của bà con làm nông nghiệp. Từng theo nguyên Bí thư Tỉnh ủy Trương Đình Tuyển đi kiểm tra thực tế, phát động phong trào ra quân làm thủy lợi, tham mưu các chính sách về thủy lợi, tham mưu cho Tỉnh ủy ra được Nghị quyết số 02 về thủy lợi cho cây màu, nuôi trồng thủy sản, kiên cố hóa kênh mương, ông hiểu thấu mong muốn của người dân, am hiểu địa hình, địa chất miền núi, cùng ăn, cùng ở với bà con hàng tuần liền, người kỹ sư với tuổi đời trên 60 xuân xanh ấy đã phát hiện ra những bất cập, những lãng phí của dự án và đã gửi công văn ra

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin được phản biện dự án!

Bên chén trà đậm đà đầu xuân, nhà khoa học Nguyễn Quang Hòa mang ra cho chúng tôi xem gần 50 bài báo của ông đã được đăng trên Báo Nghệ An, được ông gói ghém cẩn thận về các vấn đề thủy lợi: Nào là: "Lo nước cho sản xuất và đời sống", "Chương trình kiên cố hóa kênh mương ở Nghệ An", "Những vấn đề đặt ra khi giảm mức thu thủy lợi phí", "Giải pháp nào để giúp doanh nghiệp thủy nông hoạt động hiệu quả", "Báo cáo anh tôi đã giao rồi", "Chính sách tỉnh nằm trong "ngăn kéo" huyện",... Những bài báo được ông nâng niu, gìn giữ qua hàng chục năm cùng với tấm thẻ "Cộng tác viên Báo Nghệ An" cho thấy niềm say mê nghiên cứu, phản án những bất cập từ cơ sở, gắn bó với thủy lợi, với đời sống,... cũng là cội nguồn cho những nghiên cứu khoa học của ông sau này.

... Trở lại với câu chuyện "Bản Mồng" - công trình đã mang lại cho ông và các cộng sự niềm vinh dự lớn lao, ông cho biết: Sau khi gửi công văn lên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin được phản biện công trình, ông đã không được trả lời.

Ông gửi công văn ra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhiều lần, cuối cùng đã được chấp nhận. Niềm vui được phản biện, được làm khoa học đã khiến ông lao vào công việc quên ăn, quên ngủ. Ông biết cũng không phải mình ông hiểu được cái bất cập đó, nhưng họ ngại nói ra. Họ sợ dự án

chậm tiến độ, sợ bị rút vốn. "Một số người cũng khuyên can rằng dự án đang triển khai, ông Hòa đừng "thọc gậy bánh xe nữa", nhưng tôi đã kiên định. Không chỉ để làm lợi tiền của cho Nhà nước mà phải cứu cuộc sống hàng ngàn con người...".

Ông Hòa trầm ngâm: Biết rằng Dự án hồ thủy lợi, thủy điện Bản Mồng sẽ làm lợi cho đất nước, cấp nước tưới cho 18.871ha, cấp nước cho sông Cả về mùa kiệt, phát điện với công suất lắp máy 42MW,... Nhưng vùng Châu Bình trù mật ở Quỳ Châu và một số địa điểm khác sẽ bị chìm dưới lòng hồ, người dân phải dời đến những nơi không có nước sinh hoạt, cuộc sống vô cùng khó khăn. Được Bộ cho phép phản biện, ông đã nghiên cứu hồ sơ, dự án, thu thập số liệu liên quan để đánh giá tác động của dự án, nghiên cứu các quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách của Nhà nước, của địa phương có liên quan đến công tác đền bù giải phóng mặt bằng, di dời dân, tái định cư, phong tục tập quán, tôn giáo, dòng họ, bản sắc văn hóa, điều kiện tự nhiên, hạ tầng kinh tế của vùng di dân và vùng tái định cư, những giải pháp tổ chức di dân tối ưu...

Ông Nguyễn Quang Hòa và các cộng sự phản biện công trình trên 3 lĩnh vực: Phản biện về bố trí cơ cấu cây trồng theo điều kiện thổ nhưỡng của khu tưới; nghiên cứu sự phù hợp về quy mô, vị trí và các thông số kỹ thuật hệ thống trạm bơm; nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả của công trình, nâng cao diện tích tự chảy của khu tưới.

Phương án hạ thấp mực nước chết, tăng dung tích hiệu quả. Tiếp tục phản biện về tác động đến môi trường, xã hội của địa phương.

Những tháng ngày vất vả cực nhọc, ông và các cộng sự phải dãi dầm mưa nắng, luồn rừng đi dọc dòng sông Cô Ba để khảo sát, nghiên cứu địa hình. Cuối cùng, với ý chí quyết tâm, ông Hòa và các cộng sự đã thành công với giải pháp "Công trình hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình", ông chỉ tay lên tấm bản đồ: "Bình thường sông Cô Ba chảy ra sông Hiếu, khi đắp đập bản Mồng nước dềnh sông Cô Ba gây ngập bản Mồng. Cơ quan tư vấn ban đầu đào kênh 13km từ sông Cô Ba về phía sau đập bản Mồng. Phương án của chúng tôi là chỉ cần đào 2km kênh phụ rộng chừng 50m từ bản Ba Hai sang bản Hòa Bình dẫn nước từ lưu vực sông Cô Ba đổ vào hồ chứa nước bản Mồng. Bên cạnh đó, cho đắp thêm 3 đập phụ để bảo vệ khu vực Châu Bình. Phương án này còn bổ sung nguồn nước vào hồ chứa bản Mồng vào mùa khô hạn, lại vừa tiêu lũ vào mùa mưa cho cả xã Châu Bình".

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Hoàng Văn Thắng đã có Kết luận số 3772/TB-BNN-VP, ngày 25/7/2011 về "Công trình hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình" như sau: "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình là kết quả nghiên cứu tổng hợp các phương án tối ưu, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao so với phương án bồi thường di dân và hỗ trợ tái định cư".

Công trình trên của ông Nguyễn Quang Hòa và các cộng sự đạt giải Đặc biệt - Giải thưởng Sáng tạo khoa học - công nghệ Nghệ An năm 2010; giải Ba, Giải thưởng Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ II (trao giải tháng 5/2012). Công trình không phải di dời trên 700 hộ dân, làm lợi cho Nhà nước trên 100 tỷ đồng.

Người con của bản làng

Chúng tôi ngược rừng lên với Châu Bình - Quỳ Châu cùng với ông Nguyễn Quang Hòa. Vừa xuống xe ngồi nghỉ chân ở quán nước đầu bản Bình Ba, bà con đã vây lấy ông Hòa. Bà Kim Thị Quang đã gần 90 tuổi nghe tin ông Hòa về bản cảm động nói: "Dân bản đã coi ông Hòa như người con của bản làng rồi". Chị Phan Thị Nga, nhà ở sát quốc lộ 48 kể: "Ý định của gia đình là sẽ đầu tư xây dựng nhà cửa, hàng quán nhưng nghe tin phải di dời nên chán nản lắm chẳng muốn làm ăn gì nữa. Bỗng dưng, ông Hòa lại cứu được Châu Bình thoát khỏi di dời, chúng tôi biết ơn lắm. Gia đình giờ yên tâm làm ăn, năm nay sẽ đầu tư xây dựng đại lý để bán hàng tạp hóa". Chị Quang Thị Xoan đang cấy lúa ngoài đồng cũng về gặp ông Hòa. Chị Xoan nói, đến nơi ở mới Nghĩa Minh - Nghĩa Đàn không có nước, không có ruộng người dân biết sống ra sao? Giờ được ở lại quê cũ làm ruộng, gần gũi người thân, tình làng nghĩa xóm thấy hạnh phúc lắm", ở bản Bình Ba tôi thấy ai cũng quý mến ông.

Ông Kim Văn Duyên - Chủ tịch UBND xã Châu Bình, cho biết: Trong năm 2009, có thông báo trên 600 hộ dân sẽ phải di dời. Tâm lý người dân rất hoang mang, chán nản,

nhiều dự án công trình đầu tư cơ sở hạ tầng sắp triển khai xây dựng phải dừng lại. Theo lời hứa của dự án là bà con đến nơi ở mới sẽ tốt hơn nơi ở cũ, nhưng bà con không tin. Vì Châu Bình là xã trù phú của Quỳ Châu, có nhiều lúa nước và trên 500ha mía. Tuy nhiên, sau khi ông Nguyễn Quang Hòa phản biện thành công, Châu Bình không phải di dời, bà con thở phào nhẹ nhõm. Bây giờ, ai cũng yên tâm để làm ăn, xã tập trung phát triển kinh tế. Trong năm 2012 khởi động lại các dự án xây dựng đường giao thông, xây dựng công trình nước sạch...

Kỹ sư Nguyễn Quang Hòa mê mải ngắm cánh đồng lúa vừa được bà con cấy dắm. Niềm hạnh phúc như không thể nói lên lời.

Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi Nghệ An do kỹ sư Nguyễn Quang Hòa làm Giám đốc từng thành công trong việc nghiên cứu lập quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước sông Sào. Năm 2009, Trung tâm lại được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định giao lập quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Vực Mấu - Quỳnh Lưu được tính theo chế độ lũ cực hạn PME (lũ cực lớn). Kết hợp với các trang thiết bị hiện đại như điều khiển vận hành điều tiết nước tự động, cùng với máy đo mira để tính mực nước hồ chứa Vực Mấu. Nguyễn Quang Hòa từng có nhiều sáng kiến khoa học đã được áp dụng có hiệu quả, như: Công nghệ tự tưới cà phê ở Đông Hiếu - Nghĩa Đàn, tưới cà phê ở Thanh Mai - Thanh Chương, đạt giải Nhất Sáng tạo khoa học - công nghệ Nghệ An năm 2005.

ÔNG HÒA PHẢN BIỆN

Phạm Việt Thắng

(Báo Lao động Nghệ An, số 738, ngày 12/1/2012)

Thế là cả vùng đất Châu Bình, nơi nổi tiếng với những đồi đá đỏ sẽ ngập chìm trong nước lũ. Hàng trăm hộ dân phải di dời, bao nhiêu công trình, nhất là cái tên, vùng đất Châu Bình sẽ bị xóa sổ. Đó là thực trạng của việc xây dựng hồ chứa nước thủy lợi Bản Mồng ở huyện Quỳ Hợp. Có một con người đã cản ngăn được việc đó. Ông chẳng phải là dị nhân, cũng không có tài hô phong hoán vũ mà chỉ là nghiên cứu khoa học, thấy trái thì phải nói. Nói bằng luận chứng, nói bằng công trình nghiên cứu và cái việc nói của ông đã làm lợi đến hàng trăm tỷ đồng...

Lập hội để phản biện

Về hưu, ông Nguyễn Quang Hòa, nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An được anh em bầu làm Phó Chủ tịch Hội Thủy lợi. Nhậm chức, ông cam kết,

Hội phải làm khoa học, phải có chức năng phản biện, phải làm kinh tế, Hội không được đi xin kinh phí để hoạt động... Nói là làm, năm 2006, ông đề xuất thành lập Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi do ông làm Giám đốc. Ông nói: "Hội không phải chỉ là nơi các cụ hưu trí gặp gỡ nhau, mà các thành viên phải tiếp tục cống hiến, phải làm ra tiền không những để hoạt động mà còn để đỡ đần cho gia đình, làm gương cho lớp trẻ". Vừa thành lập, trung tâm đã chủ động nghiên cứu lập quy trình vận hành hồ chứa nước sông Sào (Nghệ An). Công trình đầu tay của Trung tâm được Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Văn Thuật hết sức ủng hộ. Trước đây, các hồ chứa nước không có quy trình vận hành, mỗi lần tích, xả nước là phải xin ý kiến của lãnh đạo, vừa mất thời gian, vừa thiếu khoa học...

Tiếng lành đồn xa, Trung tâm lại được giao lập quy trình vận hành hồ Vực Mấu (Quỳnh Lưu) theo tiêu chuẩn lũ cực hạn (PMF), khoảng 1.000 năm mới xuất hiện một lần. Đã từng có những sự cố ở việc xả lũ khi chưa có quy trình vận hành ở đây. Năm đó hạn hán, sợ không đủ nước tưới, huyện Quỳnh Lưu đề nghị Ban quản lý hồ Vực Mấu không xả lũ. Nhưng rồi, lũ về lại buộc phải xả cấp tập làm cho phần lớn đồng bằng huyện bị ngập nặng. Quy trình vận hành hồ chứa nước ra đời đã chấm dứt tình trạng ngập lụt, tài sản của nhân dân.

Đoạn ông kể về việc phản biện nghị định của Chính phủ mới kỳ công làm sao. Năm 2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 154 về việc miễn thủy lợi phí cho nông dân. Lúc đầu, đang thí điểm, ai cũng tưởng mình là đối tượng được miễn giảm. Tôi đã thấy rất rõ nghị định có sự bất cập, không sát thực tế. Và nguy cơ khi nó được chính thức thực hiện sẽ gây nên sự phản ứng trong nhân dân. Bởi, nghị định quy định nông dân được hưởng lợi từ những công trình thủy lợi đầu tư bằng ngân sách Nhà nước. "Nguy rồi, nếu vậy thì những công trình được đầu tư ngoài ngân sách thì nông dân không được hưởng lợi, mà số này chiếm đến 50%. Mất công bằng là ở đây, dân phản ứng là chỗ này. Không lẽ cùng một xã, một thôn, nhà nào sử dụng công trình thủy lợi của Nhà nước đầu tư thì được miễn nhà nào sử dụng công trình khác thì không" - giọng ông Hòa rõ to, vẫn y như ngày nào. Rồi ông chỉ vào chiếc xe gắn máy, làm ví dụ luôn: "Tôi có hai đứa con. Một đứa tôi mua xe cho, rồi còn cho cả tiền xăng. Vậy đứa còn lại thì sao, không lẽ không được gì cả?".

Thế là ông khăn gói lên đường, về nhiều miền quê để lắng nghe tâm tư của bà con, khảo sát một số công trình thủy lợi, kể cả từ ngân sách và từ nguồn dân đóng góp. Cuối cùng, ông đã viết thư gửi Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Bộ trưởng Cao Đức Phát đề nghị sửa nghị định. Đúng một năm sau, Chính phủ ban hành Nghị định số 115 miễn phí thủy lợi 100% cho nông dân, thay thế Nghị định số 154 rất bất cập.

Ông thành thật: "Chưa chắc đã phải từ ý kiến của tôi mà họ sửa, nhưng tôi rất vui vì đã làm được việc tốt, việc đúng, việc có lợi cho dân".

"Thành hoàng sống" của xã Châu Bình

Ông Hòa về xã Châu Bình chỉ thiếu mỗi trống giong cờ mở, còn thì trâu, bò, lợn, gà, rượu ngon đủ loại... có tất. Người dân Châu Bình đón ông là đón ân nhân của họ. Bà con nói, ông Hòa đã tái sinh ra Châu Bình. Không có ông Hòa thì không còn Châu Bình.

Tôi đem nguyên văn lời bà con nói với ông, ông chỉ cười: "Tôi tiếc quá, nếu vùng đất mật phú ấy bị chìm nghỉm trong nước lũ. Rồi bao nhiêu công trình như này để đến những nơi khác. Tại sao mình không có cách gì, mang danh là nhà khoa học mà lại nỡ đứng nhìn vậy sao". Câu chuyện phản biện của ông Hòa và cộng sự nhằm cứu lấy Châu Bình dài lắm, dài những 4 năm trời và qua không biết bao nhiêu cửa ải, từ thôn bản lên đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Từ năm 2007, Nghệ An chuẩn bị triển khai xây dựng hồ chứa nước thủy lợi Bản Mồng. Một năm sau ngày giong trống, các hồ sơ pháp lý vẫn chưa hoàn thành được, nhà thầu thì chậm tiến độ. Nguyên nhân rất giản đơn: Vướng mắc giải phóng mặt bằng. Dự án hồ thủy lợi Bản Mồng dự kiến gây ngập đến cả huyện Như Xuân - Thanh Hóa, và tuy đã hạ xuống cao trình 76.4m nhưng vẫn gây ngập cho 1.400 hộ dân. Đặc biệt, gần như toàn bộ xã Châu Bình với

600 hộ dân, 138ha đất cùng với các công trình khác coi như sẽ bị xóa sổ. Trong lúc đó, Châu Bình là một vùng đất trù phú bậc nhất ở miền Tây xứ Nghệ. Giữ Châu Bình không những giữ cho Nhà nước gần 1.000 tỷ đồng di dân tái định cư mà quan trọng hơn là giữ được 12 bản làng tiêu biểu của các dân tộc anh em.

Hình ảnh ông Hòa trằn mình trên tấm bản đồ giảng giải cho tôi về lợi ích của việc giữ lấy Châu Bình chẳng khác nào hình ảnh anh chủ nhiệm trong thơ Hoàng Trung Thông. Và, bức tranh hàng trăm tỷ đồng ấy đã được ông vẽ thành hiện thực. Ông kể: Anh em chúng tôi phải tự bỏ tiền đi khảo sát, lấy số liệu, lấy ý kiến bà con,... rồi mới dám làm tờ trình gửi Bộ xin được phản biện. Khi Thứ trưởng đã có ý kiến ủng hộ vẫn còn có người khó chịu với chúng tôi: "Dự án đã duyệt rồi, các bác đừng xới xáo lên nữa". Tôi đã phải phản bác bằng hai câu hỏi: Thứ nhất, các anh đưa dân đến nơi tái định cư mà nước uống không có thì làm sao dân sống được, tôi chưa nói nước sản xuất? Nông dân không thể mua nước để rửa cày bừa. Thứ hai, nếu có phương án tối ưu, ít tốn kém mà bảo vệ được Châu Bình thì tại sao không thực hiện? Rồi thì bao nhiêu cuộc hội thảo, báo cáo, thuyết trình để được phản biện, được công nhận...

Xã Châu Bình nằm ven hồ chứa nước Bản Mồng. Nếu cứ đề nguyên thiết kế cũ thì phải di dời gần như toàn xã, không những thế mà quốc lộ 48 cũng phải ngập chìm gần 4km. Công trình "Hợp phần đập phụ cận và kênh tiêu Châu Bình"

của ông Hòa và cộng sự chính là nhằm bảo vệ Châu Bình và cứu 4km quốc lộ 48 khỏi ngập. Trước đó, cũng đã có đơn vị đứng ra giải cứu cho Châu Bình. Phương án của họ bất thành, vì họ mở tuyến kênh đào những 13km để đổ nước từ lưu vực sông Cô Ba, nơi gây ngập cho Châu Bình về phía sau đập chính Bản Mồng. Kênh đào này không những không tiêu lũ cho Châu Bình mà vô tình trở thành nơi nhận thêm nước từ các hạ lưu của các con sông khác.

Nhóm của ông Hòa đã nghiên cứu ra một phương án mà các nhà khoa học đều đánh giá là độc đáo. Thay vì dẫn nước từ hạ lưu sông Cô Ba về sau đập chính, phương án của ông Hòa là đào 2km kênh phụ dẫn nước sông Cô Ba đổ vào chính lòng hồ Bản Mồng. Cùng với đó, ông cho đắp thêm ba đập phụ, kinh phí không đáng kể mà cả vùng đất trù mật của Châu Bình không những không ngập mà còn thêm tốt tươi. Dẫn nước sông Cô Ba vào lòng hồ, vừa cứu nguy cho Châu Bình về mùa lũ lại vừa góp nước cho hồ Bản Mồng về mùa kiệt.

Ông Hòa vân vê mấy hạt lạc, giục tôi cạn nốt một chén nữa rồi cười rõ tươi: Châu Bình sẽ là bến thuyền du lịch khi hồ nước khổng lồ này hoàn công. Chén rượu mà bà con Châu Bình gửi biếu ông càng thêm nồng đượm.

GIA BẢO TẶNG ĐỜI...

Nhật Lân

(Báo Nghệ An, số Xuân Đinh Dậu 2017)

Biết về kỹ sư Nguyên Quang Hòa từ năm 2010, là độ ông nhận giải Đặc biệt Cuộc thi Sáng tạo Khoa học - Công nghệ với công trình "Hợp phân đập phụ và kênh tiêu Châu Bình" đã tiết giảm cho ngân sách gần 300 tỷ đồng khi thực hiện đại Dự án hồ thủy lợi Bản Mồng. Nhưng tôi chưa từng biết ông viết báo...

1. Anh bạn trẻ Lô Văn Thế, công tác tại Phòng Công Thương huyện Quỳ Châu là người giới thiệu cho tôi biết về những bài viết của ông Hòa. Thế tâm đắc: "Có nhiều bài viết từng đăng trên Báo Nghệ An. Hay lắm...". Lướt qua lời tựa, đầu đề một số bài viết, quả thực, cuốn *70 xuân - Dặm dài sự nghiệp* đã gây ấn tượng mạnh trong tôi.

Trong nhiều bài viết được báo Trung ương, địa phương đăng tải, ông lựa chọn 20 bài để đăng trong cuốn sách của mình. Và chủ yếu là những bài viết về những vấn đề xã hội quan tâm mà ông thực sự am tường sâu sắc.

Tôi đã đặc biệt thích thú với những bài ông phân tích sự lợi, hại của công trình thủy điện, các vấn đề về biến đổi khí hậu và phản biện xã hội. Bởi như tôi nghĩ, với những nội dung này, dù ông viết từ cách nay đến cả chục năm trời, nhưng nó không chỉ có giá trị ở giai đoạn trước, mà ở thì hiện tại, và có lẽ, cả tương lai nữa vẫn còn nguyên giá trị.

Dẫn ra bài "Cần có quy định điều hành chung cho các nhà máy thủy điện trên sông Lam" (Báo Nghệ An, ngày 01/6/2010) làm ví dụ, ngay ở tít bài, đã bật lên những trăn trở, băn khoăn và tâm huyết của tác giả. Ông đặt vấn đề: "Trong sản xuất lương thực ở Nghệ An, thời kỳ thiếu nước gay gắt và thời vụ nghiêm ngặt là lúa trổ vụ đông xuân và gieo cấy vụ hè thu đều rơi vào chu kỳ sông Lam mùa cạn nước. Nay dòng nước mùa cạn lại bị cắt khúc để tích nước cho các nhà máy thủy điện ở thượng lưu đang là một vấn đề đặt ra rất nghiêm túc đối với sản suất và đời sống...".

Ông phân tích: "Về mùa cạn, do tích nước phục vụ các nhà máy, làm giảm lưu lượng về hạ lưu"; "... Về mùa lũ, diễn biến ngập mái bờ và đất canh tác phía thượng lưu sẽ tăng lên ở mức độ phụ thuộc theo năng lực xả các cửa van. Mặt khác, thế năng được tạo ra cùng với sự mất cân bằng hàm lượng phù sa trong dòng chảy do bị tích tụ ở các nhà máy thủy điện tạo nên xói lở phía hạ lưu, nhất là các vùng bãi màu mỡ ven sông...". Sau những kiến giải này, ông đưa ra lời bàn: "Khai thác tiềm năng dòng chảy làm thủy điện là một chủ trương lớn đương nhiên phải chấp nhận thiệt hại

ở mức độ cho phép. Song lợi, hại cần được đánh giá toàn diện trong chiến lược phát triển bền vững, hài hòa lợi ích, trong đó đặc biệt là an ninh lương thực quốc gia và môi trường sinh thái trên lưu vực. Trước tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu và khu vực kéo dài, kéo theo thời tiết diễn biến phức tạp khó lường, nên chăng hãy tạm ngừng xây dựng mới cho các nhà máy thủy điện đã và đang xây dựng đi vào hoạt động để có thêm thời gian đánh giá. Bài học nhãn tiền về thủy điện xảy ra ở các nước cũng như các tỉnh trong nước vẫn còn nóng hổi. Cần có quy định điều hành chung các nhà máy thủy điện trên sông Lam để tránh sự cố một trạm nào đó trên thượng nguồn kéo theo hậu quả dây chuyền cho phía hạ lưu là vấn đề cần được đề cập, xem xét...".

2. Đã biết, đã gặp nhưng chưa từng được nói chuyện, vậy nên tôi đã liên hệ và tìm đến nhà ông. Nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nguyễn Quang Hòa sống tại ngõ 7, đường Trần Quang Khải, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh. Trong căn nhà đầm ấm, tôi được ông kể về lý do thực hiện phản biện Dự án hồ thủy lợi Bản Mồng, và những vấn đề ông đã viết.

"Dự án hồ thủy lợi Bản Mồng với cao trình 76,4m sau khi hoàn thành sẽ gây ngập toàn bộ xã Châu Bình với hơn 770 hộ dân,138ha ruộng lúa hai vụ và nhiều công trình khác. Châu Bình là một trong những vùng dân cư đông đúc, rộng lớn, trù mật bậc nhất của tuyến quốc lộ 48.

Qua nghiên cứu dự án, thấy có nhiều điểm bất cập, thiếu tính khả thi, lại tốn kém cho ngân sách,... Sao không tìm phương án tách xã Châu Bình ra khỏi vùng lòng hồ? Vì vậy, chúng tôi lấy tư cách là Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi trình bày với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sau đó là UBND tỉnh để làm công tác phản biện, đưa ra phương án bổ sung "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình" vào Dự án hồ thủy lợi Bản Mồng. Và kết quả, như anh đã biết..." - ông tâm sự.

Từ chuyện hồ thủy lợi Bản Mồng, ông tâm tư nhiều điều, nhất là về sự cần thiết của công tác phản biện xã hội. Ông nói rằng, năm 2003, Chính phủ đã có quyết định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội; Đại hội Đảng lần thứ X, Đảng ta cũng đã làm rõ vai trò phản biện xã hội. Nhưng, do chưa được cụ thể hóa bằng cơ chế, chính sách; chưa quy định đối tượng buộc phải tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Tâm lý của không ít người ở cơ quan có quyền lực thì còn ngại, thậm chí né tránh công tác phản biện...

3. Ông là linh hồn của Đề án "Xây dựng cơ chế, chính sách, đưa chủ trương phản biện xã hội vào cuộc sống ở Nghệ An", để từ đây, Thường trực Tỉnh ủy đã chỉ đạo UBND tỉnh giao cho Trung tâm của ông dự thảo để UBND tỉnh ban hành Quyết định số 60/2014/QĐĐ-UBND quy định hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Vậy nên, tôi đã hỏi ông: "Có nhiều người thực hiện phản biện, nhưng số có được thành công không nhiều. Theo bác,

làm công tác phản biện xã hội, người thực hiện phản biện cần những yếu tố gì?".

Ông cười vui: "Mình nghe câu: "Hãy đứng trong hoàn cảnh của tôi thì anh sẽ hiểu tôi" và lấy đó làm phương châm làm việc. Công tác phản biện như ngọn đèn pha khi chiếu vào sẽ lộ ra những điều được và chưa được. Với phương châm đã theo suốt cuộc đời, mình luôn tâm niệm, nếu muốn thực hiện phản biện xã hội, phải trên quan điểm vì một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; thực hiện phản biện phải theo một quy trình và phương pháp chặt chẽ, có cơ sở khoa học chắc chắn và là sự phân tích khoa học đánh giá có chọn lọc dựa trên các chuẩn mực xã hội đúng đắn...".

Nghe ông phân tích, tôi như hiểu hơn những nhiệt huyết của ông lưu tại cuốn *70 xuân - Dặm dài sự nghiệp;* và ngộ ra, sự thành công của ông, còn được xây nên từ một tấm lòng chân thiện...

ÔNG "PHẢN BIỆN TIỀN TỶ"

Duy Cường

(Báo Sài Gòn Giải phóng, số 14444, ngày 15/8/2017)

Nghe danh ông Nguyễn Quang Hòa đã lâu, muốn gặp ông nhưng ngại. Ngại vì ông được nhiều người biết về nổi tiếng phản biện. Nhưng rồi chính những công trình phản biện làm lợi cho Nhà nước, cho dân hàng tỷ đồng đã thúc giục tôi tìm ông. Một số anh em ở Chi cục Thủy lợi Nghệ An nói ông là người nhã nhặn, khiêm tốn, nhưng tôi vẫn muốn gọi ông là "Ông phản biện tiền tỷ". Tiếp xúc với ông mới cảm nhận được, bên trong con người với thần thái nho nhã là cả bầu nhiệt huyết dành cho từ giọt nước thủy nông cho đến đại công trình thủy lợi.

Từ những dòng nước nhỏ

Ông Nguyễn Quang Hòa sinh năm 1945 ở xã Thanh Xuân (huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An). Sau khi tốt nghiệp Đại học Thủy lợi, ông về quê và gắn bó với ngành Thủy lợi Nghệ An. Ông Hòa từng là Chi cục trưởng

Chi cục Thủy lợi Nghệ An và đã nghỉ hưu năm 2005. Những tưởng được nghỉ ngơi, nhưng cái "nghiệp nước" như ông nói vui, nó cứ đeo đẳng mãi. Ông được mời làm Phó Chủ tịch Hội Thủy lợi Nghệ An, Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi,... Hiện ông còn tham gia tư vấn về chuyên môn cho Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An.

Năm 2017, hay tin Chính phủ ban hành Nghị định số 154 về việc miễn giảm thủy lợi phí cho nông dân, ông Hòa mừng lắm. Nhưng khi nghiên cứu Nghị định này, ông mới hay, việc miễn giảm chỉ thực hiện cho người dân sử dụng nước từ hệ thống thủy lợi của Nhà nước. Thực tế ở Nghệ An, các công trình thủy lợi của Nhà nước lại nằm ở đồng bằng, còn các huyện miền núi khó khăn với hàng triệu nông dân thì các công trình phần lớn do dân, hợp tác xã bỏ tiền làm. Ông Hòa khăn gói ra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gặp những người có trách nhiệm để "hỏi cho ra nhẽ". Sau đó, ông về viết bài báo "Chính sách thủy lợi phí mới ở Nghệ An - Kẻ cười, người khóc", đăng trên Báo Lao động. Bài đăng, nhiều người photocopy chuyền tay nhau đọc. Một năm sau, Chính phủ đã sửa đổi, ban hành Nghị định số 115 miễn thủy lợi phí 100% cho nông dân.

Nhà nước lợi trăm tỷ đồng, dân an cư

Năm 2009, Dự án thủy lợi, thủy điện Bản Mồng được phê duyệt và triển khai. Trong dự án này, có hợp phần di dân, tái định cư xã Châu Bình (huyện Quỳ Châu).

Thời điểm này, ông Hòa chưa liên quan gì đến dự án, nhưng vì tâm huyết nên ông đi thực tế. Ông thấy việc di dời toàn bộ người dân Châu Bình đến nơi ở mới là bất hợp lý. Theo dự án, sẽ phải di dời 773 hộ dân, cùng với đó, khi nước dâng sẽ mất 215ha đất lúa, toàn bộ cơ sở hạ tầng của xã, gần 4km quốc lộ 48 qua địa bàn Châu Bình,... Tổng kinh phí cho hợp phần này là 899 tỷ đồng. Nhìn những cánh đồng lúa xanh ngút mắt, nghĩ đến "bờ xôi ruộng mật" suốt bao đời nay của người dân, ông không khỏi xót xa. Sau khi đi thực tế, ông thấy 8 khu tái định cư đều không thể bằng nơi ở cũ, đặc biệt là thiếu nước...

Ông Hòa đề xuất với các cấp liên quan ở Nghệ An, xin được phản biện, nhưng nhiều người nói Trung ương đã phê duyệt. Quyết không bỏ cuộc, ông khăn gói ra Hà Nội, tìm đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Lúc này, một vị cục trưởng cũng chân thành khuyên ông, dự án đã được duyệt, "bác đừng phản biện nữa". Ông Hòa tiếp tục tìm gặp ông Nguyễn Ngọc Thuật, khi ấy là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sau khi nghe ông Hòa trình bày, ông Thuật đồng tình và có công văn gửi UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An để ông Hòa, với tư cách là Giám đốc Trung tâm Tư vấn ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thủy lợi được phản biện hợp phần di dân tái định cư. Mặc dù đã có công văn của Bộ, nhưng ở cơ sở, ông Hòa cũng "trầy vi tróc vảy", mang tiếng là "chọc gậy bánh xe". Thời gian này, người dân Châu Bình cũng đang thấp thỏm về việc phải di dời,

tâm lý khá nặng nề. Ông Hòa và các cộng sự đã phải âm thầm thực hiện khảo sát thực tế, làm không khéo thì hỏng việc bởi có người đã cảnh báo "vì anh mà dân không đi".

Sau 2 năm ròng rã, công trình phản biện của ông Hòa và cộng sự hoàn tất. Với dự án đã được phê duyệt, đập phụ số 1 ngăn vị trí cuối sông Cô Ba, điểm đổ vào sông Hiếu (tức lòng hồ Bản Mồng) sẽ được làm. Để thông dòng cho sông Cô Ba, một kênh phụ dài 13km sẽ được đào để nước chảy về dưới thân đập chính hồ Bản Mồng. Việc này đồng nghĩa với vùng hạ lưu sông Cô Ba là xã Châu Bình trong diện bị ngập nước, dân phải di dời. Nhưng ông Hòa một mặt vẫn giữ đập phụ số 1, mặt khác thiết kế thêm đập phụ số 3 trên sông Cô Ba, về phía trên xã Châu Bình. Lúc này, đoạn sông Cô Ba giữa đập phụ số 1 và số 3 sẽ là đoạn "sông chết". Từ đoạn "sông chết" này, một kênh tiêu nội bộ cho Châu Bình được thiết kế để nước chảy thoát ra phía dưới thân đập chính hồ Bản Mồng. Nhưng còn sông Cô Ba nước sẽ thoát đi đâu? Ông Hòa đã cho đào 1 kênh thông hồ với chiều dài chỉ 1,6km từ phía trên đập phụ số 3 để đưa nước sông Cô Ba đổ thẳng vào lòng hồ Bản Mồng. Khi vào thực tế kiểm tra, đánh giá đề án "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình", Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hoàng Văn Thắng và đoàn công tác đã đánh giá đây là giải pháp độc đáo.

Từ việc phê duyệt hợp phần di dân tái định cư là 899 tỷ đồng, sau phản biện của ông Hòa, hợp phần này thực hiện

hết trên 700 tỷ đồng. Lúc đầu, dự kiến phải di dời 773 hộ dân, nhưng sau đó 585 hộ được ở lại, chỉ 188 hộ phải đi; bên cạnh đó còn giữ được 215ha đất lúa, không phải thay đổi tuyến quốc lộ 48... Công trình "Hợp phần đập phụ và kênh tiêu Châu Bình" đã được Giải thưởng Đặc biệt - Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ tỉnh Nghệ An năm 2011, giải Ba Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 11 (2010 - 2011).

Phản biện như ngọn đèn pha

Năm 2013, ông Hòa tham gia cuộc thi Sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam, 2013 do Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng Thế giới phối hợp tổ chức. Đề tài của ông là "Xây dựng cơ chế, chính sách, đưa chủ trương phản biện vào cuộc sống". Tại gian thuyết trình đề tài của mình, phía trên, ông Hòa treo "logo" là cán cân công lý, nhưng một bên bị lệch vì phía sau (màu đen) có hai bàn tay bắt vào nhau. Trong 81 gian trưng bày, một bên ông đưa ra những công trình nhờ vào phản biện mà thành công, một bên vì không có phản biện nên thất bại. Ông dẫn chứng, khi các nhà đầu tư đầu tư vào Nghệ An, cơ quan có thẩm quyền chỉ cần thực hiện 3 câu hỏi. Thứ nhất, sự cần thiết của dự án. Thứ hai, kiểm tra các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật. Thứ ba, năng lực khoa học - công nghệ và năng lực tài chính của chủ đầu tư. Chính vì 3 câu hỏi này không được thực hiện đến nơi đến chốn cho nên mới dẫn đến có những dự án treo, lãng phí, không hiệu quả...

Ông Hòa tâm sự: "Nói thật là, về tâm lý thì không ai muốn phản biện cả". Lâu nay, thường thủ trưởng ít muốn nghe cấp đưới "nói ngược". Mặt khác, khi phản biện không ít người ngại sẽ làm mất quyền lực của cơ quan nhà nước. Tôi hỏi ông, có "nhột chí" không, ông cười hiền nhưng giọng sang sảng: "Phản biện như một ngọn đèn pha chiếu vào sự vật. Trắng đen sẽ phơi bày hết".

Ông Nguyễn Quang Hòa *(thứ 7 từ phải sang)* được vinh danh 1 trong 20 nhà khoa học tiêu biểu của tỉnh Nghệ An tại Lễ Công bố Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ông Nguyễn Quang Hòa chụp ảnh lưu niệm với đồng chí Vũ Trọng Kim - Phó Chủ tịch Ủy ban TW MTTQ Việt Nam và Đoàn đại biểu huyện Thanh Chương tại Đại hội MTTQ Việt Nam tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2014 - 2019

Ông Nguyễn Quang Hòa tại Hội nghị Tổng kết phong trào thi đua lao động giỏi trong công nhân, viên chức, lao động (1998 - 2002) của tỉnh Nghệ An

Chụp ảnh lưu niệm với đồng chí Vũ Mão - nguyên Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và các đại biểu tại Đại hội Thi đua yêu nước lần thứ II

Ông Nguyễn Quang Hòa trình bày báo cáo
tại Hội nghị Điển hình tiên tiến 5 năm (2000 - 2005)
của ngành NN&PTNT tỉnh Nghệ An

Ông Nguyễn Quang Hòa *(thứ 3 từ trái sang)* tham gia Đoàn giám sát
của HĐND tỉnh tại Nhà máy Thủy điện Hủa Na

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ ỦY VIÊN
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH NGHỆ AN
NHIỆM KỲ 2014 - 2019

Họ và tên: Nguyễn Quang Hòa
Năm sinh: 1945
Chức vụ, đơn vị: Phó chủ tịch
Hội Thủy lợi Nghệ An

Nghệ An, tháng 7/2014
TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN HUY

Ông Nguyễn Quang Hòa đón nhận Kỷ niệm chương
của Hội Người cao tuổi Việt Nam tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2013,
triển khai công tác năm 2014 của Hội Người cao tuổi thành phố Vinh,
tháng 12/2013

Ông Nguyễn Quang Hòa cùng anh chị em ruột
tại nhà thờ họ Nguyễn Trung Tôn

Con trai, gái, dâu, rể cùng các cháu nội ngoại
mừng thọ ông bà 70 tuổi - Xuân Ất Mùi (2015)

Ông Nguyễn Quang Hòa cùng các đại biểu tham dự Lễ đón Bằng công nhận Trường THCS Đặng Thai Mai ở xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương đạt chuẩn Quốc gia

Bí thư Đảng ủy cùng Chủ tịch UBND và trưởng các đoàn thể xã Thanh Xuân tới nhà riêng mừng thọ tuổi 70 ông Nguyễn Quang Hòa, Xuân Ất Mùi (2015)

Ông Nguyễn Quang Hòa nhận Giải thưởng "Đơn vị có nhiều tác phẩm dự thi nhất" tại cuộc thi "Tự hào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam"

Ông Nguyễn Quang Hòa chụp ảnh lưu niệm cùng con, cháu tại Lễ trao giải thưởng Cuộc thi "Tự hào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam" trên trang Fanpage Mặt trận Nghệ An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH NGHỆ AN

CHỨNG NHẬN

Tác giả: Nguyễn Quang Hòa

SỐ NHÀ 12, NGÕ SỐ 07, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI,
PHƯỜNG HÀ HUY TẬP, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

ĐẠT GIẢI TÁC GIẢ
CÓ NHIỀU TÁC PHẨM DỰ THI NHẤT

Cuộc thi "Tự hào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam"
trên trang Fanpage Mặt trận Nghệ An năm 2022

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2022
TM. ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH NGHỆ AN
CHỦ TỊCH

Võ Thị Minh Sinh

Quyết định số: 86/QĐ-MTTQ-BTT
Ngày 09 tháng 11 năm 2022

Phần III

CHÙM THƠ CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN HỮU BẢN TẶNG ÔNG NGUYỄN QUANG HÒA

Mừng Chi cục Thủy lợi Nghệ An

Thầm lặng tháng ngày chẳng nghỉ ngơi
Đua tài, đua sức với ông trời

Cân bằng nguồn nước không sao nhãng
Quản lý ruộng đồng chẳng để lơi

Kinh tế tăng lên giàu sức sống
Dân sinh phát triển thắm hương đời

Bao năm phấn đấu dày thành tích
Đón nhận Huân chương sáng rạng ngời[1].

Ngày 31/02/2003

---

1. Huân chương Lao động hạng Ba.

Ấm áp nghĩa tình

(Tặng Chi cục Thủy lợi Nghệ An)

Nắm chặt tay nhau ấm nghĩa tình
Mừng vui gặp gỡ bạn cùng ngành
Tri âm, tri kỷ bao năm tháng
Vượt ải gian lao, vững trưởng thành

Nhớ buổi ban đầu, ta với ta
Công trường náo nức rộn gần xa
Nhân dân khắp tỉnh cùng hòa nhịp
Đắp đập khơi mương bước tạo đà

Quản lý công trình nước tưới tiêu
Khó khăn gian khổ biết bao nhiêu
Thiên tai khắc nghiệt lòng không núng
Bão đạn mưa bom dạ chẳng xiêu

Thiếu gạo, thay rau, độn sắn ngô
Chia nhau mét vải, chiếc khăn thô
Chập chờn giấc ngủ bên kênh tưới
Bám ruộng ngày đêm dẫn nước vô

Chống lại ranh ma lũ giặc trời
Ta làm đập giả, "phỉnh" bom rơi
Nêu gương bám trụ nhiều đồng chí
Chẳng quản hy sinh, chết ngậm cười...

Triệu tấn lương thực tỉnh đề ra
Đến nay ngưỡng ấy sắp vượt qua
Tự hào năm tháng cùng chung sức
Vinh dự có phần thủy lợi ta

Nhiệm vụ ngày càng nặng nề hơn
Yêu cầu quản lý phải vuông tròn
Cân bằng nguồn nước trên toàn tỉnh
Phát triển dân sinh, việc sống còn

Gặp lại nhau đây sướng lắm rồi
Chúc nhau sức khỏe, thảnh thơi đời
Thắm tình bầu bạn cùng nghề nghiệp
Chi cục lo toan thật tuyệt vời.

Ngày 05/6/2004

Mừng bạn

(Tặng chú Hòa - Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Nghệ An)

Bao năm bạn đã cùng đồng đội
Trải nắng mưa lụt lội bão bùng
Cân bằng nguồn nước ruộng đồng
Cho mùa tăng vụ, cây trồng tươi xanh

Thủy lợi ta chuyên ngành kỹ thuật
Luôn làm cho nước - đất hài hòa
Anh em tình nghĩa mặn mà
Như chung một mẹ, một nhà yêu thương

Nay bạn được Huân chương Lao động[1]
Tôi mừng vui xúc động vô cùng
Mừng là bạn đã thủy chung
Kẻ sau người trước đều không nhạt mờ

Mừng Chi cục thắm cờ sao sáng
Được nhân dân và Đảng tin yêu
Chung vui bày tỏ đôi điều
Chúc mừng bè bạn sớm chiều an khang.

---

1. Huân chương Lao động hạng Ba.

Nhằm bảo vệ bản quyền cho đối tác, không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kì hình thức hoặc phương tiện nào nếu không được phép của Nhà xuất bản Nghệ An.

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:

Giám đốc - Tổng Biên tập: ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập: ThS. BÙI THỊ NGỌC
PHẠM NGỌC CHI

Bìa, trình bày: MỸ HẠNH - MAI HỒNG

Đăng ký xuất bản số: 1408-2026/CXBIPH/02-21/NA.
Quyết định xuất bản số: 71/QĐĐT-NXBNA, cấp ngày 16/4/2026.
ISBN: 978-632-629-136-0
Nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2026.

Ông Nguyễn Quang Hòa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vinh danh Nhà khoa học thủy lợi tiêu biểu nhân dịp 80 năm ngày thành lập ngành Thủy lợi Việt Nam (28/8/1945 - 28/8/2025), Hà Nội, ngày 14/11/2024

ISBN: 978-632-629-136-0